



170 nhà thơ Nga. Phần 2

Thế kỷ Bạc (cuối 19 – đầu 20)



Aleksandr Aleksandrovich Blok (tiếng Nga: Алекса́ндр Алекса́ндрович Блок) (16/11/1880--7/8/1921) – nhà thơ trữ tình Nga. Là nhà thơ hàng đầu của trường phái hình tượng Nga, A. Blok cùng với những nhà thơ lớn khác làm nên một “Thế kỷ bạc” của thơ ca Nga.

Tiểu sử:

Aleksandr Aleksandrovich Blok sinh ra trong một gia đình trí thức. Bố là một luật sư Ba Lan gốc Đức, mẹ là con gái của hiệu trưởng Đại học Saint-Petersburg. Lên 5 tuổi đã biết làm thơ. Tuổi nhỏ thường đến sống ở điền trang Shakhmatovo của ông ngoại vào những tháng hè. Những bài thơ về phong cảnh thiên nhiên Nga in trong tập “*Thơ tuổi thiếu niên*” (Отроческие стихи, 1922). Blok học khoa luật (1898-1901), sau đó học khoa ngôn ngữ (tốt nghiệp năm 1906) ở Đại học Saint-Petersburg. Năm 1903 Blok cưới Lyubov Mendeleeva, con gái của nhà bác học vĩ đại D. I. Mendeleev. Kết quả của cuộc hôn nhân này là hơn 800 bài thơ viết về người phụ nữ này. Phong cách thơ của A. Blok hình thành trong sự phát triển mạnh mẽ của trường phái thơ hình tượng, mà Blok là chủ soái. Thơ của Blok được dịch ra nhiều thứ tiếng và được dịch nhiều sang tiếng Việt.

Tác phẩm:

* *Стухи о Прекрасной Даме* (Thơ về người đàn bà tuyệt vời, 1904), thơ

* *Город* (Thành phố, 1904-1908), thơ

* *Роза и крест* (Hoa hồng và thập ác, 1912), kịch

* *Родина* (Tổ quốc, 1907-1916), thơ

* *Возмездие* (Trừng phạt, 1910-1921), thơ

* *Двенадцать* (Mười hai chiến sĩ, 1918), thơ

NƯỚC NGA

Bây giờ lại như những tháng năm vàng
Ba vòng đai lưng đã mòn đang run rẩy
Những nan hoa của bánh xe kết lại
Những bức tranh trong những bánh xe lăn.

Ôi nước Nga, ôi nước Nga nghèo khó
Nhà gỗ của Người màu xám thương sao
Những bài ca của Người trong gió
Đối với ta như nước mắt tình đầu!

Xót thương Người ta không biết làm sao
Cây thập ác của mình ta vẫn vác...
Người muốn để cho kẻ làm bùa phép
Thì về tuyệt vời cướp bóc hãy trao!

Mặc cho ai dụ dỗ, dối lừa
Không quì gối, nước Nga không thể chết
Duy chỉ có điều lo lắng làm mờ
Những đường nét của Người tuyệt đẹp.

Thôi đành thế. Một nỗi lo nhiều hơn
Thêm giọt nước mắt, sông thêm âm ỉ
Còn Người vẫn thế – rừng và cánh đồng
Và tấm khăn thêu trên đầu – vẫn thế.

Thành có thể cả điều không thể tưởng
Con đường dài lâu bỗng hoá nhẹ nhàng
Khi ánh lên ở miền xa thẳm
Ánh mắt nhìn dưới tấm khăn vuông
Khi bài hát người xa ích cần trọng
Đang vang lên thắm đượm một nỗi buồn.
1908.

VỀ CHIẾN CÔNG, LÒNG DŨNG CẢM, VINH QUANG

Về chiến công, lòng dũng cảm, vinh quang
Anh đã quên trên mặt đất đau khổ
Khi gương mặt em trong khung ảnh nhỏ
Trước mặt anh rạng rỡ đặt trên bàn.

Nhưng đến giờ em đi khỏi nhà anh
Chiếc nhẫn thề anh vứt vào đêm vắng
Giờ người khác em gửi trao số phận
Anh đã quên rồi gương mặt đẹp xinh.

Ngày trôi đi, nguyên rửa xoáy thành đàn...
Rượu và đam mê làm đời anh tàn tạ...
Trước bàn cưới về em, anh chợt nhớ
Anh gọi em như tuổi trẻ của mình.

Anh gọi em nhưng em chẳng ngoái nhìn
Nước mắt anh em không thềm đoái tới
Trong chiếc áo choàng màu xanh quân lại
Em ra khỏi nhà trong ẩm ướt đêm.

Anh không biết rằng cho kiêu hãnh của mình
Em đẹp xinh, dễ thương tìm đâu vậy...
Trong giấc ngủ, áo xanh anh mơ thấy
Chiếc áo mặc vào em đi khỏi trong đêm...

Giờ không còn mơ về triu mến, vinh quang
Tất cả đi qua, tuổi trẻ không còn nữa!
Gương mặt em trong lòng khung ảnh nhỏ
Bàn tay anh đem cất khỏi chiếc bàn.

12-1908.

NHỮNG BÔNG HOA NGÀY CŨ

Những bông hoa ngày cũ
Ta mang theo, một mình

Đi vào tuyết, giá băng
Con đường xa vời vợi.

Vẫn theo lối mòn xưa
Trên vai ta thanh kiếm
Kiếm đi cùng với ta
Trong áo sương che kín.

Kiếm đi theo và biết
Rằng tuyết đã dần tan
Đằng kia đang cháy hết
ánh hoàng hôn cuối cùng.

Rằng với ta – ngày tàn
Chỉ màn đêm quanh quẽ
Tự do từ nay sẽ
Không đi theo sau lưng.

Ở đâu, khi muộn màng
Ta tìm ra nơi ngủ
Những bông hồng ngày cũ
Đang rơi trên tuyết tan.

Chỉ trên tuyết màu hồng
Giọt nước mắt rơi xuống
Ta không còn hy vọng
Ta đợi phút lâm chung.

Còn kiếm về lạnh lùng
Dìm hoa xưa vào tuyết.
4-11-1908.

ANH LẠI MƠ THẤY EM

Anh lại mơ thấy em – trên sân khấu, đầy hoa
Điên cuồng như đam mê, lặng lẽ như giấc mộng

Còn anh ngoan ngoãn, đầu gối anh quì xuống
Và nghĩ rằng: “Hạnh phúc biết nghe ra!”

Nhưng em nhìn Hamlet, em là Ophelia
Không hạnh phúc, tình yêu, thiên thần sắc đẹp
Còn hoa hồng rắc lên nhà thơ tội nghiệp
Cùng với hoa hồng những mơ ước tuôn ra...

Em đã chết trong hồng thấm nhuộm màu
Hoa trên ngực và hoa trên mái tóc
Còn anh đứng trong hương em ngào ngạt
Với hoa trên tay, trên ngực, trên đầu...
12-1898.

MÙA XUÂN VÔ TẬN

Ôi mùa xuân không cùng vô tận
Và không cùng vô tận giấc chiêm bao!
Ta nhận biết cuộc đời, ta đón nhận!
Bằng tiếng vang tám lá chắn ta chào!

Ta nhận về cả những gì thất bại
Và thành công, cho ta gửi lời chào
Trong vùng của tiếng khóc thảm hại
Bí ẩn tiếng cười – không xấu hổ đâu!

Ta nhận về cả những đêm tranh cãi
Buổi sáng ra cửa sổ tối mịt mùng
Để những con mắt của ta sưng tấy
Làm say sưa, làm tức giận mùa xuân!

Ta nhận về cả những làng hoang vắng
Những giếng nước trong trên mặt đất này
Khoảng không rộng giữa bầu trời chiếu sáng
Những khó khăn vất vả của con người!

Ta gặp gỡ với người bên ngưỡng cửa
Ngọn gió cuồng thổi trong mái tóc xoăn
Với cái tên chưa đoán ra của Chúa
Trên những bờ môi co hẹp lạnh lùng...

Trước thù hận của lần này gặp gỡ
Lá chắn ta không bỏ xuống bao giờ...
Không bao giờ những cánh tay, đừng mở...
Nhưng hãy cho ta giấc mộng say sưa!

Ta nhìn ngắm, hận thù ta đo hết
Cả yêu thương, cả nguyên rửa, căm thù:
Ta biết rằng vì khổ đau, cái chết
Dù sao thì ta cũng nhận về ta!

TRONG NHÀ HÀNG

Không bao giờ anh quên (dù từng có hay không
Buổi chiều này): hoàng hôn như đám cháy
Đốt sáng lên bầu trời xanh nhợt tái
Trong hoàng hôn có những chiếc đèn lồng.

Anh ngồi bên cửa sổ một gian phòng
Nơi người ta hát liên khúc tình ái
Anh gửi em bông hồng trong cốc vại
Sâm banh vàng như màu của hoàng hôn.

Em nhìn qua. Anh bối rối ngượng ngùng
Gặp ánh mắt kiêu kì anh đáp lại
Em hình như xăng với người bạn nhảy
Em nói rằng: “Con người ấy em thương”.

Và bây giờ đã vang động dây đàn
Đã kích động điên cuồng cây mã vĩ...
Nhưng em với anh bằng điều khinh thị
Chỉ bàn tay hơi có vẻ run run...

Em bước đi nhút nhát như chim non
Em đi qua, tựa giấc mơ, rất khẽ...
Bờ mi khép, hơi thở em nhẹ nhẹ
Để nhưng tơ lo lắng khẽ thì thâm.

Nhưng ném cho anh ánh mắt từ trong gương
Em vút ra và kêu lên: "bắt lấy!.."
Chiếc vòng lắc kêu, cô gái Digan nhảy
Và tình yêu réo rắt giữa hoàng hôn.

EM TUỔI MƯỜI LĂM

Em tuổi mười lăm. Nhưng theo nhịp đập
Của con tim – tôi muốn gọi nàng dâu.
Khi tôi mỉm cười định đưa tay bắt
Thì em cười và vội bước đi mau.

Câu chuyện này xảy ra đã từ lâu
Không còn nhớ đã bao nhiêu năm tháng.
Chúng tôi ít gặp nhau và nói chuyện
Nhưng im lặng này là im lặng rất sâu.

Đêm mùa đông tin vào giấc chiêm bao
Tôi đi khỏi nơi đông người rực sáng
Nơi những mặt nạ cười rất chệnh choáng
Mắt tôi và em khao khát tìm nhau.

Em theo tôi, ngoan ngoãn bước theo sau
Không biết được điều gì sau khoảnh khắc.
Chỉ có đêm đen thị thành vắng ngắt
Thấy hai người: chàng rể với cô dâu.

Một ngày đầy mặt trời, lạnh lẽo giá băng
Chúng tôi gặp trong nhà thờ yên lặng
Hiểu ra tháng năm im lặng rõ ràng
Điều đã xảy ra – từ trên cao định sẵn.

Câu chuyện này tìm kiếm đã rất lâu
Rất ngọt ngào, tràn đầy trong lồng ngực
Tôi đã dựng ngôi nhà từ bài hát
Còn những bài kia – sẽ hát một khi nào.
6-1903.

CÔ GÁI ĐẾN TỪ SPOLETO*

Thân hình em như ngọn nến nhà thờ
Ánh mắt em nhìn sắc như dao chém.
Anh không đợi gặp gỡ nào chói sáng
Cho thầy tu lên đồng lửa thôi mà!**

Hạnh phúc không cần. Ve vuốt không đòi
Xúc phạm em: vuốt ve hay thô bạo?
Chỉ như họa sĩ nhìn qua bờ giậu
Xem nơi nào hoa em hái – và yêu!

Tất cả đều ngang qua – em đuổi gió
Đốt mặt trời – em hãy cho phép anh
Ngắm nhìn em, sắc đẹp của thiên thần
Cho con tim ném ngọt ngào đau khổ!

Anh lặng lẽ bện vào mái tóc đen
Lời vàng ngọc những dòng thơ bí hiểm
Con tim đang khát khao yêu anh ném
Vào mạch nguồn của đôi mắt ánh lên.
6-1909.

*Thành phố ở Italia.

**Blok ám chỉ số phận của Girolamo Savonarola (1452-1498) – nhà truyền đạo, nhà cải cách Italia bị tòa án nhà thờ kết án treo cổ và đốt trên đồng lửa vì tội "phản đạo".

NGƯỜI ĐÀN BÀ XA LẠ

Vào buổi chiều ở trong những nhà hàng
Bầu không khí nóng, khô và hoang dại
Những kẻ say sưa luôn miệng hét vang

Những linh hồn giữa mùa xuân tê tái.

Ở đằng xa, sau bụi mù đường phố
Sau nỗi buồn biệt thự cháy thành tro
Vàng ánh lên bảng cửa hiệu bánh mì
Và vang lên tiếng khóc trẻ nhỏ.

Cứ buổi chiều sau những thanh chắn đường
Những quí ông đội mũ
Rồi với quí bà dạo trên bờ mương
Nói những lời quyến rũ.

Trên mặt hồ cọc chèo kêu cọt két
Tiếng kêu đàn bà the thé vang lên
Còn trên trời như mọi người đều biết
Mặt trăng như cái đĩa cong vênh.

Cứ buổi chiều có một người duy nhất
Lại hiện lên trong chiếc cốc của tôi
Bằng hơi men cay nồng và bí mật
Làm inh tai và cam chịu như tôi.

Sát gần bên là những bàn to nhỏ
Mấy đứa hầu gái ngủ vãng lang thang
Những người say với những đôi mắt thỏ
“Chân lý nằm trong rượu!” hét vang.

Cứ buổi chiều vào giờ đã định
(Hay điều này chỉ nhìn thấy trong mơ?)
Hình bóng thiếu nữ dịu dàng mềm mỏng
Xê dịch trong khung cửa sổ sương mờ.

Chậm rãi đi giữa những người say rượu
Và luôn luôn chỉ có một mình
Thở bằng hương nước hoa và sương khói
Nàng nhẹ nhàng bên cửa sổ ngồi lên.

Phảng phất điều mê tín dị đoan
Quần áo lụa của nàng những nhũ
Chiếc mũ làm bằng lông đà điểu
Và cánh tay chật hẹp đeo vòng.

Bao trùm lên sự gần gũi lạ lùng
Tôi nhìn vào chiếc khăn màu huyết dụ
Tôi nhìn thấy một bến bờ quyến rũ
Và một miền quyến rũ thật xa xăm.

Trao cho tôi những bí ẩn lặng câm
Trao cho tôi một mặt trời nào đó
Trong hồn tôi những nơi bị uốn cong
Rượu vang đáng cay thấm vào rất rõ.

Và những chiếc lông đà điểu lung linh
Trong đầu tôi ngả nghiêng dao động
Những con mắt sâu thẳm màu xanh
Đang nở hoa nơi bến bờ xa lắm.

Trong hồn tôi có một kho châu báu
Người ta trao chìa khoá chỉ cho tôi!
Kẻ say sưa quá vật. Em đúng rồi!
Tôi biết rằng: Chân lý nằm trong rượu.
4-1906.

CHỈ MỘT MÌNH EM

A la tres-chere a la tres-belle...
Baudelaire*

Cho mình em, chỉ một mình em thôi
Cho hoàng hậu tình yêu và hạnh phúc
Cho em trẻ trung xinh đẹp tuyệt vời
Tất cả những trang đời đẹp nhất!

Không mẹ hiền, không anh em, bè bạn
Biết được anh em hay bạn hay con

Chỉ có thể một mình em thấu tận
Nỗi khổ đau u ám ngự trong hồn.

Chỉ mình em, niềm khát khao dữ dội
Tình yêu của anh, hoàng hậu của anh!
Tâm hồn em cho dù trong đêm tối
Rực sáng lên như chớp bể mưa nguồn.
3-1898.

*Người tuyệt vời, người yếu đuối nhất...
Baudelaire

CUỘC ĐỜI CHẲNG MỚI

Đêm, đường phố, hiệu thuốc, đèn lồng
Thế gian này nhạt nhẽo và vô nghĩa.
Dù sống thêm một phần tư thế kỷ
Thì cuộc đời cũng chẳng mới gì hơn.

Khi chết đi – tất cả lại mở màn
Tất cả lặp lại như thời thượng cổ
Đêm, hiệu thuốc, đèn lồng, đường phố
Và mặt nước kênh gợn sóng lăn tăn.
10-1912.

(Xem thêm : 100 bài thơ Aleksandr Blok)



Sergei Aleksandrovich Esenin (3/10/1895 – 28/12/1925) – nhà thơ
trữ tình Nga, là một trong những nhà thơ được yêu thích nhất của thế kỷ
XX.

Tiểu sử:

Esenin sinh ở làng Konstantinova, tỉnh Ryazan trong một gia đình nông dân. Bố là Aleksandr Nikitich, mẹ là Tatyana Fyodorovna. Bố mẹ lấy nhau theo ý của ông bà chứ không phải vì tình nên sau một thời gian, mẹ đưa Esenin về sống nhà ông bà ngoại. Sau đó, mẹ đi tìm kế mưu sinh, Esenin được ông bà ngoại nuôi dạy. Ông ngoại là người sùng đạo và rất hiểu sách Thánh, bà ngoại là người thuộc nhiều chuyện cổ tích và những bài hát dân gian. Theo lời Esenin thì chính bà ngoại là người gợi cho ông những cảm xúc để viết những bài thơ đầu tiên. Esenin đầu tiên học ở trường làng, sau đó học ở trường của nhà thờ. Năm 1912, Esenin lên Moskva, nơi bố đang làm việc cho một thương gia.

Năm 1913 vào học khoa sử-triết ở Đại học nhân dân Moskva và học ở đây trong một năm rưỡi. Thời gian này Esenin đã có con với Anna Izryadnova (hôn nhân không đăng ký). Năm 1914, tạp chí *Mirok* in những bài thơ đầu tiên của Esenin. Năm 1915, Esenin đến Petrograd gặp Aleksandr Blok và làm quen với nhiều nhà thơ nổi tiếng khác. Năm 1917, ông kết hôn lần thứ hai với nữ diễn viên Zinaida Raikh, họ có hai đứa con. Những năm 1918 – 1920, Esenin kết bạn với Anatoly Mariengof và tích cực tham gia vào nhóm hình tượng. Năm 1921, Esenin đi về vùng Ural và trung Á. Mùa thu năm 1921, Esenin làm quen với Isadora Duncan, hai người làm đám cưới vào năm 1922 và sau đó đi du lịch sang nhiều nước châu Âu và Mỹ. Năm 1923, Esenin lại say sưa với nữ nghệ sĩ Augusta Miklashevskaya, kết quả của cuộc tình này là tập thơ “*Mối tình của tên du đãng*”. Những năm 1924 – 1925, Esenin đi về vùng Kapkage (Azerbaijan, Gruzia). Cảm xúc trước vẻ đẹp của vùng này cùng với ấn tượng về các nhà thơ Ba Tư cổ là nguồn cảm hứng cho ông viết tập thơ “*Những mô-típ Ba Tư*” – đỉnh cao trong sáng tạo của ông.

Tháng 6 năm 1925, Esenin kết hôn với Sofia Tolstaya, cháu gái của đại văn hào Lev Tolstoy nhưng cuộc hôn nhân này cũng không mang lại cho ông hạnh phúc. Cuối năm 1925 ông đi về Leningrad, không cho vợ biết và tự kết thúc cuộc đời mình vào năm 30 tuổi ở khách sạn Anglettere. Về cái chết của Esenin, có nhiều giả thiết cho rằng không phải ông tự tử mà bị giết. Năm 1989 một hội đồng về cái chết của Esenin do Yuri Prokushev làm chủ tịch được thành lập và kết luận cũng không có gì mới.

Thơ của Esenin được dịch nhiều sang tiếng Việt, tiêu biểu nhất có quyển
"Esenin - Thơ và Trường Ca" gồm 200 bài thơ và trường ca - bản dịch
của Nguyễn Việt Thắng.

Tác phẩm in khi còn sống:

- «Радуница», Издание М. В. Аверьянова, Петроград, 1916.
- «Сельский часослов», 1918
- «Москва кабацкая» (1924)
- «Персидские мотивы» (1924—1925)
- «Страна Советская», Изд. Советский Кавказ, Тифлис, 1925.
- «Русь Советская» (1925)

Một số bài thơ:

NƯỚC NGA YÊU DẤU

Ôi nước Nga yêu dấu của tôi ơi
Nhà gỗ thông của Người mang tượng Chúa
Một màu xanh tím tấp tận chân trời
Cho đôi mắt được ngắm nhìn thuê thỏa.

Giống như kẻ hành hương mùa trẩy hội
Tôi ngắm nhìn đồng ruộng của nước Nga
Bên bờ gậu quanh làng thấp te tái
Những cây dương gầy guộc vẫn vui đùa.

Hương táo chín và mật thơm lan tỏa
Trong nhà thờ ca tụng Đức Chúa Trời
Có tiếng kêu vù vù sau làng nhỏ
Rồi trên đồng là điệu nhảy vui tươi.

Tôi chạy theo lối mòn hoa cỏ nát
Ra bao la đồng ruộng trải ngát xanh
Đón chào tôi – như vành khuyên lúc lắc
Là tiếng cười các cô gái vang lên.

Nếu thiên thần đồng thanh cất tiếng gọi:
“Bỏ nước Nga lên sống ở thiên đường!”

Tôi sẽ nói: “Thiên đường tôi chẳng lấy
Hãy trao cho tôi tổ quốc yêu thương!”
1914

THĂNG NGÔNG

Cơn mưa nhỏ như những chiếc chổi ướn
Đang quét phân dương liễu vãi trên đồng.
Gió hãy làm cho lá kêu sột soạt
Ta cũng như mây, gió ạ, thăng ngông.

Ta mến yêu những khi rừng xanh thắm
Giống như đàn bò rảo bước nặng nề
Thở bằng lá phì phò trong những bụng
Một phần cây, đến đầu gối, bùn dơ.

Này đây mi, đàn bò vàng ta ơi!
Còn ai hát về rừng hay hơn thế?
Ta nhìn thấy buổi hoàng hôn đang ghé
Liếm dấu chân bỏ lại của con người.

Ôi nước Nga bằng gỗ của ta ơi
Một mình ta – người đưa tin, thi sĩ.
Thơ ta – nỗi buồn của loài muông thú
Ta nuôi chúng bằng những cỏ và cây.

Lúc nửa đêm cái gàu trắng hãy ngó
Rồi múc vào dòng sữa của bạch dương!
Có vẻ như muốn bóp cổ ai đó
Bằng bàn tay của thập ác nghĩa trang!

Trên ngọn đồi thơ thần một bóng đen
Đổ vào vườn vẻ dữ dằn tên trộm
Ta tự mình cũng là tay lỗ mãng
Một máu cùng tên trộm ngựa thảo nguyên.

Ai nhìn ra đang sôi sục trong đêm
Rặng anh đào đại rì rầm sôi động?
Giá mà trong đêm trên thảo nguyên xanh
Ở đâu đó cầm dùi cui ta đứng.

Đã khô bụi cây trên mái đầu ta
Vòng tù hãm của thơ ca cuốn hút.
Ta khổ sai trong mạch nguồn cảm xúc
Buộc xoay vòng cái cối của thơ ca.

Đừng sợ chi, hỡi ngọn gió điên cuồng
Lá trên đồng cứ cuốn vào lặng lẽ
Ta chẳng sợ mất cái tên “thi sĩ”
Ta trong thơ, cũng như gió, thẳng ngông.
1919

TÔI – NHÀ THƠ CUỐI CÙNG CỦA NÔNG THÔN

Tặng A. Mariengof

Tôi – nhà thơ cuối cùng của nông thôn
Cây cầu gỗ khiêm nhường trong bài hát.
Tôi đứng sau lễ mi-xa tiễn biệt
Lá bạch dương vẫn lắc những bình hương.

Sẽ cháy hết màu vàng trong ngọn lửa
Từ xác thân ngọn nến, sẽ tàn thôi
Và mặt trăng đồng hồ quê giục già
Sẽ gióng lên giờ phút cuối cho tôi.

Trên lối nhỏ của ruộng đồng xanh thắm
Sẽ bước ra vị khách thép và gang.
Lúa kiêu mạch bằng ban mai rớt xuống
Sẽ gom về lúa mạch cánh tay đen.

Những bàn tay chết, bàn tay xa lạ
Những bài ca không sống với người đâu!
Chỉ tội những bông lúa mì cho ngựa

Về người chủ xưa buồn bã u sầu.

Ngọn gió làm đau tiếng hý vang trời
Điệu nhảy lồng lên cầu siêu cho ngựa.
Sắp tới đây đồng hồ quê giục già
Sẽ gióng lên giờ phút cuối cho tôi.
1920

THẾ GIỚI CỦA TA CỔ XƯA, BÍ ÂN

Thế giới của ta cổ xưa, bí ẩn
Còn người lặng im như gió ngồi lên
Đưa bàn tay ra bóp cổ ngôi làng
Bàn tay đá của những con đường lớn.

Giữa trời tuyết thật vô cùng khiếp đảm
Vẻ kinh hoàng đang giãy giụa, kêu la
Ta chào người, cái chết đen của ta
Bước ra đường ta cùng người chào đón!

Đô thị hồi, người trong cơn giao chiến
Đặt tên ta như rác bẩn, xác chôn
Đồng ruộng tái tê trong đôi mắt buồn
Vẻ sững sờ như những dòng điện tín.

Bắp thịt gân trên cổ bày quỷ ác
Tám lót bằng gang lên đó đặt vào
Đành chịu chăng? Bởi không phải lần đầu
Ta từng chịu lung lay và mất mát.

Thôi con tim đón đau thì cứ mặc
Bài ca này của sự thật thú muông
... Kẻ đi săn đuổi theo chó sói rừng
Rồi vòng vây cứ dần dần siết chặt.

Con thú né... và từ nơi mai phục

Có ai người lúc ấy bóp cò nhanh
Bỗng chồm lên... và địch thủ hai chân
Bị xé ra từng phần vì nanh vuốt.

Ta chào con thú yêu thương của ta!
Chẳng vô tình mi nhảy vào dao sắt.
Ta cũng thế – bị khắp nơi đuổi bắt
Giữa những kẻ thù sắt thép ta qua.

Cũng như mi – ta sẵn sàng chờ đợi
Dù nghe tiếng kèn chiến thắng hoan ca
Nhưng sẽ thử thách máu thịt kẻ thù
Bằng cú nhảy chết người trong lần cuối.

Dù trên tuyết, rồi đây ta sẽ đổ
Sẽ chôn mình trong tuyết trắng quê hương...
Nhưng bài ca về cái chết đau buồn
Sẽ hát ta nghe ở bờ bến nọ.

1921

TẶNG CHÚ CHÓ NHÀ KACHALOV

Jim, hãy đưa ta bàn chân lấy may
Bàn chân thế chưa bao giờ được ngắm.
Nào, hai ta cùng sủa dưới trăng này
Trong tiết trời lặng yên và thanh vắng
Jim, hãy đưa ta bàn chân lấy may.

Nào, Jim yêu, đừng liếm ta rồi rít
Hiếu cùng ta một điều tối giản đơn
Bởi đời là gì Jim đâu có biết
Có biết đâu đáng sống lắm trên trần.

Chủ của Jim đáng yêu và danh tiếng
Khách khứa thường hay lui tới đây nhà
Ai cũng cố mỉm cười và âu yếm

Vuốt ve bộ lông Jim mượt như tơ.

Trong loài chó, quả là Jim tuyệt đẹp
Với vẻ đáng yêu, tin cậy, dịu dàng
Jim chẳng thêm hỏi han chi ai hết
Như người say, cứ sấn đến đòi hôn.

Jim yêu dấu, giữa bao nhiêu khách đầy
Có đủ hạng người thế nọ thế này.
Nhưng một nàng buồn, lặng hơn hết thảy
Có bỗng tình cờ từng ghé đến đây.

Nếu nàng đến, giao phó cho Jim đây
Dù vắng ta, hãy đắm đuối nhìn nàng
Thay ta hôn bàn tay thật dịu dàng
Vì tất cả, có và không có lỗi.

1925

NHỮNG CON NGỰA VÀ NHỮNG XE TRƯỢT TUYẾT

Những con ngựa và những xe trượt tuyết
Rõ một điều quý mang xuống trần gian.
Trên thảo nguyên phi nước đại ngang tàng
Tiếng nhạc ngựa cười vang, trào nước mắt.

Không trăng sáng, chẳng còn nghe tiếng chó
Phía ngoài rìa chốn hoang mạc xa xăm
Hãy gắng giữ, cuộc đời ta điên cuồng
Đến muôn thuở ta đã già đâu chứ.

Mặc đêm tối, hãy hát lên xà ích
Nếu người cần ta sẽ hát cùng người
Hát về một thời tuổi trẻ vui tươi
Về ánh mắt những cô nàng tinh nghịch.

Có nhiều khi mũ lông người đội lệch

Rồi gióng ngựa vào giữa hai càng xe
Chỉ người ta kêu tên, hãy nhớ về
Khi đề trên lớp cỏ khô, ghì chặt.

Và phong thái lấy từ đâu chẳng biết
Khi giữa đêm hôm khuya khoắt vắng tanh
Đã từng rủ rê không chỉ một nàng
Sau tiếng đàn ta-lin-ka khoan nhặt.

Tất cả đi qua, tóc ta giờ thừa bót
Ngựa không còn, sân nhà rộng thênh thang
Tiếng đàn nay đã chùng xuống, u buồn
Quên hết mất những điều xưa đã học.

Nhưng dù sao, lửa lòng đâu đã tắt
Ta vẫn còn yêu tuyết với giá băng.
Về tất cả những gì đã xa xăm
Tiếng nhạc ngựa cười vang trào nước mắt.
19-9-1925.

NƯỚC NGA VÀNG

Ồ, tôi tin hạnh phúc là có thực
Đến một khi chưa tắt ánh mặt trời.
Bình minh như quyển sách kinh đỏ rực
Báo trước rằng sẽ có một tin vui.
Ồ, tôi tin hạnh phúc là có thực.

Nước Nga vàng, xin Người hãy ngân vang
Hãy xúc động, thôi không ngừng ngọn gió!
Hạnh phúc kẻ bằng niềm vui ghi nhớ
Nỗi buồn nước Nga của trẻ mục đồng.
Nước Nga vàng, xin Người hãy ngân vang.

Tiếng thì thầm dòng nước chảy tôi yêu
Ánh hào quang của sao trên ngọn sóng.
Và tôi yêu nỗi đau khổ ngọt ngào

Tôi cảm tạ nhân dân Người rộng lượng.
Tiếng thì thầm dòng nước chảy tôi yêu.
(Xem thêm: 200 bài Thơ và Trường Ca)



Anna Akhmatova (tiếng Nga: Анна Ахматова, tên thật: Анна Андреевна Горенко)(23/6/1889—5/3/1966) – nữ nhà thơ Nga, một trong những gương mặt xuất sắc nhất của thơ Nga thế kỉ XX.

Tiểu sử:

Anna Akhmatova sinh ở Bolshoy Fontan, Odessa (nay là Ucraina). Năm 1890 gia đình chuyển về Hoàng thôn (Tsarskoe Selo), St. Petersburg.

Năm 1905 bố mẹ chia tay nhau, các con theo mẹ đến thành phố Evpatoria ở phía nam. Học luật ở Kiev năm 1906-1907. Học văn học và lịch sử ở St. Petersburg năm 1908-1910. Tháng 4-1910 lấy chồng là nhà thơ Nikolai Gumiliev sau đó đi du lịch sang Pháp, Italia.

Bài thơ đầu tiên viết năm 11 tuổi in ở tạp chí Apollo nhưng bố không cho lấy họ Gorenko nên đã lấy họ thời trẻ của bà ngoại là Akhmatova. Năm 1912 in tập thơ đầu tiên *Вечер* (Buổi chiều) được giới phê bình chú ý. Năm 1914 in tập thơ thứ hai *Чётки* (Tràng hạt). Những nét chính của thơ Anna Akhmatova là sự hiểu biết tinh tế của những cung bậc tình cảm, sự suy ngẫm về những bi kịch nửa đầu thế kỉ XX. Trường ca *Реквием* (Khúc tưởng niệm, 1935-1940 in năm 1976) viết những nạn nhân của cuộc trấn áp những năm 30. Đỉnh cao trong sáng tác của A. Akhmatova là *Поэма без героя* (Trường ca không có nhân vật, 1940-1965) được đánh giá là một tác phẩm thi ca triết học tầm cỡ của thế giới. Năm 1962 được đề cử trong danh sách xét giải Nobel Văn học. Năm

1964 được tặng giải Etna Taomina của Italia. Năm 1965 được trao bằng Tiến sĩ danh dự của Đại học Oxford.

Ngoài thơ, A. Akhmatova còn là tác giả của nhiều bài viết về Pushkin và các nhà thơ đương thời. Anna Akhmatova được mệnh danh là “Bà chúa thơ tình Nga”. Thơ của bà được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới và gần đây được dịch nhiều ra tiếng Việt.

Tác phẩm:

* Вечер (Buổi chiều, 1912), thơ
* Четки (Tràng hạt, 1914), thơ
* Белая стая (Bầy trắng, 1917), thơ
* Подорожник (Xạ tiễn thảo, 1921), thơ
* Anno Domini MCMXXI, 1922, thơ
* У самого моря (Bên biển, 1921), trường ca
* Бег времени (Bước chạy của thời gian, 1965), thơ
* Поэме без героя (Trường ca không nhân vật) (1940—1965, in đầy đủ năm 1976), trường ca
* Реквием (Khúc tưởng niệm) (1935-40; in năm 1976), trường ca

TÌNH YÊU

Tình như con rắn cuộn tròn
Trong sâu thẳm con tim làm phép thuật
Tình là bờ câu suốt ngày đêm
Bên cửa sổ gập gù khoan nhặt.

Tình là lấp lánh trong sương
Thủy dương mai trong mơ màng linh cảm...
Nhưng tình rất chân thành và bí ẩn
Tình bắt nguồn từ tĩnh lặng, hân hoan.

Tình là biết ngọt ngào, nức nở
Trong lời cầu nguyện của cây đàn.
Và thật khủng khiếp nhận ra tình
Trong nụ cười hãy còn xa lạ.

11-1911

SỰ ÂU YẾM BÂY GIỜ

Sự âu yếm bây giờ anh đừng lẫn
Với một điều gì, nó rất dịu êm.
Anh phí uống quán vào rất cẩn thận

Lông thú lên vai, lên ngực cho em.
Và phí hoài những lời rất ngoan ngoãn
Anh nói với em về một mối tình
Em rất biết những ánh mắt kiên nhẫn
Những cái nhìn rất khao khát của anh!
1913

KẺ ĐANG YÊU

Kẻ đang yêu có yêu cầu vô khối!
Kẻ không còn yêu không có bao giờ.
Em rất mừng vui rằng nước bây giờ
Dưới băng giá không màu đang cứng lại.

Và em đứng lên – lạy Chúa lòng lành
Trên lớp phủ mỏng manh và dễ vỡ
Còn anh những bức thư của em hãy giữ
Để đời sau sẽ phán xét chúng mình.

Cho rành mạch hơn và thật rõ rành
Người ta thấy anh thông minh, can đảm
Và trong tiểu sử danh giá của anh
Có lẽ nào chứa ra những khoảng trống?

Ôi nước uống trần gian sao quá ngọt
Lưới tình yêu sao lại dệt quá dày
Hãy để tên em một khi nào sẽ đọc
Lũ trẻ con trong sách lúc học bài.

Và, câu chuyện buồn khi đã hiểu ra
Mặc cho chúng sẽ mỉm cười ranh mãnh...
Yên lặng và tình yêu đã không cho
Hãy tặng em bằng vinh quang cay đắng.
1913

HAI ĐỨA TA

Hai đứa ta không biết cách già từ
Cứ thơ thần, cứ kẻ vai sát cánh
Để đến khi trời bắt đầu chạng vạng
Em lặng im, còn anh thì trầm tư.

Ta bước vào nhà thờ thấy người ta
Sắp cưới nhau và họ đang làm lễ
Ta không nhìn mắt nhau và bước ra...
Tại vì sao hai chúng mình không thể?

Hay ta ngồi lên trên tuyết nát nhàu
Ngoài nghĩa địa, ta thở phào nhẹ nhõm
Và anh lấy que vẽ ra cung điện
Nơi chúng mình sẽ mãi mãi bên nhau.

TẤT CẢ CHÚNG TA

Tất cả chúng ta – lũ say sưa, truy lạc
Vui vẻ gì đâu tụ tập nơi này!
Trên những bức tường hoa và chim chóc
Một mối bơ phờ dưới những đám mây.

Anh hút thuốc bằng cây tẩu màu đen
Khói vẽ lên những hình thù kỳ quặc
Chọn chiếc váy bó sát người em mặc
Để tôn thêm vẻ cân đối thân hình.

Những ô cửa đến muôn đời khép chặt
Ở ngoài kia giông bão hay giá băng?
Đôi con mắt rất cần trọng của anh
Giống như mắt mèo dẫn đo, dè dặt.

Ôi con tim của em buồn quá mức
Phút lâm chung em có lẽ đang chờ?

Còn cô gái kia đang nhảy bây giờ
Chắc hẳn là sẽ bước vào địa ngục.
1-1913

ANH XƯA DỊU DÀNG

Anh xưa dịu dàng, hay lo lắng, hay ghen
Đã yêu em như mặt trời của Chúa
Và để cho không hát như trước nữa
Anh giết đi con chim trắng của em.

Anh bước vào phòng thốt lên buổi hoàng hôn:
“Hãy yêu anh, hãy cười, thơ hãy viết!”
Còn em, con chim vui đem vùi lấp
Sau giếng tròn, dưới gốc một cây trăn.

Rằng sẽ không khóc, em hứa với anh
Nhưng tim em đã từ lâu hoá đá
Em ngỡ rằng mọi lúc và mọi ngả
Vẫn nghe giọng ngọt ngào, âu yếm của chim.
Thu 1914

RỒI CUỐI CÙNG TA ĐÃ CHIA TAY NHAU

Rồi cuối cùng ta đã chia tay nhau
Và ngọn lửa rửa nguyên đem dập tắt.
Kẻ thù muôn kiếp của tôi ơi hãy học
Để sau này với ai đó sẽ yêu.

Tôi tự do. Trò tiêu khiển có nhiều
Cứ hằng đêm có Nàng Thơ an ủi
Mỗi buổi sáng niềm vinh quang lại tới
Bên tai tôi lúc lắc chẳng ngừng kêu.

Còn cho tôi xin anh chớ nguyện cầu

Đi khỏi rồi anh hãy nhìn ngoảnh lại...
Ngọn gió đen vỗ về tôi, an ủi
Mùa thu vàng lá rụng chẳng buồn đau.

Tôi nhận sự chia ly như một món quà
Và lãng quên như một niềm ân huệ.
Nhưng nếu yêu rồi vẫn đau khổ nữa
Thì anh có còn dám làm khổ người ta?

TA KHÔNG CÙNG NHỮNG KẺ

Ta không cùng những kẻ
Bỏ quê hương, mặc cán xé quân thù
Ta không nghe lời tâng bốc của họ
Và không trao cho họ những bài thơ.

Nhưng muôn thuở thương kẻ đầy phát vãng
Như kẻ tù nhân, như kẻ tật nguyên.
Con đường tối tăm của người du lãng
Mùi bánh mì, ngải cứu lạ bốc lên.

Còn ở đây, trong khói đám cháy này
Ta phí hoài chút tuổi xuân còn lại
Nhưng chưa từng một đòn đau nào
Nhận về mình ta từ chối.

Ta biết, sự đánh giá sau này, dù chậm
Sẽ thanh minh cho từng phút, từng giờ
Nhưng trên đời không có người đơn giản
Không nước mắt và kiêu hãnh hơn ta.

7-1922

LỜI THỀ

Người con gái hôm nay vĩnh biệt người thương

Sẽ biến nỗi đau thương của mình thành sức mạnh
Ta thề với cháu con, với những nấm mồ yên lặng
Rằng không ai bắt được ta quì gối đầu hàng!
7-1941

(Xem thêm: *Anna Akhmatova - 150 bài thơ và Khúc tưởng niệm*)



Marina Ivanovna Tsvetaeva (tiếng Nga: Мари́на Ива́новна Цвета́ева) (26/9/1892-31/8/1941) - nữ nhà thơ , nhà văn Nga, một trong những nhà thơ xuất sắc nhất của Nga thế kỉ XX.

Tiểu sử:

Marina Tsvetaeva sinh ở Moskva. Lên 6 tuổi đã biết làm thơ bằng tiếng Nga, tiếng Pháp và tiếng Đức. Học phổ thông ở Moskva, Thụy sĩ và Đức. Năm 1910 in tập thơ đầu tiên “*Album chiều*”(Вечерний альбом) gây được sự chú ý của các nhà thơ nổi tiếng thời đó như Bryusov, Voloshin, Gumiliev. Năm 1912 lấy chồng là Sergei Ephron - là người thời kỳ nội chiến tham gia bạch vệ nên sau cách mạng tháng Mười phải ra sống ở nước ngoài. Năm 1922 M. Tsvetaeva ra nước ngoài theo chồng. Đầu tiên sống ở Berlin rồi Prague, Paris. Năm 1939 cùng chồng và con gái quay trở lại Liên Xô nhưng sau đó chồng bà bị xử bắn và con gái bị bắt vào trại giam. Thời kỳ chiến tranh thế giới II, M. Tsvetaeva cùng con trai sơ tán về thành phố Elabug. Đau buồn cho số phận của những người thân và cảnh chiến tranh của đất nước, ngày 31-8-1941 bà đã treo cổ tự tử, để lại bức thư tuyệt mệnh và đứa con trai nhưng đứa con 3 năm sau cũng chết vì đạn của chiến tranh.

Thơ của Marina Tsvetaeva một thời gian dài bị cấm ở Liên Xô, còn hiện tại M. Tsvetaeva là một trong những tác giả được yêu thích nhất. Thơ

của bà được dịch ra rất nhiều thứ tiếng và được dịch nhiều sang tiếng Việt.

Tác phẩm:

- * *Вечерний альбом* (Album chiều, 1910), thơ
 - * *Версты* (Versty, 1921), thơ
 - * *Лебединый стан* (Hình dáng thiên nga), thơ
 - * *Ремесло* (Nghề thủ công, 1923), thơ
 - * *Психея* (Psykhya, 1923), thơ
 - * *Молодец* (Tay cừ khôi, 1924), thơ
 - * *После России* (Sau nước Nga, 1928), thơ
 - * *Крысолов* (Krysolov, 1925), trường ca
 - * *Поэма Конца* (Trường ca kết thúc, 1926), thơ
 - * *Мой Пушкин* (Pushkin của tôi, 1937), văn xuôi
 - * *Искусство при свете совести* (Nghệ thuật dưới ánh sáng của lương tâm), Văn xuôi
 - * *Поэт и время* (Nhà thơ và thời gian), văn xuôi
- * Hồi ký về các nhà thơ: Valery Bryusov, Maximilian Voloshin, Osip Mandelstam, Boris Pasternak, Rainer Maria Rilke.

TÔI THÍCH RẰNG ANH ĐAU CHẲNG VÌ TÔI

Tôi thích rằng anh đau chẳng vì tôi
Và chẳng phải vì anh tôi đau đớn
Rằng chưa bao giờ trái đất tròn nặng
Từng bơi đi dưới chân của hai người.
Tôi thích một điều có thể nực cười
Rằng đổ đốn mà không cần chơi chữ
Không đổ mặt, không bôi hời, ngạt thở
Khi nhẹ nhàng ta khẽ chạm tay thôi.

Tôi còn thích rằng khi có mặt tôi
Anh bình thản ôm người con gái khác
Không biết được rằng tôi trong lửa ngục
Cháy lên vì tôi chẳng phải hôn anh.
Rằng cái tên của tôi dịu dàng, anh không
Nhắc đến ngày cũng như đêm – uổng phí...
Rằng không bao giờ trong nhà thờ lặng lẽ
Vang lên lời cầu nguyện: hãy yêu thương!

Cám ơn anh bằng bàn tay, tấm lòng
Vì một điều – tôi đây anh không nhận!
Hãy yêu: vì đêm của tôi thanh vắng
Vì hiếm khi ta gặp gỡ hoàng hôn
Vì ta không từng dạo bước dưới trăng
Vì mặt trời trên đầu không toả sáng, –

Vì không phải bằng anh, tôi đau đớn
Và anh đau không phải bởi vì tôi.
5-1913.

MỚI HÔM QUA...

Mới hôm qua anh còn nhìn mắt em
Thế mà nay liếc nhìn đi đâu đó!
Mới hôm qua ngỡ ngác như chim non
Còn hôm nay sơn ca đều thành quạ!

Anh thông minh, linh hoạt, hiểu biết nhiều
Còn em chậm chạp, đại khờ, ngớ ngẩn.
Muôn đời nay phụ nữ vẫn thường kêu:
“Anh yêu ơi, em đã làm anh giận?!”

Với phụ nữ nước mắt như nước sông
Máu - nước lã, tắm mình trong trong nước mắt!
Còn tình yêu như gì ghẻ, con chồng
Anh đừng đợi lòng thương hay luật pháp.

Những con tàu mang đi những người thương
Mang họ đi cả một con đường trắng...
Khấp mọi nơi tiếng rên rỉ bên đường:
“Anh yêu ơi, em đã làm anh giận?”

Mới hôm qua còn nằm lên đầu gối!
So sánh mình với hoàng đế Trung Hoa!
Thế mà giờ hai bàn tay buông rơi
Đời rơi như đồng xu gỉ vứt ra.

Kẻ giết người đem xử theo pháp luật
Không dễ thương, mạnh dạn - đứng một mình
Em sẽ nói với anh vào địa ngục:
“Anh yêu ơi, em đã làm gì anh?”

Em hỏi ghế rồi em đi hỏi giường:
“Vì điều chi mà bắt tôi chịu đựng?”
“Vì với cô người ta không còn thương
Thương người khác” - ghế và giường lên tiếng.

Sống phải bùng như ngọn lửa trong đêm
Anh bỏ em - về thảo nguyên giá lạnh!
Anh dạy em rồi làm thế với em
Hỏi tại sao em đã làm anh giận?

Em hiểu ra, anh không phải nói nhiều!
Đã không còn tình nhân - mắt lại sáng
Ở nơi mà đã từ bỏ Tình yêu
Thì Cái chết - người coi vườn tiếp quản.

Chẳng cần rung cây táo ở trong vườn!
Đến thời hạn quả chín cây rụng xuống...
Tha thứ cho em tất cả nhé người thương
Vì những gì em đã làm anh giận!
14-7-1920.

CHỈ LÀ HAI TIẾNG VANG

Em và anh chỉ là hai tiếng vang
Anh ngơ đi, còn em thì im lặng.
Có một thuở ta đã từng ngoan ngoãn
Nghe theo điều bất hạnh của hào quang.

Tình cảm này bằng con bệnh ngọt ngào
Đốt lòng ta và làm cho đau đớn
Chính vì thế em coi anh là bạn
Em lúc này không khóc được nữa đâu.

Nỗi đắng cay sắp tới thành nụ cười
Và buồn đau sẽ trở nên mệt mỏi.
Không mắt nhìn mà cũng không lời nói
Chỉ thấy thương bí ẩn đã mất rồi!

Chính từ anh, nhà giải phẫu đã rời
Cái điều ác ngọt ngào em nhận thấy.
Em coi anh như người anh trai vậy
Lúc này em không khóc được nữa rồi.

TRỪ LẠI TÌNH YÊU

Em không yêu, nhưng khóc. Không yêu, nhưng dù sao
Chỉ cho anh – gương mặt thân thương trong chiếc bóng.
Tất cả trong giấc mơ của ta với tình yêu không giống
Không nguyên nhân, không một chứng cứ nào.

Chỉ hình bóng này với ta vẫn gặt đầu chào
Chỉ hai ta mang cho nó dòng thơ ai oán.
Một sợi dây say mê buộc vào ta rất mạnh
Hơn cả tình yêu thương – của người ta.

Nhưng say mê ấy đi qua, có ai đẩy đến gần
Không cầu nguyện, nhưng yêu. Đừng vội vàng chỉ trích!
Anh sẽ là kỷ niệm của em, bản nhạc đắm thắm nhất
Trong sự thức tỉnh của tâm hồn.

Trong hồn này anh thơ thẩn như trong ngôi nhà hoang vắng, cô liêu
(Trong ngôi nhà của ta, mùa xuân...) Đã quên, anh đừng gọi
Tất cả những giây phút của mình em làm đầy anh, trừ lại
Một điều buồn bã nhất – tình yêu.

CHỈ LÀ CÔ GÁI

Tôi bây giờ chỉ là cô gái
Nhiệm vụ của tôi trước lúc lấy chồng
Không được quên khắp nơi đây chó sói
Và phải nhớ rằng tôi – chú cừ non.

Mơ ước về một pháo đài bằng vàng

Lắc, xoay vòng, rồi đưa qua đưa lại
Đầu tiên búp bê, sau đó thì không
Không búp bê mà chỉ gần như vậy.

Bàn tay tôi không thể cầm gươm
Và trong tay dây đàn không lên tiếng.
Tôi chỉ là cô gái – tôi im lặng
Giá mà tôi được như thế thì ngoan.

Nhìn ngôi sao xem có gì trên đây
Và ngôi sao cũng chiếu sáng cho tôi
Với tất cả đôi mắt tôi mỉm cười
Đôi mắt không khép lại!
1909-1910.

THÁNG CHẠP VÀ THÁNG GIÊNG

Niềm hạnh phúc tháng chạp, buổi bình minh
Kéo dài trong khoảnh khắc.
Hạnh phúc bây giờ, hạnh phúc đầu tiên
Không phải từ trong sách!

Nỗi bất hạnh buổi hoàng hôn tháng giêng
Kéo dài trong một tiếng.
Bất hạnh lúc này, đắng cay đau điếng
Thì mới lần đầu tiên!

SỰ TRÌU MẾN NHƯỜNG KIA TỪ Đâu VẬY

Tặng Osif Mandelstam

Sự trêu mến nhường kia từ đâu vậy?
Chẳng lần đầu tiên – những sợi tóc xoắn
Mà đã từng bao lần em vuốt lại
Và đôi môi anh – em biết – tối hơn.

Những ngôi sao sáng lên rồi tàn
Sự triu mến nhường kia từ đâu vậy?
Những tròng mắt sáng lên rồi tàn
Ở ngay trong đôi mắt em đây.

Chưa phải những bài ca như thế ấy
Mà em từng nghe thấy trong đêm đen
Sự triu mến nhường kia từ đâu vậy?
Người ca sĩ mang trên ngực của mình.

Sự triu mến nhường kia từ đâu vậy?
Biết làm gì với nó, hỡi chàng trai –
Người ca sĩ tinh nghịch ghé lại chơi
Với bờ mi dài hơn – chưa từng thấy?
18-12-1916.

XA LẠ MÀ KHÔNG

Anh xa lạ mà không hề xa lạ
Anh thân quen mà cả chẳng hề thân
Anh của em và không phải của em
Em về nhà, không nói “đi làm khách”
Và em không nói “đi về nhà mình”.

Tình yêu – như bếp lửa cháy ngày đêm
Tình như chiếc nhẫn – vật gì to lớn
Tình như bàn thờ – lớn lao ánh sáng
Và, Đức Chúa Trời – chẳng mang ơn!

(Xem thêm: 100 bài thơ Marina Tsvetaeva)



Nikolay Stepanovich Gumilyov (tiếng Nga: Николай Степанович Гумилёв) (15/4/1886 – 8/1921) là nhà thơ Nga thế kỉ bạc, người sáng lập trường phái văn học *Đỉnh cao*.

Tiểu sử

Nicolai Gumilyov sinh ở Kronstadt, là con trai của bác sĩ Stepan Yakovlevich Gumilev và Anna Ivanovna L'vova. Thuở nhỏ sống ở Hoàng thôn, học ở trường gymnazy do nhà thơ nổi tiếng I. Annensky làm hiệu trưởng. Học xong trường gymnazy, Nicolai Gumilyov học Đại học Saint Petersburg và Đại học Sorbonn. Năm 1902 in bài thơ đầu tiên ở một tờ báo. Năm 1905 tập thơ đầu tiên *Con đường của những nhà chinh phục* (Путь конквистадоров). Từ năm 1907 đi du lịch sang các nước châu Âu nhiều lần. Năm 1908 in tập thơ *Những bông hoa lãng mạn* (Романтические цветы).

Năm 1910 Nicolai Gumilyov và Anna Akhmatova làm đám cưới, hai năm sau sinh con trai Lev Gumilyov – sau này là một nhà khoa học nổi tiếng của Nga. Năm 1911 thành lập phái *Đỉnh cao* (акмеизм) cùng với Anna Akhmatova và Osip Mandelstam. Năm 1912 in tập thơ *Bầu trời xứ lạ* (Чужое небо). Từ năm 1914 đến 1918 tham gia quân đội. Năm 1918 chia tay với Anna Akhmatova, năm 1919 cưới Anna Engelgardt.

Năm 1921 Nicolai Gumilyov in hai tập thơ lấy cảm hứng từ những chuyến đi châu Phi, cũng trong năm này ông bị bắt do nghi ngờ tham gia vào tổ chức vũ trang Tagantsev và bị xử bắn, nơi xử bắn và phần mộ không rõ.

Nicolai Gumilyov không chỉ là nhà thơ mà ông còn là một nhà thám

hiểm châu Phi có tiếng. Ông tham gia các đoàn thám hiểm đông và bắc Phi, mang về cho bảo tàng dân tộc học ở Saint Petersburg nhiều bộ sưu tập có giá trị. Ngoài sáng tác thơ ông còn là một nhà văn với nhiều truyện hay và là một dịch giả xuất sắc.

Ảnh hưởng văn học của Gumilyov:

Nicolai Gumilyov kiên trì tổ chức nhiều nhóm văn học, không được người đương thời đánh giá cao, nhưng đã để lại nhiều kết quả tốt đẹp.

Những học trò của ông như Georgy Abramovich, Georgy Ivanov, Vsevolod Rozhdestvensky, Irina Odoevtseva, Nicolai Tikhonov... và nhiều người khác sau này đã trở thành những nhà thơ nổi tiếng. Phái văn học *Đỉnh cao* đã thu hút những tài năng thi ca xuất sắc đương thời như Anna Akhmatova và Osip Mandelstam. Nicolai Gumilyov có sự ảnh hưởng sâu sắc đến thơ ca hải ngoại của Nga cũng như thơ ca Xô Viết.

Tác phẩm

- * *Путь конкистадоров* (1905)
- * *Романтические цветы* (1908)
- * *Жемчуга* (1910)
- * *Чужое небо* (1912)
- * *Колчан* (1916)
- * *К Синей звезде* (1917)
- * *Колчан, Четвертая книга стихов*, Книгоиздательство «Петрополис», Берлин (1923).
- * *Тень пальмы* (1922) – tập truyện
- * *Эмали и камни* (1914) – dịch Théophile Gautier.

Thư mục:

1. Павловский А.И. Николай Гумилев. — В кн.: Гумилев Н. Стихотворения и поэмы. Л., 1988
2. Николай Гумилев в воспоминаниях современников. М., 1989
3. Гумилев Н.С. Проза. М., 1990
4. Гумилев Н.С. Драматические произведения. Переводы. Статьи. Л., 1990
5. Гумилев Н.С. Собрание сочинений, тт. 1-3. М., 1991
6. Н.С.Гумилев pro et contra: личность и творчество Н.Гумилева в оценке русских мыслителей и исследователей. СПб, 1995

CÓ NHIỀU NGƯỜI YÊU

Có nhiều người yêu nhiều vẻ khác nhau
Người khôn ngoan đi xây nhà xây cửa
Quanh những cánh đồng tốt tươi màu mỡ
Lũ trẻ con đùa nghịch chạy theo nhau.

Có những người yêu nhau rất nghiêm ngặt
Chỉ những câu hỏi và câu trả lời
Máu sôi lên, trút giận lên đầu ai
Nghe như tiếng của bầy ong vò vẽ.

Lại có những kẻ yêu như là hát
Họ vui mừng và vui vẻ hát lên
Họ giấu mình chốn nường nấu thần tiên
Có những kẻ lại yêu như nhảy nhót.

Còn em khi yêu thế nào, cô gái
Vì điều chi em mệt mỏi em buồn?
Có lẽ nào em lại chẳng cháy lên
Bằng ngọn lửa bí huyền em quen ấy?

Nếu em có thể hiện trước mắt anh
Bằng tia chớp loé sáng ngời của Chúa
Thì anh từ nay cháy lên trong lửa
Ngọn lửa từ địa ngục đến trời xanh!

NÀNG

Tôi biết người phụ nữ luôn im lặng
Mệt mỏi đắng cay vì lời nói, vì từ
Nàng sống trong vẻ chập chờn bí ẩn
Của những con người luôn mở rất to.

Tâm hồn nàng khao khát được mở ra
Và chỉ dành cho âm nhạc của thơ
Trước cuộc đời dung tục và hoan hỉ
Tâm hồn kia ngạo mạn và tránh xa.

Tiếng bước chân rất nhẹ và thông dong
Tiếng bước chân êm ả đến lạ lùng
Dù tôi không thể gọi nàng là đẹp
Nhưng hạnh phúc tôi tất cả trong nàng.

Những khi tôi khao khát sự bất thường
Tôi ngạo mạn, can đảm đến với nàng
Để học nỗi đau khôn ngoan dịu ngọt

Trong vẻ rã rời mê sảng của em.

Trong giờ mỗi một giữ vẻ sáng trong
Giữ trong tay mình biết bao sấm sét
Những giấc mơ của nàng là chuỗi hạt
N như bóng trong cát lửa chôn thiên đàng.

TÔI VÀ EM

Tôi và em không xứng đôi vừa lứa
Bởi tôi từ xứ sở khác đến đây
Và tôi thích không phải ghi-ta kia
Mà giai điệu đàn zu-na hoang dã.

Và không phải những xa-lông bóng lộn
Những gian phòng, những áo váy màu đen
Mà tôi đọc thơ cho những con rồng
Những thác nước và những làn mây trắng.

Thích như người Ả Rập trong vắng vẻ
Áp sát mình vào nước uống nước trong
Chứ không như hoàng tử ở trong tranh
Nhìn sao trời và đợi điều gì đó.

Và chết không trong gói ấm chăn êm
Có thầy thuốc cùng với viên chưởng khế
Mà trong một khe nương nào hoang dã
Chìm đắm trong dày đặc của trường xuân.

Đẻ rồi không đi vào chốn thiên đàng
Của đạo Tin lành đã từng chọn lựa
Mà nơi có kẻ cướp, người thu thuế
Và gái làng chơi gào thét: dậy đi anh!

GIỮA LÒNG TÔI NHỮNG BÔNG HOA KHÔNG NỞ

Giữa lòng tôi những bông hoa không nở
Tôi bị lừa bởi vẻ đẹp qua mau
Ngày một ngày hai rồi bỗng nát nhàu
Giữa lòng tôi những bông hoa không nở.

Và giữa lòng tôi chim chóc không ở
Chỉ xù lông rồi trầm giọng u buồn
Và sáng ra – một nắm nhỏ bằng lông...
Ngay cả chim, giữa lòng tôi không ở.

Chỉ có sách được xếp thành tám dãy
Những tập sách dày buồn bã lặng im
Chúng canh chừng vẻ mỗi một ngàn năm
Như những chiếc răng xếp thành tám dãy.

Người buôn sách cũ bán chúng cho tôi
Người này xưa lưng gù và nghèo khó...
Ông buôn bán vì nghĩa trang nguyên rủa
Người buôn sách cũ bán chúng cho tôi.

GIẤC MƠ

Anh nức nở trong giấc mơ khủng khiếp
Và thức giấc với một nỗi buồn thương:
Anh mơ thấy em đã yêu người khác
Và người này đã xúc phạm đến em.

Anh vùng dậy khỏi giường mình và chạy
Như kẻ sát nhân khỏi đoạn đầu đài
Qua ánh sáng đục mờ anh nhìn thấy
Những ngọn đèn như mắt thú đầu đây.

Và có lẽ không còn ai như vậy
Anh lang thang giống như kẻ không nhà
Trong đêm ấy trên những đường phố tối
Như theo dòng những dòng suối cạn khô.

Và bây giờ đứng trước cửa nhà em
Bởi vì anh không còn cách nào khác
Mặc dù biết rằng anh không dám bước
Không bao giờ anh dám bước vào trong.

Người xúc phạm em, anh vẫn biết rằng
Đây chỉ là một giấc mơ khủng khiếp
Nhưng dù sao thì anh giờ đang chết
Trước cửa sổ nhà kín mít như bưng.

SAU BAO NĂM THÁNG DÀI

Sau bao năm tháng dài
Anh lại quay về đây
Nhưng anh bị đày ải
Người dõi theo anh đây.

- Em đã chờ đợi anh
Suốt bao nhiêu tháng năm
Với tình em – khoảng cách
Không hề có trong tình.

- Anh bôn ba xứ người
Sống gần hết cuộc đời
Cuộc đời trôi nhanh quá
Không để ý em ơi.

- Cuộc đời em đã từng
Bao âu yếm, dịu dàng
Em đã từng chờ đợi
Trong mơ em thấy anh.

Cái chết trong nhà em
Cái chết trong nhà anh –
Chẳng đáng gì cái chết

Nếu giờ ta có mình.

CÔ BÉ

Thời gian không xưa đi được nỗi buồn
Không còn sức để nhìn và để thờ
Lấy bàn tay khép vào đôi mắt mở
Và anh bắt đầu mơ ước về em.

Không về cô bé mỗi một, thanh thanh
Như tất cả nhìn ra em như thế
Mà cô bé khiêm nhường và lặng lẽ
Trên cuốn sách của Musset cúi mình.

Cái ngày em biết được lần đầu tiên
Án Độ lạ kì của bao kì lạ
Có những cây cọ thiêng, có hồ
Giờ đối với anh ngày ấy vẫn còn.

Đôi khi em nhìn biển cả mênh mông
Còn bão tố đổ dồn trên biển cả
Đấy là trong hiện tại niềm đau khổ
Che mờ đôi mắt bằng một màn sương.

Tại vì sao trên bờ biển lặng im
Không chói ngời lên màu vàng cung điện?
Tại sao trên những luồng sóng sáng
Thiên thần lại không đi đến với em?

Anh biết rằng trong chiếc chăn trẻ con
Em không ngủ trong những chiều như vẫn.
Con tim thổn thức, đôi mắt ngời sáng
Em mơ về số phận lớn lao hơn.

Và khi vùi đầu kín mít trong chăn
Em muốn trở thành mặt trời sáng chói

Để cho loài người rồi đây sẽ gọi
Em là hạnh phúc, hi vọng của mình.

Thế gian này không xảo quyết với em
Em bất thành linh xuyên qua bóng tối
Trở thành ngôi sao vô cùng chói lọi
Dù chẳng cho người – mà chỉ riêng anh.

Nhưng bây giờ em đã khác, em quên
Những gì buổi ấu thơ từng suy nghĩ
Hi vọng đâu? Thế gian là ngôi mộ
Hạnh phúc ở đâu? Anh thở nhọc nhằn.

Và người đối thoại của em bí huyền
Anh trao lòng mình cho em tất cả
Vì cái tạp dề của em hồi nhỏ
Vì con búp bê đã vỡ của em.

1917

ANH MƠ THẤY HAI CHÚNG MÌNH ĐÃ CHẾT

Anh mơ thấy hai chúng mình đã chết
Ta nằm đây với ánh mắt yên lòng
Cả hai chiếc quan tài đều trắng toát
Người ta đặt kê bên.

Khi nào ta từng nói rằng: “Quá đủ”?
Đã lâu chưa và có ý nghĩa gì?
Nhưng thật lạ lòng tim không đau khổ
Và con tim không khóc, thấy lạ ghê.

Và tình cảm bắt lực đến lạ lùng
Những ý nghĩ giá băng trong sáng quá
Bờ môi không còn khao khát ước mong
Dù bờ môi vẫn tuyệt vời muôn thuở.

Thế là hết: hai chúng mình đã chết
Ta nằm đây với ánh mắt yên lòng
Cả hai chiếc quan tài đều trắng toát
Người ta đặt kê bên.

THƠ VỀ EM

Thơ về em, về em, chỉ về em
Không một chút gì về anh hết cả!
Trong số phận con người tăm tối quá
Em là lời kêu gọi tới trời xanh.

Con tim yêu thương cao thượng của em
Nhu biểu tượng thời gian trong quá khứ
Sự tồn tại mọi giống nòi, tất cả
Làm phép thiêng, thần thánh hóa thời gian.

Nếu những vì sao sáng và kiêu hãnh
Mà quay lưng lại với trái đất này
Thì trái đất có hai vì sao sáng
Là đôi mắt can đảm của em đây.

Và đến một khi thiên thần màu vàng
Thổi kèn lên rằng thời gian đã cạn
Thì chúng tôi giờ khăn em màu trắng
Trước thiên thần để che chở cho em.

Tiếng động lặng ngừng trong ống kèn rung
Thiên thần đổ xuống từ trên cao đó...
Thơ về em, về em, chỉ về em
Không một chút gì về anh hết cả!

GIÁC QUAN THỨ SÁU

Rượu tình yêu trong ta thật tuyệt vời
Bánh mì cho ta tự vào lò nướng

Và người phụ nữ mà trời ban tặng
Lúc trước khổ đau, giờ đến ngọt bùi.

Biết làm chi với hoàng hôn tím đỏ
Trên bầu trời đang từng phút lạnh dần
Đây là nơi có tĩnh lặng thần tiên
Biết làm chi với dòng thơ bất tử?

Không hôn ai và không uống, không ăn
Khoảnh khắc trôi, không thể nào giữ lại
Ta vật vã khóc than, nhưng cứ phải
Tất cả đi qua, tất cả đi ngang.

Như đứa bé quên trò chơi của mình
Để ghé mắt ngó nhìn con gái tắm
Chẳng biết gì tình yêu, dù một bận
Vẫn băng khuâng một mong ước kín thẳm.

Như thuở nào trong khu rừng nguyên sinh
Vật bò sát rong lên vì bất lực
Khi cảm thấy vẫn hẫng còn chưa mọc
Trên vai mình đôi cánh của loài chim.

Thế kỉ theo nhau, Trời hỡi, đến bao giờ?
Dưới dao mổ thiên nhiên và nghệ thuật
Linh hồn gào lên, xác thân suy kiệt
Và giác quan thứ sáu được sinh ra.

MỘT NIỀM VUI CHƯA TỪNG CÓ

Một niềm vui chưa từng có – dịu dàng
Ghé xuống bờ vai của anh chạm khẽ
Và bây giờ anh không cần gì nữa
Không hạnh phúc, và không muốn cả em.

Chỉ một điều, giá được nhận – tất nhiên

Vẻ dịu êm màu vàng và tĩnh lặng
Cả mười hai nghìn foot đo mặt biển
Trên mái đầu bị xuyên thủng của anh.

Nghĩ suy chi, giá được âu yếm lòng
Từng hành hạ tiếng ồn và tĩnh lặng
Chỉ giá mà chưa bao giờ đã sống
Chưa bao giờ đã hát, đã yêu em.

KHÔNG CÓ GÌ THAY ĐỔI

Không, tất cả không có gì thay đổi
Trong thiên nhiên này tội nghiệp, giản đơn
Tất cả bùng lên một vẻ lạ thường
Của sắc đẹp không thể nào tả nổi

Vẻ như thế sẽ hiện ra, có lẽ
Thân xác con người đau ốm, gầy còm
Khi Thượng Đế từ bóng đêm tận cùng
Gọi thân xác bước lên giờ phán xử.

Em của tôi dịu dàng, kiêu hãnh thế
Hãy nhớ rằng chỉ với một mình em
Trắng như tuyết và mái tóc màu hung
Tôi tìm được chính mình trong giây lát.

Và em mỉm cười – người yêu đầu nhất
Nhưng mà em không hiểu một điều rằng
Tự thân em đang tỏa ánh hào quang
Và bóng đêm nào quanh em dày đặc.

KHÔNG CÒN EM

Không còn em u sầu và đong đánh
Nhưng anh trao mình cho em đã từ lâu

Chính vì thế mà rất nhiều cuộc sống
Em biết cách bằng y chí gom vào.

Và ngày hôm nay bầu trời màu xám
Ngày qua trong cơn mê sáng rã rời
Sau cửa sổ, trên vườn hoa ướm sũng
Trò nhảy cừu những đứa trẻ không chơi.

Em ngắm nhìn những bức hình đã cũ
Và em đưa tay đỡ lấy mái đầu
Những hình dáng buồn cười vô nghĩa quá
Đi theo hàng thật buồn bã biết bao.

Em hãy nhìn, có thấy – một con chim
Và người kị sĩ, ngựa nhanh chân bước
Nhưng thật lạ lùng, vì sao bức tức
Và chau mày cau có một ông quan.

Rồi em đọc anh nghe chuyện ông hoàng
Rất đầm thắm, sáng trong và mộ đạo
Đầu ngón tay út của em chạm phải
Tay áo của anh khi lật từng trang.

Nhưng khi âm thanh của ngày lặng im
Trăng chiếu sáng trên bầu trời thành phố
Thì em bỗng vịn tay bắt chợt quá
Và trở nên tái nhợt vẻ u buồn.

Đứng trước em anh luống cuống vô cùng
Anh lặng im, ao ước về chỉ một:
Sao cho vĩ cầm hát lên ngào ngọt
Để em nghe cội cực lạc bằng vàng.

CÂY LIÊU TRẮNG

Cây liễu trắng đen thâm ở thân trên

Những con quạ nhẹ nhàng trong vội vã
Trong thung lũng bầu trời xanh – xanh quá
Những đám mây như những chú cừu non.
Trong mắt em ánh lên vẻ ngoan hiền
“Em yêu anh mất rồi” – em bảo thế
Cả bốn phía cỏ hoa như biển cả
Đây là một giờ sau buổi trưa êm.

Anh hôn lên những lưu bút ngày xanh
Bóng hoa cỏ trong màu hồng đôi má
Ngày vui ánh sáng thơm ngào ngạt quá
Thơm trên màu đông của mái tóc xoắn.
Và anh cứ ngỡ em là ước mong
Là xứ sở mà anh chưa từng có
Có vẻ như đây là miền đất hứa
Của bài ca, của rượu, của hôn hoan.

TRÊN NHỮNG CON ĐƯỜNG

Trên những con đường mặt đất màu xanh
Anh hạnh phúc với phận mình tối mịt
Còn thơ ca? Em đọc chúng cho anh
Khi cúi xuống trên người anh bí mật.

Em xưa là nỗi cuồng điên của anh
Hay là trí khôn vô cùng kì lạ
Một khi nào đó thiên thần hung dữ
Từng nói cho con rắn đờm vẻ buồn:

“Rồi sẽ trôi qua bóng tối nghìn năm
Người sẽ đánh nhau trong lồng chật hẹp
Rồi Đức Thánh linh và cả Chúa con
Sẽ đi đến đây trước giờ phán xét.

Đây là những đấng cao hơn ta, và chỉ
Khi hạn kì đã định sẽ trôi đi

Thì ngôi sao buổi sớm lồi làm kia
Người đến đây, kẻ có mắt buồn ả.

Người anh em của ta dịu dàng, có cánh
Xưa từng chứa tể hay kẻ khốn cùng
Vườn cực lạc ở sau những bức tường
Ta tìm thấy là khu vườn tuyệt đỉnh.

Nơi dòng nước ngọt ồ ào tí tách
Bàn tay ta kết gấn những bàn tay
Và ngôi sao buổi sớm dễ thương này
Ta không nhớ về chia ly kiếp trước.

1917

GIỮA LÒNG TÔI BÂY GIỜ

Giữa lòng tôi bây giờ đang ngưng tụ
Những lồi làm thật kì lạ, cuồng điên
Nàng như người phụ nữ thời thượng cổ
Đứng trước những chàng rể của mình.

Nàng phải ngồi trong lâu đài dệt vải
Cúi ánh mắt nhìn xuống nghiêm khắc hơn
Để vượt qua niềm đam mê hoang dại
Và để ghìm cơn nổi loạn dâng lên.

Nhưng nếu như trận đánh không cân sức
Thì tôi sẽ hồi tưởng lại lời thề
Và sẽ bước ra gian phòng yến tiệc
Cầm ly rượu tẩm thuốc độc kia.

Và cái chết sẽ đến theo lời gọi
Như Odyssey trong trận Pergamon*
Và tiếng hét gào của bao chàng rể
Dưới những mũi tên không chút tiếc thương.

**Pergamon – thành phố Hy Lạp cổ đại ở Tiểu Á (nay là Thổ Nhĩ Kỳ).*

HƯƠNG CAO CỎ

Anh nhìn thấy ánh mắt buồn đặc biệt
Đôi bàn tay thon đầu gối ôm lên.
Hãy nghe này: trên hồ Chad xa xăm
Hương cao cỏ thanh tao đang rảo bước.

Hương được trời cho thân hình kiều diễm
Ánh mắt thần tiên trang điểm bộ lông
Dám sánh cùng chỉ có mỗi ánh trăng
Khi nghiêng mình trên mặt hồ nước rộng.

Nhìn từ xa như cánh bướm rục rờ
Bước chạy nhẹ nhàng như cánh chim bay
Biết bao kỳ diệu trên mặt đất này
Buổi hoàng hôn hương đi vào hang đá.

Anh biết chuyện vui của những xứ bí huyền
Về cô gái da đen, về ông vua trẻ
Nhưng em hít vào màn sương nặng thế
Không điều gì ngoài mưa gió em tin.

Thì về khu vườn làm sao anh kể được
Và mùi hương, và cọ... em khóc chẳng?
Hãy nghe này: trên hồ Chad xa xăm
Hương cao cỏ thanh tao đang rảo bước.

CÁNH RỪNG CỌ VÀ LÙM CÂY LÔ HỘI

Cánh rừng cọ và lùm cây lô hội
Dòng suối đục mờ màu bạc ánh lên
Bầu trời xanh tưởng chừng không điểm cuối
Và bầu trời vàng lên bởi ánh dương.

Mi còn mong gì nữa hử con tim
Chẳng lẽ hạnh phúc - dối gian hay cổ tích?
Và tại sao cho lòng tin kẻ khác
Kẻ rủ rê - mi ngoan ngoãn trao mình?

Chẳng lẽ mong uống thuốc độc nữa chẳng
Muốn lần nữa đập trong cơn mê lửa
Chẳng lẽ mi không thể như hoa cỏ
Sống say mê theo ý ở trong vườn?

THIÊN NHIÊN

Và đây là tất cả cõi thiên nhiên
Mà linh hồn không thể nào nhận biết
Đây đồng cỏ với mùi hương mật ngọt
Hương mật kia hoà quyện với hương đầm.

Đây tiếng khóc hoang dã của gió cuồng
Như tiếng tru từ xa xăm của sói
Trên ngọn thông như ngựa phi nước đại
Là nước phi của những đám mây khoáng.

Ta nhìn ra mặt và bắt hình dong
Ta nhìn ra tràn ngập lòng cơn giận
Chỉ một điều vẻ đa dạng nghèo nàn
Mà Tạo hoá đã từng gieo hạt giống.

Mặt đất đùa với ta để làm gì
Hãy rút đi những áo quần nghèo khổ
Và đáng lên như ngôi sao, vốn có
Xuyên ngang qua bằng ngọn lửa hồng kia.



Ivan Bunin (tiếng Nga: Иван Алексеевич Бунин; 22 tháng 10 năm 1870 - 8 tháng 11 năm 1953) - nhà văn, nhà thơ Nga, giải Nobel Văn học 1953.

Tiểu sử:

Sinh ngày 22-10-1870 ở vùng trung Nga, tuổi thơ sống ở miền quê tĩnh lặng của tỉnh Orlov. Thời trẻ làm thợ sửa bản in, viết báo. Năm 1891 in tập thơ đầu tay *Dưới bầu trời rộng mở*, năm 1897 xuất bản tập truyện ngắn đầu tiên *Nơi cuối trời và các truyện ngắn khác*, được giới phê bình đánh giá cao. Năm 1889 I. Bunin rời quê, làm nhiều nghề kiếm sống như thợ sửa bản in thử, thủ thư, làm báo... Niềm đam mê hội họa và âm nhạc đã ảnh hưởng tới sáng tác văn học sau này của ông. I. Bunin làm thơ, viết văn khá sớm, sự nghiệp văn chương của ông chủ yếu nổi tiếng về văn xuôi với các truyện ngắn và truyện vừa.

Tác phẩm đầu tiên của ông là bài thơ *Bên mộ Nadson* - tên một nhà thơ Nga - (1863-1887). Năm 1891 ông xuất bản tập thơ trữ tình đầu tiên *Những bài thơ* (1891) ở Oryon. Thơ đã mở đầu văn nghiệp và còn đeo đẳng mãi ngòi bút của ông đến tận cuối đời. Năm 1894 ông in truyện ngắn đầu tay *Tanka*. Năm 1897, xuất bản tập truyện ngắn đầu tiên *Nơi cuối trời và các truyện ngắn khác*, viết về sự suy tàn của tầng lớp quý tộc và cảnh sống cơ cực của người nông dân Nga, được giới phê bình khen ngợi.

Tác phẩm của ông không đề cập đến các vấn đề chính trị. Ông không theo một trường phái nào như Suy đồi, Tượng trưng, Lãng mạn hay Tự nhiên chủ nghĩa. Ông sống chủ yếu ở nông thôn, đi du lịch nhiều nơi ở Nga và các nước trên thế giới như Italia, Thổ Nhĩ Kỳ, Hy Lạp, Palestin, Tunisia, Ai Cập và các vùng nhiệt đới... Ông quan tâm nhiều đến các

vấn đề về tâm lý, tôn giáo, đạo đức và lịch sử.

Năm 1909 I. Bunin được bầu làm Viện sĩ danh dự Viện Hàn lâm Khoa học Nga. Năm 1910 ông xuất bản thiên truyện Làng, một bức tranh chân thực về cuộc sống nông thôn nước Nga; tác phẩm trở thành chủ đề bàn luận sôi nổi của giới trí thức Nga về thực chất xã hội Nga và chỉ trong một thời gian rất ngắn đã khiến I. Bunin nổi tiếng; thành công này được tiếp tục phát huy ở các tác phẩm tiếp theo.

Bunin đi du lịch nhiều nơi, làm quen với nhiều nhà văn, nhà thơ nổi tiếng. Năm 1909 được bầu làm Viện sĩ danh dự của Viện hàn lâm Khoa học Nga. Sau cách mạng tháng Mười ông di cư sang Pháp và tiếp tục sáng tác nhiều tác phẩm có giá trị. Tập truyện *Những con đường rợp bóng* được tặng giải Nobel được viết trong thời kỳ này. Ngoài văn, thơ Bunin còn nổi tiếng là một dịch giả thơ bậc thầy. Bản dịch *Bài ca về Hiawatha* (The Song of Hiawatha) của Henry Wadsworth Longfellow được tặng Giải thưởng Puskin. Những năm cuối đời, I. Bunin viết một số truyện ký độc đáo và sâu sắc về các danh nhân Nga như L. Tolstoi, A. Sekhov... Năm 1951 ông được bầu là Hội viên danh dự số một của Hội Văn bút quốc tế.

Ivan Bunin là nhà văn Nga đầu tiên được nhận giải Nobel Văn học. Ông mất ngày 8-11-1953 ở Pháp.

Tác phẩm:

- *Dưới bầu trời rộng mở* (Под открытым небом, 1891), tập thơ.
- *Nơi cuối trời và các truyện ngắn khác* (На край света и другие рассказы, 1897), tập truyện.
- *Những quả táo Antonov* (Антоновские яблоки, 1900), truyện ngắn.
- *Lá rụng* (Листопад, 1901), tập thơ.
- *Làng* (Деревня, 1910), truyện vừa.
- *Sukhodol* (Суходол, 1911), truyện vừa.
- *Quý ông từ San Francisco* (Господин из Сан-Франциско, 1915), truyện vừa.
- *Hơi thở nhẹ* (Легкое дыхание, 1916), truyện ngắn.
- *Hoa hồng Jericho* (Роза Иерихона, 1924), tập truyện.
- *Tình yêu của Mitia* (Митина любовь, 1926), truyện vừa.
- *Những ngày đáng nguyên rủa* (Окаянные дни, 1926), nhật kí.
- *Cuộc đời Arseniev* (Жизнь Арсеньева, 1930), tiểu thuyết.
- *Giải phóng Tolstoi* (Освобождение Толстого, 1937), tiểu luận.
- *Những con đường rợp bóng* (Темные аллеи, 1943), tập truyện.
- *Hồi tưởng* (Воспоминания, 1950), tập kí.

KHI ĐÔI MẮT MÀU XANH

Anh hạnh phúc khi đôi mắt màu xanh
Mắt màu xanh em ngược nhìn anh đó

Niềm hy vọng trong mắt em rạng rỡ
Bầu trời trong veo của một ngày xanh.

Và đắng cay khi đôi mắt màu xanh
Rủ hàng mi đen và em im bất
Yêu anh không, tự mình, em chẳng biết
Còn tình yêu e ấp, cố giấu mình.

Nhưng ở khắp nơi và chung thủy, thường xuyên
Khi gần em tâm hồn anh toả sáng...
Người yêu ơi hãy mãi là cao thượng
Sắc đẹp tuyệt vời và tuổi trẻ của em!
1896.

CÀM TAY EM

Cầm tay em, rất lâu anh ngắm nhìn
Còn em thần thờ, đôi mắt em hờ khếp
Trong bàn tay này – sự tồn tại của em
Anh cảm nhận ra – cả hồn lẫn xác.

Cần gì thêm? Có thể hạnh phúc thêm?
Nhưng thiên thần nổi loạn bằng bão lửa
Bay trên cuộc đời, bằng đam mê giết bỏ
Đang vút bay nhanh trước mặt chúng mình.
1898.

GIÁC MƠ NGỌT NGÀO, QUYẾN RŨ

Lại một giấc mơ ngọt ngào, quyến rũ
Tôi mơ về, mê đắm với niềm vui
ánh mắt yêu thương thắm kín gọi mời
Và một nụ cười dịu hiền vậy gọi.

Vẫn biết rằng lại là dối gian thôi

Giấc mơ này trong bình minh tỏa sáng
Nhưng bây giờ ngày buồn chưa kịp đến
Thì hãy mỉm cười, hãy dối lừa tôi.
1898.

NGƯỜI XA LẠ

Em là người xa lạ
Nhưng yêu chỉ mình anh
Và em sẽ không quên
Cho đến ngày cuối tận.

Thế rồi em ngoan ngoãn
Lặng lẽ theo người ta
Nhưng mặt em cúi xuống
Người ấy chẳng nhận ra.

Em trở thành phụ nữ
Nhưng thiếu nữ với anh
Trong bước đi của mình
Sắc đẹp đầy quyến rũ!

Sẽ có điều phụ bạc...
Nhưng chỉ có một lần
Khi e ấp cháy lên
Ngọn lửa tình trong mắt.

Em không biết giấu đi
Rằng với người – xa lạ
Và sẽ không bao giờ
Bao giờ quên anh cả!
1908.

TA ĐI BÊN NHAU

Ta đi bên nhau, hai đứa gần kề

Nhưng nhất định nhìn anh, em đã chẳng
Lời của chúng mình băng quơ, trống rỗng
Mắt hút vào trong ngọn gió tháng ba.

Đám mây trắng lạnh lùng bay xuyên qua
Khu vườn nhỏ, giọt nước rơi tí tách
Gò má em tái nhợt trong giá buốt
Và đôi mắt xanh thắm, tựa như hoa.

Còn bờ môi khao khát chỉ khép hờ
Anh đã tránh chạm lên bằng ánh mắt
Vẻ trống trải tưởng chừng bao hạnh phúc
Cõi diệu huyền, nơi hai đứa từng qua.
1917.

BÊN BỜ BIỂN

Bên bờ biển
Trên phiến đá xanh
Trên phiến đá xanh người đẹp khỏa thân
Chân trắng muốt thả đùa trên sóng
Vẫy gọi những chàng thủy thủ đại dương
“Các anh thủy thủ ơi
Các anh đi cùng đất cuối trời
Các anh thật là vô ích
Đi kiếm tìm châu ngọc?
Châu ngọc chốn biển khơi
Là sắc đẹp của em đây
Là bờ môi cháy bỏng
Là ngực lạnh
Là những bàn chân nhẹ nhàng
Là bắp vế nặng.
Một thú vui không bao giờ cạn
Là ngủ yên trên cánh tay em
Và nghe những khúc hát u buồn!”
Những chàng thủy thủ bơi đến, không nghe
Mà trong con tim buồn nản

Và trên mắt những giọt nước mắt nóng bỏng
Không thể nào xua được nỗi buồn kia
Không trên đường đi, không nơi bến bờ
Nhưng đến muôn đời nghĩ lại.

VỀ HẠNH PHÚC

Về hạnh phúc ta nhớ đến thường xuyên
Hạnh phúc khắp nơi, có thể là chính nó
Khu vườn mùa thu sau căn nhà nhỏ
Rót vào đây luồng không khí dịu êm.

Dải mây trắng nhẹ nhàng bay trên trời
Toả hào quang, những đám mây thức dậy
Tôi nhìn theo... nhận ra ta ít thấy
Hạnh phúc chỉ dành cho người biết mà thôi.

Cửa sổ mở. Con chim bay đến ngòi
Lên bậc cửa và tôi buông quyển sách
ánh mắt nhìn mỗi một trong phút chốc.

Ngày dần tối. Hoang vắng giữa bầu trời
Tiếng máy đập lúa nghe ra vắng vắng
Tôi nghe, nhìn. Hạnh phúc ở trong tôi.

GIÁ MÀ

Giá mà anh có thể
Yêu chỉ một mình em
Giá quên được quá khứ
Những gì em đã quên.

Không sợ, không ngạc nhiên
Bóng tối đêm muôn thuở
Mệt mỏi những mắt nhìn
Anh sẽ chôn trong mộ.

CHÉN RƯỢU TRAO CHO TÔI

Chén rượu trao cho tôi nữ thần đau khổ
Tôi uống rượu vang, thấy mệt mỏi, rã rời.
Với nụ cười lạnh nhạt nữ thần nói với tôi:
Chất độc này là rượu của tình yêu trong mộ.

MẢNH TRĂNG MUỘN TRONG ĐÊM

Mảnh trăng muộn trong đêm vắng ngắt
Vì những cây gia, cây đoạn màu đen
Từ ban công anh nghe tiếng cửa kêu cọt két
Tiếng cửa kêu cọt két thật nhẹ nhàng.

Ta không ngủ vì cãi nhau đại đột
Và để cho ta hai đứa, dành riêng
Hoa thở than trên đường vắng ngắt
Trong cái giờ phút ấy thật dịu êm.

Ngày đó em bước sang mười sáu tuổi
Còn anh vừa tròn mười bảy xuân xanh
Nhưng em còn nhớ không khi khép lại
Cánh cửa mở vào có ánh trăng thanh?

Em đưa chiếc khăn lên môi ép chặt
Chiếc khăn ướt đầm nước mắt xót xa
Em run rẩy, trong lòng em thổn thức
Để trên đầu cái bím tóc rơi ra.

Còn anh tưởng chừng vỡ tung lồng ngực
Vì nỗi đau rất đậm thắm, dịu êm...
Người yêu ơi, giá mà ta làm được
Ta sẽ cùng quay về lại với cái đêm!..

RỒI SẼ ĐẾN MỘT NGÀY

Rồi sẽ đến một ngày – tôi biến mất
Còn căn phòng này sẽ rộng thênh thang
Nhưng sẽ vẫn còn những chiếc ghế, chiếc bàn
Và hình bóng giản đơn, cổ như trái đất.

Và cũng sẽ vẫn còn bay cao lắm
Con bướm màu vẫn mềm mại nhưng to
Khẽ rung rinh hay sột soạt, lượn lờ
Chao đôi cánh giữa bầu trời xanh thẳm.

Và đáy bầu trời cũng vẫn còn như vậy
Vẫn ngắm nhìn vào khung cửa mở toang
Và biển màu xanh vẫn đều đặn thẳng hàng
Vào khoảng không của mình luôn vậy gọi.

NÀNG DÂU

Em ngồi bên cửa sổ
Buộc lại mái tóc xanh
Những vì sao toả sáng trong đêm
Và biển rì rào uể oải
Còn thảo nguyên mơ màng tê tái
Với tiếng reo bí ẩn của mình...
Ai người đã từng đến trước anh?
Ai người đến trước khi làm lễ cưới
Ai làm hồn em rã rời đến vậy
Bằng vẻ dịu dàng, đau khổ, tình yêu?
Ai người em trao thân với nỗi u sầu
Trước lần chia ly cuối.

CÒN ANH LẠI SẼ MỘT MÌNH

Thật lộng lẫy và sáng tỏ mùa xuân!
Em hãy nhìn mắt anh như ngày trước
Và hãy nói: tại vì sao em buồn
Tại vì sao em trở nên e ấp?
Còn em cứ như bông hoa, lặng im

Thì cứ lặng im!
Anh không cần biết
Anh hiểu ra về e ấp vĩnh biệt
Còn anh, lại sẽ một mình!
1899.

HOA HỒNG JERICHO

Để thể hiện lòng tin vào cuộc sống bất tử, sự hồi sinh từ cõi chết, ở phương Đông từ xa xưa người ta đặt hoa hồng Jericho vào quan tài, vào mộ.

Thật lạ lùng rằng người ta gọi là hoa hồng, lại còn hoa hồng Jericho – một bó cọng gai giống như cỏ lông chông ở ta đây. Loài cây sa mạc này chỉ mọc trên cát sỏi ở vùng biển Chết, ở miền đồi núi Sinai không có người ở. Nhưng có huyền thoại rằng chính Ngài Savva khả kính đã chọn cho dân mình thung lũng Lửa, một thung lũng chết trơ trụi trong sa mạc Do Thái. Biểu tượng của sự hồi sinh đối với Ngài là hình một chó sói dữ, nó tô điểm cho Ngài hơn tất cả mọi thứ trên đời này.

Bởi vì con chó sói này quả là kì diệu. Bỏ xứ sở của mình chạy đi xa hàng nghìn dặm, rồi trong nhiều năm nó có thể nằm chết, có màu xám và khô. Nhưng khi đặt nó vào nước thì ngay lập tức nở ra, có nhiều lá nhỏ, có màu hồng. Và con tim người trần tội nghiệp sẽ hân hoan và được an ủi: trên đời này không có cái chết, không chết những gì một thời đã có! Không có sự chia lìa và mất mát cho đến một khi hãy còn sống tâm hồn ta, Tình yêu và Ký ức của ta!

Ta tự an ủi mình như vậy, sống lại trong ta những miền đất cổ xưa, nơi một thuở đã từng in dấu chân ta, ta sống lại những ngày hạnh phúc, nơi buổi trưa có mặt trời của cuộc đời ta đứng bóng. Khi hãy còn tràn đầy hy vọng và sức lực tràn đầy, khi tay trong tay với người con gái mà Chúa Trời sai làm người bạn đời của ta cho đến ngày xuống mộ. Lần đầu tiên ta đi về nơi xa lạ, cuộc du lãm của hôn nhân và chuyến hành hương về miền đất Thánh của Chúa Giê-su. Trong vẻ im lặng vô bờ của sự lãng quên và lặng yên muôn thuở, trước mặt ta là xứ sở Palestin – thung lũng Galilaia, những ngọn đồi Do Thái, là muối và vạc dầu của

Pentapolis*. Nhưng khi đó mùa xuân, và trên tất cả mọi con đường của ta âm thầm nở hoa những bụi cây anh túc, những bông hoa đã từng nở thuở Rachel**, từng khoe vẻ đẹp những cánh đồng và những con chim nơi thiên đàng từng hát, một niềm vô tư khoái lạc qua câu ngụ ngôn trong Kinh Thánh đã dạy ta...

Hoa hồng Jericho. Vào trong nước sông của con tim, vào trong hơi mát thanh sạch của tình, ta đắm chìm trong ngọn nguồn của sự dịu dàng và buồn đau xưa cũ – và lại một lần nữa, lại một lần nữa ngọn lửa của ta kỳ lạ sống vất vưởng qua ngày. Hãy đi khỏi nơi đây, cái giờ khắc sẽ đến, khi nước sẽ khô khan, con tim sẽ héo hon – thì tro tàn của sự lãng quên sẽ bao trùm lên hoa hồng Jericho của ta muôn thuở.

Jericho – thành phố ở thung lũng Giôóc-đan, phía bắc biển Chết.
*Pentapolis – vùng đất của năm thành phố: Sodom, Gomorrah, Admah, Zeboiim, Zoar.
**Rachel: vợ của Jacob.



Innokentiy Fyodorovich Annensky (tiếng Nga: Инокентий Фёдорович Анненский, 1 tháng 9 năm 1855 – 11 tháng 12 năm 1909) – nhà thơ, dịch giả, nhà phê bình Nga, là một nhà thơ lớn của văn học Nga thế kỷ bạc.

Tiểu sử:

Innokentiy Annensky sinh ở Omsk trong một gia đình công chức. Bố là trưởng đoạn đường sắt Omsk. Lên 5 tuổi gia đình chuyển về Sank-Peterburg. Cả bố và mẹ mất khi Annensky còn nhỏ nên ở với người anh trai – là nhà kinh tế học, nhà chính trị có ảnh hưởng đến sự nghiệp của Annensky sau này. Năm 1879 tốt nghiệp khoa ngôn ngữ Đại học Sank-Peterburg, Annensky làm giáo viên dạy tiếng Latin, tiếng Hy Lạp ở các trường gymnazy Peterburg, in các bài viết ở tạp chí của Bộ giáo dục. Năm 1891 làm hiệu trưởng trường gymnazy ở Kiev. Năm 1906 làm

thanh tra giáo dục tỉnh Sank-Peterburg.

Annensky biết làm thơ từ nhỏ nhưng không sưu tập, chỉ đến năm 1904 mới in tập thơ đầu tiên *Tuxue neshi* (Những bài ca thâm lặng) theo lời khuyên của anh trai và chị dâu. Năm 1910 in tập *Кипарисовый ларец* (Chiếc hòm trắc bá diệp) và tuyển tập thơ sau khi chết in năm 1923. Thơ của Annensky, theo như lời của chính ông, là “sự thể hiện nỗi đau của tâm hồn thành thị”, cảm nhận mọi thứ qua tâm trạng của người theo chủ nghĩa ấn tượng. Ông có sự ảnh hưởng lớn tới các nhà thơ phái Asmeist như Anna Akhmatova, Nicolai Gumilyov, Osip Mandelstam.

Ngoài thơ và phê bình, Annensky còn là một dịch giả nổi tiếng của Nga. Ông dịch thơ của Euripides và một loạt các bi kịch nổi tiếng của Hy Lạp cổ đại: *Melanippa-phylosoph* (1901), *Tsar Ixion* (1903), *Laodamia* (1906). Các nhà thơ cổ điển Pháp: *Baudelaire, Verlaine, Rimbaud...* Ông mất ở Sank-Peterburg năm 1909.

Thư mục tiếng Nga:

- * Тихие песни (под псевдонимом "Никто"), СПб., 1904; 2-е изд., П., 1923;
- * Кипарисовый ларец, вторая книга стихов, М., 1910; 2-е изд., П., 1923;
- * Посмертные стихи, П., 1923;
- * Фамира Кифарэд, вакхическая драма, СПб., 1919;
- * Книга отражений, СПб., 1906; Вторая книга отражений, СПб., 1909;
- * Театр Эврипида, т. I, СПб., 1907;
- * Эврипид, драмы, М., 1916-1921 (из намеченных 6 тт. вышли I-III, текст переводов А. подвергся значительным переделкам со стороны редактора Ф. Ф. Зелинского);
- * О современном лиризме: 1) "Они", 2) "Оне" (Обзор современной поэзии), статьи в журн. "Аполлон", № 1-3, 1909;
- * Автобиографические материалы: Венгеров С., Критико-биографический словарь, т. VI, СПб., 1904; Фидлер Ф., Первые лит-ые шаги, М., 1911; Архипов Е., Библиография А., М., 1914; Кривич В., А. по семейным воспоминаниям и рукописным материалам, альм. "Лит-ая мысль", III, Л., 1925.

HAI TÌNH YÊU

Có tình yêu giống như là làn khói
Nếu gần nhau tình sẽ hóa màn sương
Cho tình ý chí – tình không sống nổi
Là khói thôi – nhưng mãi mãi trẻ trung.

Lại có tình yêu giống như là bóng
Tình nghe lời, ngày nằm ở dưới chân
Đêm ôm ấp không còn nghe tiếng động
Là bóng, nhưng ngày đêm vẫn đi cùng.

KHÚC LẶNG MẠN MÙA THU

Anh nhìn sang em, đôi mắt hững hờ
Còn trong tim, nỗi buồn không giấu nổi
Ngày hôm nay anh mệt mỏi, bơ phờ
Nhưng mặt trời giấu mình sau làn khói.

Anh biết rằng mình đang ôm giấc mộng
Nhưng giấc mơ anh trung thực – còn em?..
“Sự hi sinh không cần – trên đường vắng
Đã chết rồi những chiếc lá rơi lên...”

Duyên số ta dẫn dắt ta mù quáng
Liệu có gặp nhau, biết được chỉ có trời...
Nhưng em biết... em đừng cười, bước xuống
Giữa mùa thu trên những chiếc lá rơi!

KHÚC LÃNG MẠN MÙA XUÂN

Dòng sông hãy còn chưa nổi sóng
Nhưng đang nhân chìm tảng băng xanh
Những đám mây hãy còn chưa tan
Nhưng chén tuyết bằng mặt trời đang uống.

Em hé nhìn qua cánh cửa
Và con tim xao xuyến, rung rinh
Em hãy còn chưa yêu, nhưng hãy tin:
Tình yêu – em không thể chối từ được nữa.

TÔI VẪN NGHĨ

Tôi vẫn nghĩ con tim làm bằng đá
Rằng con tim là hoang vắng, giá băng
Dù trong tim, bằng lời nói thốt lên
Thì con tim cũng không làm sao cả.

Và quả vậy: tôi không làm sao cả
Còn nếu đau, chỉ một chút vậy thôi
Và dù sao, tốt hơn hết, là tôi
Dập tắt lửa, một khi còn có thể.

Trong con tim, như trong mồ, tắm tôi
Tôi nghĩ rằng đám cháy có vô vàn...
Nhưng đem dập tắt... khi lửa không còn
Tôi từ giã cõi trần trong làn khói.

CANZONE

Nếu bỗng nhiên sống lại chuyện thần tiên
Thì anh đặt ngọn đèn lên cửa sổ
Em đến đây... chúng mình không chia sẻ
Hạnh phúc này, anh trao hết cho em.

Em đến đây với giọng nói đượm buồn
Bởi vì em dịu dàng, trong sáng quá
Bởi vì trao em cho anh từng hứa
ánh trắng vàng và tím tử đinh hương.

Nhưng mà anh hay có phút giây, thường
Rất sợ hãi và trống trơn trong ngực
Thấy nặng nề – anh lặng im, cúi gập
Em đi đi! Anh muốn một mình hơn.

GIỮA NHỮNG ĐỜI

Giữa những đời, giữa chập chờn tình tú
Tôi nhắc cái tên của một Vì Sao...
Không phải vì để được yêu Em đâu
Mà bởi với người ta, tôi mệt mỏi.

Và nếu như mỗi nghi ngờ rất nặng

Câu trả lời ở Người ấy tôi tìm
Không phải vì ánh sáng đến từ Em
Mà bởi, với Em không cần ánh sáng.



Konstantin Konstantinovich Sluchevsky (tiếng Nga: КОНСТАНТИН КОНСТАНТИНОВИЧ СЛУЧЕВСКИЙ, 26 tháng 7 năm 1837 – 25 tháng 9 năm 1904) – nhà thơ, nhà văn, nhà viết kịch, dịch giả Nga.

Tiểu sử:

Konstantin Sluchevsky sinh ở Saint Petersburg, trong một gia đình quý tộc. Năm 1855 tốt nghiệp trường lục quân Cadet và phục vụ trong Đội vệ binh Hoàng gia. Năm 1859 vào học tại Học viện Sĩ quan Tham mưu (Academy of the General Staff) nhưng đến năm 1861 ông từ bỏ binh nghiệp để đi ra sống ở nước ngoài. Trong nhiều năm ông học ở Paris, Berlin và Heidelberg, kết quả là năm 1865 được nhận bằng Tiến sĩ Triết học (Doctor of Philosophy). Trở về Nga, ông làm việc tại Bộ Ngoại giao và tài sản Quốc gia. Từ năm 1891 đến năm 1901 làm Tổng biên tập của tờ *Thông tin Chính phủ* (Правительственный Вестник). Những năm cuối đời ông vẫn tham gia công việc của Bộ Nội vụ, Ủy ban báo chí và xuất bản.

Những bài thơ đầu tiên ký bút danh K.C là những bản dịch thơ Victor Hugo, Lord Byron đăng ở tạp chí *Общезанимательный вестник* năm 1857. Năm 1860 bắt đầu in các bài viết ở các tạp chí *Современнике*, *Отечественных записках* và đã tạo được sự chú ý của giới phê bình.

Các nhà thơ, nhà văn như Apollon Aleksandrovich Grigoryev, Ivan Sergeyevich Turgenev đánh giá cao thơ văn của Sluchevsky. Ngoài thơ văn, ông còn sáng tác nhiều vở kịch.

Konstantin Sluchevsky mất ở Saint Petersburg ngày 25 tháng 9 năm 1904.

Tác phẩm:

- *От поцелуя к поцелую, 1872*
- *Виртуозы, 1882*
- *Застрельщики, 1883,*
- *Тридцать три рассказа, 1887*
- *Исторические картинки, 1894*
- *Профессор бессмертия, 1892*
- *В снегах, 1878*
- *По северу России, тт. 1-3, 1886-1888, и По северо-западу России, 1897*
- *Город упраздняется, 1899*
- *Поверженный Пушкин, 1899*
- *Книжки моих старших детей, 1892*
- *Государственное значение св. Сергия и Троицко-Сергиевской лавры, 1889*
- *Сочинений К.К.Случевского в шести томах, 1898*

Thư mục:

- *Коринфский Ап. Поэзия К.К.Случевского. СПб, 1900*
- *Случевский К. Стихотворения и поэмы. М. — Л., 1962*
- *Смиренский В. К истории "пятниц" К.К.Случевского. — Русская литература, 1965, № 3*
- *Случевский К. Стихотворения. М., 1984*

Một số bài thơ:

NGƯỜI TA TẶNG EM CHO TÔI TRONG MỘNG

Người ta tặng em cho tôi trong mộng
Tôi tỉnh giấc thì đã chẳng còn em!
Nghe thấy tiếng đồng hồ chạy trên tường
Tôi đứng dậy vì mọi người đã đứng.

Suốt cả ngày như kẻ gàn thơ thân
Nhìn nơi nao cũng thấy mọi người cười
Tôi cứ ngỡ rằng thiên hạ cười tôi
Bởi vì lẽ ra tôi đừng thức tỉnh.

CÒN QUÁ SỚM

Còn quá sớm! Hãy ngủ tiếp đi em
Hãy quay lại giấc mơ còn dang dở
Đêm như kẻ khổng lồ trên trần thế
Bóng tôi như bung trên ruộng, trên rừng.

Nhưng khi – đợi không lâu – đến bình minh
Thì đồng ruộng, núi đồi đều hiện rõ
Rừng sáng lên – kẻ khổng lồ gục ngã
Thì anh sẽ thức, anh sẽ thức em...

TÔI TỪNG MƠ

Tôi từng mơ thấy những giấc mơ vàng
Khi tỉnh giấc tôi nhìn vào cuộc sống
Tôi cứ ngỡ thế giới này u ám
Có vẻ như đang nhuộm một màu tang.

Tôi từng thấy một giấc mơ tôi tàn
Khi tỉnh giấc – tôi nhìn vào thế giới
Tôi trầm ngâm, một màu tang vây lấy
Thế giới này, so với trước, đen hơn.

Và tôi suy nghĩ: giá như được là
Lý trí trong ta, trong con người mạnh mẽ
Để đừng nhìn giấc mơ như thực tế
Và đừng nhìn đời như ở trong mơ!

NGƯỜI ĐẸP CỦA NÚI RỪNG

Em là người đẹp của núi rừng
Cây linh lan diệp huyền, vẻ ngoài tái nhợt
Tôi lặng lẽ thò bàn tay, tôi bút
Trong ánh trăng, trong khoảnh khắc diệp huyền.

Biết làm sao? Tôi đâu có quyền hành!
Tôi biết rằng – rồi đây em sẽ chết
Cái chết – là vì em tỏa mùi hương
Cái chết này – là nhân danh cái đẹp!

TÔI CHẴNG TIẾC

Tôi chẳng tiếc – cứ lấy đi tất cả
Nhưng chỉ một điều không trả cho ai
Đây là tôi từng hạnh phúc với người
Khi bắt đầu yêu, bắt đầu đau khổ!

Và những trang tình ái đẹp tuyệt vời
Lần thứ hai trong đời không gặp nữa
Giống như bầy chim giang hồ tứ xứ
Bờ biển kia không ghé lại lần hai.

Những con sóng khác rồi sẽ phôi thai
Chúng mang theo thủy triều bao bóng khác
Và mặt trời mọc lên, khi xuống thấp
Sẽ già cũ hơn cả một năm dài.

Mà loài chim chỉ bay có hạn thôi
Rồi đến lúc phải đành mang tồn thất
Theo thời gian sẽ giảm dần lũ khách
Và sẽ để mất họ dọc đường dài...



Mirra Aleksandrovna Lokhvitskaya (tiếng Nga: Мирра Александровна Лохвицкая, 1869 – 1905) là nữ nhà thơ Nga, thường được gọi là Sappho của Nga.

Tiểu sử:

Mirra Lokhvitskaya là con gái của một nhà bác học và là một luật sư nổi tiếng, chị gái của nữ nhà thơ Teffi. Tốt nghiệp Đại học Aleksandr Moskva. Làm thơ từ những ngày còn là sinh viên. Từ năm 1889 bắt đầu

in thơ ở các tạp chí: *Север; Художник; Сев. Вестн; Неделе; Нива...*
Năm 1896 in tập thơ đầu tiên, năm 1898 in tập thứ 2, năm 1900: tập thứ 3, năm 1903: tập thứ 4, năm 1905: tập thứ 5.

Năm 1897 được tặng Giải thưởng Pushkin cho tập thứ 1. Năm 1905, tập thứ 5 được tặng giải thưởng của Viện hàn lâm. Nhà thơ Konstantin Balmont gọi Mirra Lokhvitskaya là Sappho của Nga và tên gọi này trở thành phổ biến vì thơ của bà chỉ viết về tình yêu dưới mọi biểu hiện của nó. Về tài thơ, Mirra Lokhvitskaya là một trong những nhà thơ nữ xuất sắc nhất của Nga. Thơ của bà được yêu thích cả đương thời cũng như hiện tại.

EM MUỐN LÀM NGƯỜI YÊU DẤU CỦA ANH

Em muốn làm người yêu dấu của anh
Nhưng không phải chỉ vì giấc mơ đẹp
Mà để cho đến muôn đời gắn kết
Số phận và tên hai đứa chúng mình.

Thế giới này làm mê hoặc con người
Cuộc đời này buồn đau và tăm tối
Người thương ơi giá mà anh hiểu nổi
Rằng trong đời em chỉ một mình thôi.

Đâu đúng, sai – em không biết được rằng
Em như kẻ giữa rừng sâu lạc lối
Rằng đời em nếu như anh xô đẩy
Thì giữa lòng tiếng vọng sẽ hồi âm.

Mặc cho bao người sẽ vứt hoa lên
Và cản trở, mặc trần gian cát bụi
Nhưng không phải anh, tất nhiên, không phải
Hồi ông hoàng của trái tim em.

Đến muôn đời em mãi mãi của anh
Sẽ ngoan hiền và dịu dàng, đắm thắm

Không nước mắt và không điều trách mắng
Em muốn làm người yêu dấu của anh.
1904

KHÚC HÁT TÌNH YÊU

Em muốn, giá mà đem mơ ước của anh
Những ước mong kín thầm, hay giấc mộng
Sẽ biến chúng thành những bông hoa sống động
Nhưng... có lẽ là quá chói chang những bông hồng!

Em muốn, giá mà em có cây đàn
Đặt vào ngực cho tình cảm trẻ trung muôn thuở
Như những bài ca, sẽ vang lên trong đó
Nhưng... có lẽ là dây đứt hết vì tim!

Em muốn, giá mà trong giấc ngủ thật nhanh
Nhận biết ra sự ngọt ngào, mê mị khoái lạc
Nhưng... có lẽ là em chết mất
Khi đợi chờ sự thức dậy của anh!
1889

ÁNH MẮT CỦA ANH

Ánh mắt của anh vừa nóng bỏng lại dịu êm
Làm cho em hồi hộp
Bằng sức mạnh kinh hoàng thức dậy trong lòng ngực
Một tình yêu đã ngủ quên!

Gặp ánh mắt nhìn em muốn ngã vào lòng anh
Nhưng say mê em kìm nén
Anh có biết rằng em ngọt ngào và em đau đớn
Bởi vì em yêu anh!

Em nhắm mắt lại, che mắt hai lần

Cùng bờ mi của anh dày rậm
Anh không hiểu được sau cái vẻ ngoài lạnh cóng
Không nghĩ suy, không tình cảm của em!
1890

KHÚC BI CA

Em muốn được chết trong mùa xuân
Với sự trở về của tháng Năm vui vẻ
Khi mà trước mặt em cả thế gian
Hồi sinh lại, trong mùi hương dịu nhẹ.

Tất cả những gì trong cuộc sống từng yêu
Với nụ cười em ngắm nhìn khi đó
Với cái chết em mang niềm ân huệ
Gọi cái chết là tuyệt đẹp, đáng yêu.
5-3-1893

GIÁ MÀ HẠNH PHÚC CỦA EM

Giá mà hạnh phúc của em là chim đại bàng
Rất kiêu hãnh bay giữa trời xanh thẳm
Thì em sẽ giương cung tên, dịu dàng em bắn
Dù sống hay chết rồi nhưng nó của riêng em!

Giá mà hạnh phúc của em là bông hoa diêu huyền
Bông hoa nở trên đỉnh cao vách đá
Thì em sẽ hái hoa, không sợ gì hết cả
Bằng hơi thở của mình em hít cánh hoa tiên!

Giá mà hạnh phúc của em là chiếc nhẫn vàng
Giấu ở dưới đáy sông, chìm dưới cát
Thì em sẽ hoá thành tiên cá đi tìm bằng được
Và nhẫn vàng sẽ lấp lánh giữa tay em!

Giá mà hạnh phúc của em nằm trong trái tim anh
Thì ngày cũng như đêm em đốt hạnh phúc bằng ngọn lửa
Để cho không phân chia, em trao anh muôn thuở
Để hạnh phúc sẽ bồi hồi xao xuyến chỉ tình em!
1-1891

CÓ ĐIỀU GÌ BUỒN BUỒN

Có điều gì buồn buồn trong ánh bình minh
Và trong tiếng cười từ xa xôi chìm xuống
Và có nỗi buồn đau trong mùa hè oi nóng
Trong trang phục uy nghiêm của đất quê mình.

Và có tiếng hoạ mi đầu đó rì rầm
Như tiếng tơ đồng khóc than, nước nở
Có điều gì buồn buồn trong niềm vui gặp gỡ
Trong giấc mơ tuyệt vời của gian dối mùa xuân.
1896-1898

ĐÔI MÔI ANH NHƯ HAI CÁNH LỢU XANH

Đôi môi anh như hai cánh lựu xanh
Nhưng vị ngọt ong đi tìm không có
Em từng khát khao uống say một thuở
Hương mật ong, vị say đắm của tình.

Bờ mi anh như đôi cánh của đêm
Nhưng không ngủ dù thâu đêm suốt sáng
Trong mắt này em đã từng nhìn ngắm
Trong mắt này có hình bóng của em.

Tâm hồn anh như huyền bí Đông phương
Cổ tích, diệu kì nhưng không dối trá
Bởi anh là của em, của em tất cả
Đến một ngày còn sống sẽ còn thương.

CÂU CHUYỆN VÔ TÌNH

Câu chuyện vô tình, hững hờ, trống rỗng
Một nỗi buồn u ám ngự trong tim
Nhưng mệnh mông sâu thăm ánh mắt nhìn
Dù không nói mà nói nhiều lắm lắm...

Lời đôi trao chỉ tầm phào, hờ hững
Cái bắt tay không xiết chặt, nhẹ nhàng
Nhưng đầu óc nổi loạn vẫn sẵn sàng
Và lòng ngực đợi chờ ôm, xúc động.

Không phải tình yêu, không phải sự mê say
Và lúc này cũng không cần quên lãng
Hãy nắm bắt khi khoảnh khắc chợt đến
Và trở thành thần trong một phút giây.

Không phải tình yêu, không phải sự mê say
Và lúc này cũng không cần quên lãng
Hãy nắm bắt khi khoảnh khắc chợt đến
Và trở thành thần trong một phút giây.

1-7-1894

HÃY BIẾT NÉM MÙI ĐAU KHỔ

Khi thiên hạ gọi ta là người mẹ, người phụ nữ
Thì ta hãy bớt đi một khoảnh khắc trong hạnh phúc của mình
Hãy lặng im và thả nhiên gìn giữ
Hãy biết cách lặng im!

Và nếu như niềm vui là những ngày rất ngắn
Và thần tượng sẽ xét đoán ta trong một sớm một chiều
Thì trong nhục nhã ê chề, khổ đau buồn chán

Hãy biết học cách yêu!

Và nếu trên người ta có dấu son chọn lựa
Nhưng cái ách nô lệ cho ta trời đã đặt lên
Thì hãy vác cây thập ác của mình với vẻ thần tiên
Hãy biết nếm mùi đau khổ!



Vladimir Vladimirovich Maiakovsky (tiếng Nga: Влади́мир Влади́мирович Маяко́вский)(19/7/1893—14/4/1930) – nhà thơ Nga, một đại diện tiêu biểu nhất của trường phái thơ Vị lai, thế kỉ XX.

Tiểu sử:

Vladimir Maiakovsky sinh tại làng Baghdati, tỉnh Kutaisy, Gruzia trong một gia đình kiểm lâm. Vì sinh vào ngày sinh của bố nên được đặt tên trùng với tên bố. Cả bố và mẹ đều là những người có dòng dõi quý tộc. Lên 6 tuổi đã ham mê sách vở và thích đọc nhiều loại sách. Năm 1906, sau cái chết đột ngột của người bố, cả gia đình chuyển về Moskva. Năm 1908 vào đảng Dân chủ Xã hội Nga và tham gia hoạt động bí mật nên bỏ học từ lớp 5. Ba lần bị bắt giam, 11 tháng ngồi tù vì tội hoạt động cách mạng bí mật.

Năm 1911 Maiakovsky học hội họa, điêu khắc và kiến trúc ở trường nghệ thuật. Tại đây Maiakovsky làm quen với David Burlyuk – một trong những thủ lĩnh của nhóm Vị lai. Burlyuk đánh giá cao tài thơ của Maiakovsky và khuyên nên tiếp tục sáng tác. Maiakovsky thường xuyên tham dự vào các buổi sinh hoạt văn nghệ và đọc thơ. Công chúng không thể không để ý một chàng trai – thi sĩ cao lớn, đẹp và rất thích tranh luận. Thời kỳ sau cách mạng Maiakovsky vẫn tích cực đi đọc thơ ở nhiều nơi. Được công chúng đánh giá là người đọc thơ hay tuyệt vời, giọng ngân vang và mạnh mẽ, là người biết truyền đạt đến người nghe những chi tiết của cả âm thanh lẫn sắc màu.

Từng có một thời trong các sách giáo khoa ở Liên Xô người ta gọi Maiakovsky là “lá cờ đầu của thơ ca Tháng Mười”, là “sự thể hiện sống động của một kiểu nhà thơ mới – người chiến sĩ tích cực đấu tranh cho tương lai tươi sáng của dân tộc”vv...

Sau khi Liên Xô sụp đổ một số người lại đòi vứt Maiakovsky khỏi “Con tàu Hiện đại” như ngày nào Maiakovsky cùng với một số người đã ký tên vào bản tuyên ngôn của nhóm Vị lai: “vứt Puskin, Dostoievsky, Tolstoy vv và vv... khỏi Con tàu Hiện đại”. Những suy nghĩ nông nổi qua đi, ngày nay ý kiến trên cũng sai lầm như nhóm Vị lai ngày trước. Bởi vì tài năng của Maiakovsky vô cùng to lớn. Maiakovsky không phải như D. Burlyuk hay A. Kruchenykh – những người cùng ký tên vào bản tuyên ngôn năm 1912. Di sản thi ca của Maiakovsky rất đồ sộ và sự cách tân hình thức thơ của Maia đã có ảnh hưởng không chỉ đến thơ ca Nga mà thơ ca cả thế giới. Trường ca *Đám mây mặc quần* (Облако в штанах) được coi là một kiệt tác của Maiakovsky. Bài thơ tình với cảm xúc mãnh liệt đến mức hoang dại. Nhà thơ tạo nên một hình thức mới, một hơi thở mới cho thơ ca Nga bằng việc cắt đứt vần điệu, trộn lẫn ngôn ngữ nói, cách thức biểu đạt thô thiển với những câu thơ mềm mại. Người ta vẫn thường so sánh Maiakovsky với T. S. Eliot (1885-1965) – nhà thơ Anh, nhà cách tân thơ ca Anh-Mỹ nửa đầu thế kỉ XX.

Tác phẩm:

- * Ночь (Đêm, 1912), thơ
- * Владимир Маяковский (Vladimir Maiakovsky, 1914), bi kịch
- * Облако в штанах (Đám mây mặc quần, 1915), trường ca
- * Флейта-позвоночник (Cây sáo-cột sống, 1916), trường ca
- * Человек (Con người, 1916—1917), trường ca
- * Все сочиненное Владимиром Маяковским (Tuyển tập Vladimir Maikovsky, 1919)
- * 150000000, 1921, trường ca
- * Владимир Ильич Ленин (Vladimir Ilich Lenin, 1924), trường ca
- * Хорошо! (Tốt lắm!, 1927), trường ca
- * Письмо Татьяне Яковлевой (Bức thư gửi Tatiana Yakovleva, 1928), thơ
- * Клоп (Con rệp, 1929), kịch
- * Баня (Nhà tắm, 1930), kịch

LILYA!

Thay cho bức thư

Khói thuốc làm cho đặc bầu không khí.

Căn phòng –
cái đầu lâu nơi âm phủ.

Em còn nhớ
bên cửa sổ này
lần đầu
Anh điên cuồng ve vuốt đôi bàn tay.
Thế mà hôm nay ngồi đây
con tim tro như sắt đá.
Ngày nữa
em đuổi ra
quả trách, biết đâu mà.
Trong phòng khách mờ tối
bàn tay gầy run lên không xỏ được áo vào.
Anh chạy ra mau
đem xác thân anh quăng ngoài đường phố.
Vẻ hoang dã
và cuồng điên
tuyệt vọng đến vô cùng.
Điều này thì không cần
em yêu ả
em tốt quá
em hãy cho anh từ giã bây giờ.
Nhưng mà
tình yêu của anh –
một quả cân
quả cân nặng treo trên đầu em đó
dù em có chạy trốn xa gần.
Hãy cho anh tru lên trong tiếng kêu cuối cùng
nổi đắng cay của những điều hờn giận.
Nếu người ta bắt con bò làm việc nặng
thì nó bỏ đi
đắm mình trong nước lạnh.
Thiếu tình yêu của em
thì anh
không có biển
mà trong tình em không được nghỉ ngơi.
Mong yên lặng, đã mệt mỏi con voi –
uy nghiêm nằm trên cát bỏng.
Thiếu tình yêu của em

thì anh
không có mặt trời
mà anh không biết em ở đâu và em ở với ai.
Giá mà em làm khổ nhà thơ nào như thế
thì thi sĩ
sẽ đòi em yêu lấy danh vọng và tiền
còn anh
không một tiếng vang nào vui sướng
ngoài tiếng vang của cái tên em.
Và anh sẽ không lao vào khoảng không
sẽ không uống vào thuốc độc
và cò súng vào thái dương không bóp.
Trên người anh
thiếu cái nhìn của em
không một lưỡi dao nào sắc được.
Ngày mai đây em sẽ quên
rằng anh đã đăng quang tên em
rằng tâm hồn nở hoa bằng tình yêu anh đốt
và hội hoá trang của những ngày khó nhọc
sẽ làm rơi lên những cuốn sách của anh...
Những chiếc lá khô của những lời anh chẳng
sẽ bắt buộc anh dừng lại
khao khát thở quá chừng?

Xin em hãy cho anh
dù, bằng vẻ dịu dàng cuối cùng sẽ trải
bước chân đã đi khỏi của em*.
26-5-1916

*Tên của bài thơ này trong nguyên bản tiếng Nga là *Lilychka* – một cách gọi âu yếm tên *Lilya*, nhưng vì người Việt Nam ta không có cách gọi như vậy nên chúng tôi để nguyên tên.
Đây là *Lilya Yurievna Brick* (1891 – 1978) – người tình, vợ của *Maiakovsky*. Tình yêu giữa *Maia* và *Lilya* đã thay đổi cuộc đời của cả hai người. *Lilya* trở thành Nàng thơ và là người dẫn đường của *Maia* trong nghiệp văn chương (tổ chức gặp gỡ, xuất bản tác phẩm và giải quyết những vấn đề tài chính...). Sau cái chết của *Maikovsky*, *Lilya Brick* trở thành người thừa kế chính thức của *Maikovsky*.

BỨC THƯ GỬI ĐỒNG CHÍ KOSTROV*
TỪ PARIS NÓI VỀ BẢN CHẤT CỦA TÌNH YÊU

Cho tôi
xin lỗi,
đồng chí Kostrov
với một khoảng rộng bao la
rộng mở trong hồn
rằng một phần
cho Paris đã viết những dòng
cho thơ trữ tình
tôi
xài rất hoang phí.
Xin đồng chí
hãy hình dung
một người đẹp bước vô phòng
người đẹp mặc áo lông
chuỗi hạt cườm trên cổ.
Tôi
cầm tay người đẹp đó
và hỏi rằng:
– tôi nói đúng
hay là không đúng nhỉ? –
Tôi, người đồng chí
đến từ nước Nga
nổi tiếng là một nhà thơ
tôi từng thấy
những thiếu nữ còn xinh hơn thế
tôi từng thấy
những thiếu nữ người thon hơn thế.
Các cô gái
thường rất yêu thi sĩ.
Tôi thì thông minh
và giọng oang oang thế
nói nhảm những chiếc răng
nhưng chỉ
em nghe cho sẵn lòng.
Em chớ nghĩ rằng
tôi nói nhảm
đôi chút tình cảm

của kẻ qua đường.
Tôi đây
muôn thuở
đau vì tình –
nhọc nhằn đến thế.
Với tôi
tình yêu
không đo bằng hôn lễ
tình hết yêu –
tình sẽ bơi đi.
Tôi, đồng chí ạ
quả thực là
nhỏ nước bọt
lên tận óc.
Đi sâu vào chi tiết làm gì
đôi câu đùa cợt
tôi, người đẹp ạ
không phải hai mươi –
mà là ba mươi...
có lẽ.
Tình yêu
không phải là để cho
sôi lên âm ỉ
không phải là để đốt
cháy bằng than
mà là thức dậy sau đôi ngực
trên những
mái tóc – rùng.
Yêu –
có nghĩa
là vào giữa sân
chạy
và đến đêm của quạ
lấp loáng ánh rìu
giơ lên chặt bỏ
bằng sức mạnh
của mình–

những kẻ yêu đương.
Yêu –
đây là tấm vải trải giường
nhàu nát vì
những đêm không ngủ
giật tung ra
với Kopernik** ganh tỵ
với ông ấy
chứ không phải chồng của Mari Ivan
hãy coi
là tình địch của mình.
Với chúng tôi
tình yêu
không phải vườn địa đàng
với chúng tôi
tình yêu
rủ lên tất cả
những gì lại
làm cho máy nổ
chiếc máy
đã ngủ yên ở giữa con tim.
Các người
sợ chỉ về Mạc Tư Khoa
đã cắt.
Tháng năm –
là khoảng cách.
Biết làm sao
giải thích
cho các người
rằng đây là khoảng cách?
Trên mặt đất
của ngọn lửa – đến bầu trời...
giữa trời xanh
của sao –
đến quĩ.
Giá mà tôi
đã không là thi sĩ

thì tôi có lẽ
đã trở thành
một vị chiêm tinh.
Quảng trường âm ỉ sôi lên
những đoàn người di chuyển
tôi bước đi
viết những câu thơ vào quyển
sổ ghi chép của mình.
Những chiếc ô-tô
trên đường phố
lao nhanh
chứ không phải xếp hàng trên mặt đất.
Những người thông minh
hiểu biết:
con người –
trong sự phấn khích.
Một đồng hình
và ý tưởng
chất đầy
tận nấp.
Giá mà ở đây
và ở những con gấu
có những đôi cánh để mà bay.
Và đây
với quán ăn nào đó
rẻ như bèo
khi mà
cái này sôi
từ cổ hâu
đến những ngôi sao
lời vút lên
thành mạ vàng một ngôi sao chổi.
Và đuôi
cắt
bầu trời làm ba phần
ánh lên
và cháy bộ lông chim

để cho hai kẻ yêu nhau
vào những ngôi sao sẽ ngấm
và những cuộc chuyện trò
của họ trở nên màu tím.
Để nâng lên
để dặt dìu
và lời cuốn
bằng mắt nhìn đã mệt mỏi những ai.
Để những cái đầu
hận thù
cưa đổ xuống bờ vai
bằng thanh kiếm
có chuôi dài tỏa sáng.
Tự mình, trong lòng ngực
đến tiếng gõ của ngày cuối tận
như đến cuộc hẹn hò
đứng lặng
rồi lắng tai nghe:
tình yêu gào lên
tình yêu đơn giản
của người trần.
Bão giông,
lửa,
nước
có mặt trong tiếng thì thầm.
Ai có khả năng
kìm nén được lòng?
Có thể, đồng chí?
Đồng chí hãy thử xem...
1928

*Kostrov (Cổ-xtrốp) – biên tập viên báo "Sự thật Thanh niên" thời bấy giờ.
**Kopernik, Nikolai (Copernicus, Nikolaus)(1473 – 1543) – nhà thiên văn học Ba Lan.

BỨC THƯ GỬI TATYANA YAKOVLEVA

Trong nụ hôn lên bàn tay
hay bờ môi
trong cơn run thân thể
những người gần gũi thể
màu đỏ thắm
của những nước
cộng hòa của tôi
cũng cần phải
bùng lên
như lửa cháy.

Tôi không thích
tình yêu theo kiểu Paris:
đem trang điểm người ta
bằng nhung lụa
tôi dún người, chớp mắt
nói
tubo* –

bằng vẽ say mê
phát khùng với chó.
Chỉ một mình em
là cao bằng tôi thôi
em hãy đứng lại gần đây
ngang tầm mắt
em hãy để cho
về cái buổi
chiều này
kể những lời
rất chân tình, thân mật.

Năm giờ
và từ lúc ấy
rừng thông
mơ màng
của những câu thơ
thành phố trở nên
im ắng, hoang vu
chỉ còn nghe
có mỗi

tiếng còi tàu đi Barcelona.
Giữa trời đen
dáng đi của sấm
chớp
chửi nhau trong
vở kịch bầu trời
không phải cơn giông
mà đây là
chỉ đơn giản
sự ghen tuông đang chuyển động sau đôi.
Em hãy chớ tin
dại dột những lời
đừng nhầm lẫn
sự lung lay, giữ xóc
tôi thắng cương
tôi kìm lòng
kẻ có dòng quý tộc.
Con đam mê
như vảy kết trên da
nhưng niềm vui
không hề khô cạn
sẽ rất lâu
và sẽ rất đơn giản
tôi trò chuyện bằng thơ.
Sự ghen tuông
những người vợ
những dòng nước mắt...
những mí mắt sưng
vừa vặn với Vio.
Tôi không tự mình
mà tôi
ghen tỵ cho
nước Nga Xô Viết.
Những miếng vá trên vai
tôi đã nhìn
và hơi thở
của bệnh

ho, lao phổi.
Nhưng dù sao
chúng tôi đâu có lỗi
khi nhọc nhằn
cả một trăm triệu dân.
Chúng tôi
bây giờ
sẽ rất mực dịu dàng
Với môn thể thao
uốn thẳng cho một số
những người như em
ở Mạc Tư Khoa rất cần
những cô gái chân dài
không hề đủ.
Không phải em
vào tuyết
và khói sương
từng đi qua
bằng những bàn chân đỏ
ở đây người ta
ve vuốt
mon man
đem vào bữa ăn
của những vua dầu mỏ.
Em đừng nghĩ rằng
nheo mắt đơn giản thế
cái nheo mắt này
uốn thẳng những vòng cung.
Em hãy đi lại đây
hãy ngã vào lòng
ngã vào vòng tay của tôi
to rộng và thô kệch.
Em không muốn ư?
Thì đúng đó mà chịu rét
và điều này
là sự sỉ nhục
cho cả hai người.

Dù sao
thì tôi
cũng sẽ có lúc
đem theo em chỉ một
hoặc cả hai người với Paris.
1928

**Dừng lại, chờ động vào.*

BÀI THƠ VIẾT DỖ

I

Yêu? không yêu? tôi làm hỏng bàn tay
những ngón trên bàn tay này gập lại
để đoán xem trong tháng năm này
những vành hoa nở từ hoa cúc dại
Mặc cho râu tóc sợi bạc sẽ tìm ra
Dù ánh bạc tháng năm có nhiều vô thiên lủng
tôi hy vọng và tin rằng muôn đời không đến
cùng với tôi sự thận trọng xấu xa

II

Đã bước sang giờ thứ hai
em cần phải đi nằm
Mà có thể
em là như thế
Anh không vội vàng
bằng những bức điện khẩn
để đánh thức em
và làm em lo lắng
chẳng để làm chi

III

biển đi giạt lùi
biển đi ngủ
Như người ta thường nói: vụ rắc rối qua mau
con thuyền tình đã vỡ ra tan tác
Ta đã không còn mắc nợ gì nhau
Và cũng chẳng cần chi danh mục
của những giận hờn và bất hạnh, đón đau

IV

Đã sang giờ thứ hai, em phải đi nằm
Dải Ngân hà trong đêm ngời Con mắt bạc
Anh không vội vàng bằng những bức điện hỏa tốc
Để đánh thức em và làm em lo lắng chẳng làm chi
như người ta thường nói: vụ rắc rối qua đi
con thuyền tình đã vỡ ra tan tác
Ta hết nợ nần nhau và chẳng cần chi danh mục
của những đón đau, bất hạnh, những giận hờn
Em hãy xem trong đời gió lạnh trời yên
Đêm đặt lên giữa trời những vì sao xa thẳm
trong giờ thế này em hãy thức dậy, trong thâm lặng
nói cho hoàn vũ và những thế kỷ cuộc đời kia

khi in ra sẽ không cần những dấu chấm
như ở trong quyền sở của Maiakovsky
1928-1930

PHONG CÁCH HEINE*

Đôi mắt em bùng lên như tia chớp
em nói rằng em đã nhìn
thấy anh đi cùng cô gái khác.
Rằng anh là người đê tiện nhất
rằng anh là kẻ thấp hèn.
Và em bước
đi trên đường

em vừa đi vừa rửa.
Anh chỉ là nhà bác học tầm thường, em yêu a
những tiếng sấm kia em hãy giữ cho mình.
Nếu như tia chớp đã không giết được anh
thì tiếng sấm rền
nói có trời, anh không sợ.
1920

* Heine, Heinrich (1797 – 1856) – nhà thơ Đức.

CƯ XỬ VỚI CÔ NƯƠNG

Buổi chiều này đã quyết
còn anh và em có là người tình?
Trời tối đen
không ai nhìn thấy hết.
Và anh đã quì xuống thật
quả thật
là anh
trong khi cúi mình
nói với em
như người cha tốt bụng:
“Dục tình như vách dựng đứng
con làm ơn
đứng tránh ra bên đường.
Tránh ra bên đường
con nhé”.
1920.

Marina Tsvetaeva viết về Maiakovsky

GỬI MAIAKOVSKY

Phát súng bắn vào giữa ngực
Như chỉ để bắn kẻ thù thôi.

Người từng đánh vật với Đức Chúa Trời
Ngôi đền cuối cùng hôm nay phá nốt.

Lại một lần nữa không bị tắc
Viên đạn xuyên – người ấy là trần.
Đã từng có một con tim
Sau phát súng – thế là chấm hết.

(Ở nước ngoài người ta đón gặp:
“Quả là thật rắc rối, lung tung
Nghĩa là họ – cũng có tấm lòng?
Như ở bên ta, không khác?”)

Phát súng vào ngay giữa ngực
Như vào đích của chợ phiên.
(Thường vào thái dương bên trái, vút
Như với người vợ trên giường.)

Anh giỏi lắm! Và đã không nhằm
Quả là chết vì phụ nữ!
Và nàng Elena xấu xa tội tệ*
Có từng nghĩ – là sẽ gọi tên.

Chỉ một điều, nhưng mà rất quý tộc
Người phải tả làm cho ta ngạc nhiên:
Chỉ về phía hữu và đã biết rằng
Thieu trụi lông, còn ở đây – bắt được.

Giá như vào bên phải – thì cần xem lại
Sếp của anh – người ta sẽ kiểm tra.
Còn đây phát súng bắn vào cánh trái
Thì nghĩa là tâm điểm những bài ca!

Đã từng phá rất nhiều ngôi đền
Nhưng ngôi đền này – quý hơn tất cả.

Cầu Chúa cho kẻ thù của Người đã chết được bình yên!

8- 1930

(*Xem thêm: Đám mây mặc quần*)



Velimir Khlebnikov (tiếng Nga: Велимир Хлебников - là bút danh của **Viktor Vladimirovich Khlebnikov**) (09 tháng 11 năm 1885 – 28 tháng 6 năm 1922) là nhà văn, nhà thơ Nga thế kỷ bạc, là một trong những người sáng lập phái Vị lai và là nhà thơ xuất sắc, nhà cách tân ngôn ngữ thơ ca Nga thế kỷ XX.

Tiểu sử:

Velimir Khlebnikov sinh ở làng Malye Derbsty, tỉnh Astrakhan. Bố là nhà sinh vật học, người lập ra khu bảo tồn sinh vật học đầu tiên ở Liên Xô. Những năm 1903 – 1911 học ở khoa toán – lý Đại học Kazan rồi học tiếp khoa ngôn ngữ - lịch sử ở Đại học Saint – Petersburg. Từ năm 1905 bắt đầu in các bài báo khoa học tự nhiên và từ năm 1908 bắt đầu in văn thơ. Năm 1909 tham gia *Học viện thơ* (Академия стиха). Năm 1910 tham gia nhóm văn học *Hylea* (Гилея). Những năm 1912 – 1913 cùng với Mayakovsky, Burliuk... thành lập trường phái thơ Vị lai và cùng ký bản tuyên ngôn đòi “vứt Pushkin, Dostoesky, Tolstoy và những người khác khỏi con tàu hiện đại”. Năm 1912 ông xuất bản cuốn *Thầy và trò* (Учитель и ученик) – đặt cơ sở cho khái niệm triết học Buletlyanstvo – đánh giá vai trò của những người tương lai, những người sáng tạo có khả năng thay đổi xã hội đồng thời thống nhất những người này với nhau như một cộng đồng của những người cùng chí hướng.

Thế chiến I xảy ra Khlebnikov bắt đầu đi nghiên cứu về qui luật của chiến tranh trong lịch sử để dự đoán cuộc chiến này. Thời kỳ này ông viết *Những trận đánh 1915 – 1917* (Битвы 1915-1917 гг), *Học thuyết mới về chiến tranh* (Новое учение о войне), *Cuộc chiến trong bầy chuột* (Война в мышеловке). Thái độ căm ghét chiến tranh là chủ đề xuyên suốt của các tác phẩm viết trong thời kỳ này. Năm 1916 ông bị gọi vào quân đội mà theo lời ông thì “đã trải qua những nỗi kinh hoàng nơi địa ngục” nhưng sau đó nhờ một bác sĩ quen biết giúp đỡ, ông đã xin được ra quân.

Thời kỳ sau cách mạng Tháng Mười Khlebnikov tiếp tục hoạt động trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật và đi rất nhiều nơi. Ông làm ở nhiều tờ báo khác nhau, đi về Ukraine rồi về miền Kavkaz, làm cán bộ chính trị ở hạm đội biển Caspien. Ông còn sang cả Ba Tư làm thầy cho các con của lãnh chúa vùng Tehran. Thời kỳ này ông viết nhiều bài thơ được đánh giá là xuất sắc nhất. Năm 1921 ông quay lại Moskva gặp những người bạn cũ cùng phái Vị lai xưa như Kruchenykh, Mayakovsky, Burniuk trở thành thành viên chính thức của *Liên minh các nhà thơ* (Союза поэтов). Mùa xuân 1922 vì bệnh nặng nên ông về sống với vợ con ở tỉnh Novgorod. Ông mất ở Santalova, Novgorod ngày 28 tháng 6 năm 1922. Năm 1986 bảo tàng Khlebnikov được xây dựng ở làng Ruchi tỉnh Novgorod. Hàng năm tại đây diễn ra các cuộc đọc thơ. Một tiểu hành tinh do nhà thiên văn học Xô Viết Nikolai Stepanovich Chernykh tìm ra năm 1977 được đặt tên 3112 Velimir.

Sáng tạo của Velimir Khlebnikov đã có sự ảnh hưởng sâu sắc đến các nhà thơ lớn thế kỷ XX như Mayakovsky, Mandelstam, Tsvetaeva, Pasternak... đặc biệt là về sự phát triển những khả năng mới – nhịp điệu, sáng tạo ngôn từ và tính dự báo – của thơ ca. Nhà thơ Mayakovsky gọi Khlebnikov là bậc thầy của thi ca và nói về ý nghĩa to lớn của những thử nghiệm để tạo ra một ngôn ngữ thơ ca mới.

Thư mục:

- * *Собрание произведений Велимира Хлебникова, тт. 1-5 (предисл. Ю. Тынянова). Л., 1928-1933*
- * Степанов Н. Велимир Хлебников. Жизнь и творчество. М., 1975
- * Григорьев В. Грамматика идиостиля: Велимир Хлебников. М., 1983
- * Хлебников В. Творения. М., 1986
- * Хлебников В. Стихотворения. Поэмы. Драмы. Проза. М., 1986
- * Дуганов Р. Велимир Хлебников. Природа творчества. М., 1990
- * Перцов В., О Велимире Хлебникове, "Вопросы литературы", 1966, № 7
- * Харджиев Н., Маяковский и Хлебников, в кн.: Харджиев Н. и Тренин В., Поэтическая культура Маяковского, М., 1970
- * Степанов Н., Велимир Хлебников. Жизнь и творчество, М., 1975

Một số bài thơ:

QUẢ ĐẤT CÓ QUAY TRÒN

Quả đất có quay tròn hay không tôi không biết được
Điều này phụ thuộc vào lời có đặt được vào hàng
Tôi không biết có từng có ông và bà của tôi hay không
Là những con khi, vì rằng tôi không biết tôi muốn chua hay là ngọt.
Nhưng tôi biết rằng tôi muốn sôi và muốn cho con run chung
Hòa nhập mặt trời và gân tay của tôi làm một.
Nhưng tôi muốn cho tia sáng ngôi sao hôn tia sáng của mắt mình
Như nai với nai (ô, những đôi mắt nai tuyệt đẹp!).
Nhưng tôi muốn tin rằng có cái gì đấy vẫn còn
Khi bím tóc của người yêu được thay, thí dụ, bằng thời gian.
Tôi muốn đưa ra ngoài dấu ngoặc của số nhân chung hòa nhập
Tôi, mặt trời, bụi của ngọc và trời xanh.

KHI NGỰA CHẾT

Khi ngựa chết – ngựa thở dốc
Khi hoa cỏ chết – hoa cỏ khô
Khi mặt trời chết – mặt trời tắt
Khi người chết – người hát bài ca.

CON NGƯỜI, BỘ TỘC

Con người, bộ tộc, tháng năm
Ra đi mãi mãi
Như nước kia cứ chảy
Trong tám gương uyển chuyển của thiên nhiên
Ta là cá, những ngôi sao – là lưới
Còn thánh thần là ảo ảnh giữa bóng đêm.

ĐÃ TỪNG THÔN THỨC

Đã từng thôn thức, từng yêu, từng gọi người
Mà vẻ hồn nhiên đã đi vào cổ tích
Người mà đã từng sống về tôi
Và dâng chúng tôi cho niềm hạnh phúc...
Nhưng người bấy chuột la lên với chuột
Lao vào đuổi chuột rồi gào lên
Và thế rồi tội nghiệp những đôi chân
Và ánh nền chập chờn bên nấm mộ.



Boris Leonidovich Pasternak sinh ra trong một gia đình nghệ sĩ tài năng gốc Do Thái, theo học hội họa, âm nhạc triết học và lịch sử rồi quyết định theo đuổi sự nghiệp văn chương, năm 1914 in tập thơ đầu tiên *Người anh em sinh đôi trong mây đen*. Những sáng tác của nhà thơ ngày càng được công chúng đánh giá cao, đến những năm 1930 ông được coi như một nhà thơ Xô Viết hàng đầu.

Năm 1922, ông cho ra đời tác phẩm văn xuôi đầu tiên *Thời thơ ấu của Lyuvers*. Năm sau, B. Pasternak kết hôn với nữ họa sĩ Evghenia Muratova và in tập thơ *Những chủ đề và biến tấu* được đánh giá là một trong những đỉnh cao của thơ ông. Năm 1931, tự truyện *Chúng chỉ hộ thân* ra đời, bộc lộ rõ quan điểm của B. Pasternak với nghệ thuật, thiên nhiên và cuộc sống. Là người biết nhiều ngoại ngữ, những năm không có việc làm ông đã làm nghề dịch để kiếm sống - ông đã dịch thơ cổ điển Anh, Pháp, Đức, Gruzia, đặc biệt các bản dịch bi kịch Shakespeare

được coi là hay nhất trong tiếng Nga.

Từ năm 1945 đến 1955, B. Pasternak sáng tác cuốn tiểu thuyết quan trọng nhất của ông, *Bác sĩ Zhivago*, nhưng không được in ở Liên Xô, đến năm 1957 tác phẩm này được xuất bản ở Italia. Cuối năm sau, cuốn sách được dịch ra 18 thứ tiếng. Cũng trong năm này, B. Pasternak là người Nga thứ hai được trao giải Nobel Văn học vì những thành tựu lớn lao ông đã đạt được trong nền thơ trữ tình hiện đại, cũng như vì công lao tiếp nối các truyền thống của nền tiểu thuyết sử thi Nga vĩ đại, mà nổi bật nhất là *Bác sĩ Zhivago* - một trong những cuốn tiểu thuyết Nga hiện đại được đọc nhiều nhất ở nước ngoài. Nhưng do những áp lực chính trị, B. Pasternak buộc phải từ chối nhận giải (30 năm sau con trai ông mới nhận thay ông tấm bằng cao quý đó).

Tác phẩm:

- Những bài thơ đầu tay, in trong quyển *Thơ trữ tình* (Лирика, 1913).
- Người anh em sinh đôi trong mây đen (Близнец в тучах, 1914), thơ.
 - Phía trên rào cản (Повверх барьеров, 1917), thơ.
 - Cuộc sống là chị tôi (Сестра моя жизнь, 1922), thơ.
- Thời thơ ấu của Lyubers (Детство Люверс, 1922), truyện.
- Những chủ đề và biến tấu (Темы и вариации, 1923), thơ.
- Bệnh cao sang (Высокая болезнь, 1924), trường ca.
- Trung úy Smidt (Лейтенант Шмидт, 1926), trường ca.
- Đường trên không (Воздушные пути, 1924), truyện.
- Chứng chỉ hộ thân (Охранная грамота, 1931), tự truyện.
- Năm chín trăm lẻ năm (Девятьсот пятый год, 1927), trường ca.
 - Truyện vừa (Повесть, 1929), truyện.
 - Tái sinh (Второе рождение, 1932), tập thơ.
- Trên những chuyến tàu sớm (На ранних поездках, 1943), thơ.
- Khoảng bao la trái đất (Земной простор, 1945), thơ.
- *Bác sĩ Zhivago* (Доктор Живаго, 1957), tiểu thuyết.
- Con người và cảnh ngộ (Люди и положения, 1957), tự truyện.
 - Bút kí tiểu sử (Биографический очерк, 1959).

MÙA THU

Anh đã chia tay với những người nhà
Tất cả người thân từ lâu không hợp
Với một nỗi cô đơn như mọi khi
Trong thiên nhiên và trong lòng dân ngập.

Giờ ngồi đây cùng em trong lều gác
Giữa hoang vu, trong rừng vắng không người.
Những lối mòn, như lời trong bài hát
Cây cỏ chỉ còn một nửa mà thôi.

Và giờ đây với một vẻ u sầu
Nhìn vào hai ta những bức tường gỗ.

Anh và em chẳng có gì cách trở
Hai đứa chân thành sẽ chết cùng nhau.

Ta ngồi canh một, đứng dậy canh ba
Em với bức thư còn anh với sách
Đến gần sáng sẽ không hề nhận ra
Ta thôi hôn nhau lúc nào không biết.

Hãy ngang tàng và lộng lẫy xa hoa
Rắc đầy lên hỡi lá rừng xào xạc
Chén khỗ tận cay đắng ngày hôm qua
Nỗi buồn hôm nay tràn trề hãy rót.

Nỗi lưu luyến, niềm say mê, vẻ đẹp!
Tan biến vào trong âm ỉ mùa thu!
Em hãy vui trong mùa thu xào xạc!
Và sẽ ngát ngây hay sẽ điên rồ!

Và em hãy vút quần áo mình ra
Nhu rừng nhỏ trong mùa thu trút lá
Khi vào vòng tay của anh em ngã
Trong áo choàng với nét vẽ nhung tơ.

Em là hạnh phúc của bước thương đau
Khi cuộc sống chán chường hơn bệnh tật
Còn can đảm là ngọn nguồn cái đẹp
Chính điều này xích ta lại gần nhau.

NGÀY HÔM NAY TẮT CẢ MẶC BÀNH TÔ

Ngày hôm nay tắt cả mặc bành tô
Những mầm cây khoác trên mình giọt nước
Nhưng tắt cả không một ai nhận ra
Rằng anh uống say tiết trời vẫn đục.

ánh bạc ngời những chiếc lá mâm xôi

Mặt sau lá hướng lên trời, ngửa mặt
Ngày hôm nay em buồn như mặt trời
Còn mặt trời như em – người phương bắc.

Ngày hôm nay tất cả mặc bảnh tô
Nhưng với ta không có gì bất lợi
Không có gì thay nỗi cho hai ta
Thứ nước uống có màu hơi sẫm tối.
1913.

ĐỪNG HỒI HỘP

Đừng hồi hộp, đừng làm, đừng khóc nữa
Sức hết rồi, chớ làm khổ con tim
Anh giữ em trong lồng ngực của mình
Như một dịp, như bạn thân, trụ đỡ.

Lòng tin vào tương lai anh không sợ
Em ngỡ anh như một kẻ hay lời
Ta chẳng liên minh, không phải cuộc đời
Điều gian dối hai người đem chặt bỏ.

Từ nỗi buồn của những người do dự
Anh mang ra giữa thoáng đặng trời xanh
Như bàn tay, người anh em của anh
Như bức thư gửi dành riêng em đó.

Em xé toang vào giữa, như bức thư
Vội nhận biết ở trong từng dòng chữ
Hãy bỏ qua những tháng ngày mệt lử
Và chuyện trò theo kiểu núi An-pơ.

Rất rõ ràng trên mặt nước của hồ
Vội óc núi chính xác vào xương tuỷ
Hãy tin rằng anh không người chơi chữ
Đem đặt vào đúng chỗ những dòng thơ.

Hãy lên đường. Mỗi ràng buộc hai ta
Và danh dự không còn dưới mái nhà
N như mầm cây đang hướng về ánh sáng
Em bây giờ nhìn tất cả khác xưa.
1931.

YÊU NGƯỜI KHÁC

Yêu người khác – cây thập ác nặng nề
Em tuyệt vời, không quanh co, khúc khuỷu
Và điều bí ẩn của vẻ đẹp kia
Lời giải đáp tìm ra anh xin chịu.

Giữa mùa xuân anh nghe tiếng thì thầm
Tiếng xạc xào của những điều chân lý
Em sinh ra từ dòng dõi trâm anh
ý nghĩ em vô tư như không khí.

Rất dễ thức giấc và rất dễ nhìn
Những lời bản từ trong tim rũ sạch
Sống mà không xả rác theo thời gian
Tất cả đấy chỉ là điều khôn vặt.
1931.

ĐÊM ĐÔNG

Khắp mặt đất màu trắng
Trắng xóa đến tận cùng.
Một ngọn nến cháy trên bàn
Cháy trên bàn ngọn nến.

Như trong mùa hè, một đàn ruồi nhỏ
Vào ngọn lửa đang bay
Những bông tuyết từ sân rơi vào đây

Bám vào khung cửa sổ.

Bão tuyết vẽ lên trên kính
Những vòng tròn và những mũi tên.
Một ngọn nến cháy trên bàn
Cháy trên bàn ngọn nến.

Trên trần nhà chiếu sáng
Những chiếc bóng nằm lên
Đan chéo những bàn tay, bàn chân
Đan chéo nhau số phận.

Và rơi xuống hai chiếc guốc
Với tiếng cộc cộc trên sàn
Và sập từ cây đèn chong đèn
Như nước mắt vào áo quần nhỏ giọt.

Thổi vào ngọn nến từ trong góc
Cơn nóng quẩn rũ đến lạ lùng
Giương đôi cánh giống như thiên thần
Đôi cánh có hình cây thập ác.

Cả tháng hai một màu tuyết trắng
Kể ra, chỉ là chuyện đương nhiên
Một ngọn nến cháy trên bàn
Cháy trên bàn ngọn nến.

1946.

GIÓ

Anh đã chết rồi, em vẫn sống
Còn gió than phiền, khóc nỉ non
Gió lay biệt thự, lay rừng rậm.
Không gì riêng lẻ mỗi cây thông
Mà gió lung lay cả cánh rừng
Với tất cả tận cùng xa thẳm

Như lay những chiếc thuyền buồm
Trong vũng tàu nước lặng.
Đấy không phải là tại vì ngạo mạn
Hay tại vì giận dữ cuồng điên
Mà để, trong nỗi buồn vô hạn
Tìm những lời gió hát ru em.
1953.

TA MUỐN ĐẾN TẬN CÙNG

Trong tất cả ta muốn đến tận cùng
Đến tận cùng của bản chất sự vật
Trong tìm kiếm con đường, trong công việc
Và trong cơn náo loạn chân thành.

Ngày đã qua muốn hiểu tận căn nguyên
Đến tận cùng nguyên nhân của chúng
Đến nguồn gốc, căn cơ tường tận
Đến cốt lõi, đến trọng tâm.

Tất cả thời gian bằng sợi chỉ của mình
Bao trùm lên sự biến thiên, số phận
Ta sống, yêu và nghĩ suy, cảm nhận
Và ta tạo ra những phát minh.

Ôi, giá mà ta có thể theo ý muốn
Dù là chỉ được một phần
Thì ta sẽ viết ra tám dòng
Về tính chất của đam mê, say đắm.

Về những giấc mơ, những điều vi phạm
Những cuộc trốn chạy, truy lùng
Về sự hấp tấp không chủ tâm
Về những cùi tay, những bàn tay lạnh lặn.

Ta sẽ chỉ ra qui luật riêng của nó

Chỉ ra sự bắt đầu
Và nhắc lại tên sau
Bằng những chữ đầu tiên của họ.

Ta chia câu thơ như chia khu vườn
Bằng run rẩy mọi đường gân thớ thịt
Những cây gia sẽ mọc lên tươi tốt
Và nối đuôi nhau theo một lối mòn.

Ta mang vào thơ hơi thở của hoa hồng
Hơi thở bị làm cho nhàu nát
Bởi mùa cắt cỏ trên đồng những cây cỏ lác
Và tiếng rì rầm của những cơn giông.

Từng có một thời ông nhạc sĩ Sô-panh
Đã viết ra những giai điệu diệu kì như thế
Là của những năm mồ, công viên, những khu
rừng nhỏ
Ông đem chúng vào trong những tác phẩm của mình.

Để đạt đến sự vinh quang
Thì trò chơi và sự đau đớn –
Như mũi tên bắn thẳng
Chỉ từ cung nỏ rất căng.
1956.

LÀM NGƯỜI NỔI TIẾNG LÀ KHÔNG ĐẸP

Làm người nổi tiếng là không đẹp
Đâu phải vì nổi tiếng mới lên cao
Những giấy tờ, lưu trữ đừng tích góp
Trước những trang bản thảo chớ nôn nao.

Mục đích của sáng tạo là dâng hiến
Đâu phải vì thành tích, tiếng ồn ào
Đem biến mình thành những lời truyền miệng

Cho người đời, thật xấu hổ làm sao.

Ta cần sống khiêm nhường, không tự bạch
Phải sống sao, bởi suy xét cho cùng
Để tiếng gọi tương lai nghe thấy hết
Nhận về tình luyện ái của không trung.

Cần phải biết để chừa ra khoảng trống
Trong số phận mình, không phải trong thơ
Trong cuộc đời có những chương, những đoạn
Cần tô đậm lên cho khỏi lu mờ.

Và phải biết đắm chìm vào quên lãng
Trong vô danh giấu những bước chân ta
Như làng mạc ẩn mình trong sương sớm
Sương khói mịt mù không thể nhìn ra.

Những kẻ khác theo bước chân sống động
Bám gót ta đi qua chặng đường mình
Nhưng đành ngậm ngùi nhìn lên chiến thắng
Mặc người đời, ta không phải bận tâm.

Và phải biết không một tác ngấn ngủi
Đừng để đánh mất gương mặt con người
Cần phải sống làm một người sôi nổi
Và vui tươi cho đến cuối cuộc đời.

1956.

TUYẾT RƠI

Tuyết rơi, tuyết rơi
Trong bão tuyết hướng về ngôi sao nhỏ
Hoa trúc quì hướng lên trời
Ngoài khung cửa sổ.

Tuyết rơi, tất cả đều luống cuống
Tất cả lên đường

Những bậc cầu thang đen thẫm
Rẽ ngoặt ngã tư đường.

Tuyết rơi, tuyết rơi
Có vẻ như từng bông không rơi xuống
Còn trong chiếc áo bành tô rộng
Rơi xuống đất – bầu trời.

Có vẻ như gương mặt kẻ dở hơi
Từ trên gác thượng
Chơi trò ú tim vụng trộm
Và rơi xuống – bầu trời.

Bởi vì cuộc đời không chờ đợi
Em đừng nhìn - đã lễ Giáng sinh(1)
Chỉ khoảng cách ngắn ngủi
Và năm mới – hãy nhìn.

Tuyết rơi dày đặc
Thành đồng dưới chân ta
Với nhịp điệu hững hờ
Hay là nhanh chóng mặt
Như thời gian trôi qua?

Năm tháng, có thể là
Như tuyết rơi, nối tiếp
Hay như lời trong thơ?

Tuyết rơi, tuyết rơi
Tuyết rơi, tất cả đều luống cuống
Người bộ hành tuyết trắng
Hoa cỏ ngạt nhiên
Rẽ ngoặt ngã tư đường.
1957.

(1) Lễ Giáng sinh ở Nga (Chính thống giáo) vào ngày 7 tháng 1.

GIẢI THƯỞNG NOBEL

Tôi mất hút, sa vào như con thú
Đâu đó tự do, ánh sáng, con người
Tiếng thét gào, xua đuổi sau lưng tôi
Nhưng lối thoát bên ngoài không hiện rõ.

Khu rừng tối và bên hồ nước
Gỗ thông già chất đống khắp nơi
Cả bốn phía chặn bước con đường tôi
Tôi chịu đựng, dù thế nào cũng được.

Có phải tôi làm điều chi thô bỉ
Tôi là tên ác độc, kẻ giết người?
Tôi chỉ làm cho lệ thế gian rơi
Trước vẻ tuyệt vời của đất đai quê mẹ.

Cái chết đã cận kề, nhưng dù thế
Tôi vẫn tin rồi sẽ đến một thời
Khi tinh thần thánh thiện sẽ lên ngôi
Sẽ chiến thắng thói đê hèn, phần nộ.
1959

KHÔNG ĐỀ

Hay hờn dỗi, vốn rứt rề thường nhật
Em tôi cháy lên như lửa bây giờ
Hãy cho phép anh giam cầm vẻ đẹp
Trong ngôi nhà rất tăm tối của thơ.

Hãy xem kia, đang thay hình đổi chỗ
Như lửa cháy lên quanh cả chao đèn
Căn phòng nhỏ, và mép tường, cửa sổ
Và bóng, hình của cả anh và em.

Giờ em đang ngồi trên chiếc đi-văng

Và co chân theo kiểu như người Thổ.
Dù dưới ánh sáng hay bóng tối đen
Em đều tranh luận giống như trẻ nhỏ.

Vẽ mơ màng, bàn tay em xâu chuỗi
Để lặn ra trên váy những hạt cườm
Dáng vẻ ngoài của em buồn quá đời
Và những lời trò chuyện thật giản đơn.

Lời tình yêu tuôn ra, và em đứng.
Anh nghĩ ra tên gọi khác cho em.
Tất cả lời, cả thế giới, vì em
Anh thay tên khác nếu như em muốn.

Chẳng lẽ cái vẽ bên ngoài u ám
Thể hiện tầng sâu tình cảm của em
Tầng sâu bí ẩn của tim lấp lánh?
Nhưng tại vì sao mắt đờm vẻ buồn?

GIÓ (*Những dòng về Blok*)

Ai sẽ sống và sẽ được tôn vinh
Ai phải chết và chịu điều phi báng –
Người biết rõ là những tên xu nịnh
Chỉ một loài nịnh hót có uy quyền.

Sẽ không ai biết điều gì xảy ra
Pushkin là vinh quang hay chẳng
Không cần chi đến những trang luận án
Cho những dòng ánh sáng đã rót ra.

Nhưng Blok, may mắn thay, không vậy
Đối với anh, chuyện đó, khác với người
Anh không xuống với ta từ Sinai
Và không coi ta như là con cái.

Anh nổi tiếng không theo chương trình nào
Mãi đứng ngoài trường phái và chính thể
Anh không được tạo bằng những bàn tay
Và không áp đặt ta cùng ai cả.

Anh lộng gió và anh như ngọn gió
Ngọn gió gào trong thái ấp những ngày
Như ở đó có một người đuổi ngựa
Nói trên phía đầu những chiếc bánh xe.

Và từ thời ông nội anh đã sống
Bằng tâm hồn trong sáng một con người
Chính vì thế những gì không nhỏ mọn
Đứa cháu sau này không dễ buông xuôi.

Ngọn gió này xuyên qua dưới xương sườn
Vào tâm hồn, suốt bấy nhiêu năm tháng
Và tiếng xấu cũng như cả tiếng thơm
Nhắc đến trong thơ để thơ cất tiếng.

Ngọn gió này khắp nơi. Anh ở nhà
Trong làng mạc, trong mưa, trong cây cỏ
Trong thơ ca của tập thơ thứ ba
Trong cái chết, trong “*Mười hai chiến sĩ*”.

**Một tác phẩm của Blok*

MÙA XUÂN

Mùa xuân – tôi từ nơi có cây dương ngọc nhiên
Nơi miền xa sợ, ngôi nhà lo đồ xuống
Không khí xanh như tay nải áo quần
Của bệnh nhân vừa được ra bệnh viện.

Nơi buổi chiều hoang như câu chuyện giữa chùng
Bị ngôi sao bỏ rơi không còn tiếp diễn
Để nghìn đôi mắt náo nhiệt bắn khoăn
Những đôi mắt rất sâu, không biểu cảm.

GẶP GỠ

Tuyết rơi trên những con đường
Trên những mái nhà thoải thoải
Anh bước ra khỏi động đôi chân
Thấy em đứng ngoài cánh cửa.

Em một mình, mặc bánh tô thu
Đầu không đội mũ, chân không ủng
Em đang ghì nén niềm xúc động
Và bông tuyết ướt đang nhai.

Những bờ giậu và những cây
Khuất trong sương, xa tí tắp
Em một mình giữa tuyết rơi
Và em đứng vào trong góc.

Nước đang chảy từ chiếc khăn
Theo ống tay vào cổ tay áo
Và từng giọt, từng giọt sương
Trên mái tóc em nhấp nháy.

Và mái tóc vàng của em
Tỏa sáng ngời trên gương mặt
Trên thân hình, trên chiếc khăn
Đây là áo bánh tô em khoác.

Tuyết trên bờ mi ẩm ướt
Và trong mắt một nỗi buồn
Cả vẻ ngoài của em được xếp
Chỉ từ một mẫu con con.

Em như làm từ thỏi sắt
Mạ bằng chất antimon
Để em trở thành vết cắt
Vết cắt vào trái tim anh.

Sự ngoan hiền của những nét này
Khắc vào tim anh muôn thuở
Bởi thế mà không hề có
Những gì nghiệt ngã, đắng cay.

Chính vì thế mà sẽ nhân lên
Cả đêm này trên tuyết trắng
Anh không thể đưa ra giới hạn
Giữa hai ta – giữa hai đứa mình.

Nhưng ta từ đâu, ta là ai
Khi từ những năm tháng ấy
Chỉ điều ong tiếng ve còn lại
Còn ta đã không có trên đời?



Osip Emilyevich Mandelstam (tiếng Nga: Óсип Эмíльевич Мандельштáм, 15 tháng 1 năm 1891 – 27 tháng 12 năm 1938) – nhà thơ, nhà văn Nga, một trong những nhà thơ tiêu biểu nhất của trường phái thơ *Asmeist* (Đỉnh cao), Nga.

Tiểu sử:

Osip Mandelstam sinh ở Warsaw, Ba Lan trong một gia đình người Do Thái. Bố là một thương gia nên tuổi nhỏ Mandelstam được sống đầy đủ.

Năm 1897 cả gia đình chuyển về Sankt-Peterburg. Từ năm 1900 đến năm 1907 học ở trường trung học Tenishesky, một trong những trường học có xu hướng tiến bộ thời bấy giờ. Từ nhỏ đã tỏ ra ấn tượng với vẻ kiến trúc hài hòa của Peterburg qua cuộc sống của cộng đồng Do Thái. Năm 1908 – 1910 học ở Đại học Sorbonne và Đại học Heidelberg. Năm 1911 vào học Đại học S. Peterburg và tốt nghiệp năm 1917. Năm 1923, sau khi tiếp xúc với nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc, Osip Mandelstam đã nhận xét: “Nguyễn Ái Quốc thấm đượm chất văn hóa – không phải thứ văn hóa châu Âu, có lẽ đây là nền văn hóa của tương lai”.

Mandelstam bắt đầu sự nghiệp thơ ca như một nhà thơ của phái hình tượng, chịu ảnh hưởng của Sologub và Tyutchev. Cuối năm 1912 tham gia phái *Asmeist*, kết bạn với Anna Akhmatova, Nicolai Gumilyov, xuất bản tập thơ đầu *Камень* (Đá, ba ấn bản: 1913, 1916, 1922). Thời kỳ Thế chiến I và Cách mạng tháng Mười (1916 – 1920) Mandelstam hoàn thành tập thơ thứ hai *Tristia*, xuất bản năm 1922, năm 1923 in lại dưới tên “Quyển sách thứ hai” đề tặng Nazezhda Khazina, vợ của nhà thơ. Những năm 1925 – 1930 Mandelstam chỉ viết văn, năm 1930 bắt đầu quay lại với thơ.

Tháng 11 năm 1933 ông viết bài thơ *Мы живем, под собою не чуя страны...* chỉ trích Stalin nên bị bắt vào trại cải tạo ở Voronezh. Tháng 5 năm 1937 được ra trại Voronezh. Năm sau lại bị bắt đi cải tạo ở vùng Viễn đông. Mandelstam mất ngày 27 tháng 12 năm 1938 trong trại cải tạo ở Vladivostok.

Tác phẩm:

* *Камень* (Đá, 1913, 1916, 1922), thơ

* *Tristia*, 1922, thơ

* *Шум времени* (Tiếng ồn của thời gian, 1923), văn xuôi

* *Египетская марка* (Con tem Ai Cập, 1927), văn xuôi

* *Стихотворения* (Thơ, 1928), thơ

* *Слово и культура* (Lời nói và văn hóa, 1922), tiểu luận

* *О природе слова* (Về bản chất của lời nói, 1922), tiểu luận

* *Четвертая проза* (Văn xuôi thứ bốn, 1930), văn xuôi

* *Воронежские тетради* (Những ghi chép ở Voronezh, 1935–1937), văn xuôi

* *О поэзии* (Về thơ ca, 1928), văn xuôi

* *Разговор о Данте* (Trò chuyện về Dante, 1933), văn xuôi

* *Стихи о неизвестном солдате* (Thơ về người lính vô danh, 1937), thơ

* *Собрание сочинений: в 4 тт* (Tuyển tập tác phẩm, 4 tập), tuyển tập

GỬI CASSANDRA(1)

Anh không đi tìm những khoảnh khắc đầy hoa
Bờ môi em, Cassandra, hay ánh mắt
Nhưng những đêm không ngủ trong tháng chạp
Kỷ niệm xưa vẫn hành hạ hai ta.

Năm 1917, trong tháng chạp
Ta đã để mất tất cả, trong tình
Một người bị ý chí nhân dân cướp bóc
Còn người kia tự cướp bóc chính mình...

Rồi thủ đô sẽ có một khi nào
Trên bờ sông Nê-va, trong ngày lễ
Trong tiếng ồn đêm hội rất kinh sợ
Ai giặt chiếc khăn tuyệt đẹp trên đầu.

Nhưng nếu như cuộc đời – cần mê sảng
Và một rừng thông – những ngôi nhà cao –
Anh đã yêu em, vụng về chiến thắng
Và một mùa đông dịch hạch năm nào.

Trên quảng trường với những xe bọc thép
Anh nhìn ra người ấy – một con người
Dọa bệnh than như chó sói dọa người
Hô: bình đẳng, tự do và luật pháp.

Còn em, Cassandra đón đau, lặng lẽ
Anh đã không còn có thể nữa đâu em
Mặt trời Aleksandr(2) đã từng cháy lên
Một trăm năm trước soi cho tất cả?

(1) Đây là bài thơ viết về Anna Akhmatova. Cassandra – theo thần thoại Hy Lạp là con gái của vua Priam.
(2) Aleksandr I (1777-1825) – Hoàng đế Nga từ năm 1801.

HÌNH BÓNG EM LUNG LINH VÀ KHỔ ẢI

Hình bóng em lung linh và khổ ải

Anh không thể nào cảm nhận được trong sương
“Lạy Chúa tôi!” – anh nhâm lẫn kêu lên
Nhưng tự mình không nghĩ rằng nói vậy.

Tên thánh thần như một con chim lớn
Đã bay ra từ lồng ngực của anh
ở phía trước sẽ dày đặc màn sương
Còn phía sau còn chiếc lồng trống rỗng.

LADY GODIVA(1)

Tôi với vẻ đại đột, ngây thơ thuở gắn mình vào thế giới hoàng gia, quý
tộc
Sợ những món hải vị sơn bào và chỉ dám liếc mắt nhìn ngó đội vệ binh
Và tôi cũng không có trách nhiệm với họ dù chỉ một chút hồn mình
Bởi thế tôi không tự hành hạ mình vì dáng hình kẻ khác.

Với vẻ quan trọng ngô nghê tôi chau mày trong chiếc mũ như mũ nhà
thờ
Tôi không đứng một mình dưới cột đá hành lang của nhà băng Ai-cập
Và trên sông Nê-va màu vàng chanh, sau tiếng xạc xào của tờ một trăm
đồng rúp
Cô gái Digan trước mặt tôi đã không còn nhảy múa nữa bao giờ.

Cảm nhận thấy những trận tử hình, từ tiếng thét gào của thời loạn lạc
Tôi chạy về phía biển Đen, để tìm đến những nàng tiên
Và thế rồi vì những người đẹp thuở ấy, những cô gái châu Âu dịu dàng
Tôi đã chịu đựng biết bao nhiêu là ngược ngùng cùng đớn đau khó
nhọc.

Không hiểu tại vì sao đến tận bây giờ thành phố này vẫn còn thỏa mãn
Với những ý nghĩ và tình cảm của tôi theo lẽ lối cổ xưa?
Thành phố vì những cơn nóng lạnh trở nên cằn rỗ hơn hết bao giờ
Với vẻ tự ái đáng rửa nguyên, với vẻ trẻ trung và trống rỗng.

Có phải tại vì tôi đã từng ngắm nhìn trong bức tranh từ thời tôi còn nhỏ
Quý bà Godiva buông tuồng ngồi trên lưng ngựa màu hung

Và tôi thâm vụng, lén lút tự nhắc nhở trong lòng:
“Lady Godiva, vĩnh biệt! Tôi không còn nhớ Lady Godiva nữa...”

(1) Lady Godiva (980-1067) – nữ bá tước, vợ của ngài bá tước Leofric III. Theo truyền thuyết của Anh, Godiva là một phụ nữ tuyệt đẹp đã yêu cầu chồng giảm thuế nặng cho dân chúng Coventry. Leofric hứa sẽ giảm thuế cho dân nếu vợ ông khóa thân cưỡi ngựa dạo quanh thành phố Coventry. Leofric tin chắc rằng Godiva không bao giờ chịu làm như vậy. Không ngờ Godiva đồng ý, mặc dù có một chút khờ vụng – nàng để nghị dân chúng vào một ngày hẹn trước đóng hết cửa và không nhìn ra đường phố. Và thế là Godiva đi hết một vòng quanh thành phố Coventry. Ngài bá tước vô cùng kinh ngạc trước tinh thần dám xả thân của phụ nữ nên giữ lời hứa của mình, đã giảm thuế cho dân chúng. Cũng theo truyền thuyết thì trong ngày hôm đó chỉ có duy nhất một chàng Tom tò mò (Peeping Tom) đã lén lút ngó nhìn qua cửa sổ và chính ngay trong khoảnh khắc nhìn thấy đã bị mù cả hai mắt.

CŨNG NHƯ BAO NGƯỜI KHÁC

Cũng như bao người khác
Anh muốn phụng thờ em
Những bờ môi khô khan
Vì ghen làm phép thuật.
Lời nói không xua được
Cơn khát của bờ môi
Thiếu em anh lại rồi
Khí hoang vu rậm rạp.

Không còn ghen chi hết
Nhưng anh muốn có em
Anh mang anh, tự mình
Như dâng cho đao phủ.
Không gọi tên em nữa
Không niềm vui không tình.
Thay dòng máu của anh
Bằng dừng đọng hoang dã.

Một phút giây thêm nữa
Và anh nói với em:
Chẳng vui mà đau khổ
Hình như tội lỗi đã
Đưa anh đến với em
Và châm chích cuồng cuồng
Bờ môi màu thắm đỏ...

Quay về mau em nhé
Anh sợ chẳng có em

Anh không hề mạnh mẽ
Khi chưa cảm thấy em
Những gì anh muốn có
Anh nhìn thấy rõ ràng.
Không ghen gì em nữa
Nhưng anh gọi tên em.

DỊU DÀNG HƠN DỊU DÀNG

Dịu dàng hơn dịu dàng
Là gương mặt của em
Trắng hơn cả màu trắng
Là cánh tay của em
Cách cả cõi trần gian
Em bây giờ xa lắm
Và tất cả của em
Là điều không thể tránh.

Vì điều không thể tránh
Là nỗi buồn của em
Và những ngón tay êm
Cũng không hề nguội lạnh
Và tiếng động êm đềm
Từ những lời của em
Cũng không hề buồn nản
Và một cõi xa xăm
Của đôi mắt ngời sáng.

TA SỐNG ĐÂY

Ta sống đây mà không cảm thấy đất nước mình
Lời của ta sau mười bước chân không nghe rõ
Còn ở nơi bắt đi người đang trò chuyện dở
Nơi ấy người ta nhớ kẻ miền rừng ở điện Kremlin.
Những ngón tay thô, béo múp như những con trùn

Còn lời, giống như những quả cân, chính xác
Như những con gián cười hàng rìa vênh ngược
Và tỏa ánh hào quang ổng bột dưới bàn chân.

Còn xung quanh ông ta là một lũ lưu manh
Ông ta chơi những đay tớ nửa người nửa ngợm.
Ai người huýt gió, ai kêu meo meo, ai than vãn
Chỉ ông ấy giọng đều đều chỉ xuống chỉ lên
Như rên móng ngựa, ông chiếu chỉ bằng sắc lệnh
Ai vào mắt, vào trán, ai vào lông mày, vào bẹn
Ai không phải tử hình – quả là sướng như tiên
Và bộ ngực rộng của người đàn ông Ô-xê-tin



Igor Severyanin (tiếng Nga: Игорь Северянин, là bút danh của Igor Vasilyevich Lotaryov, 16 tháng 5 năm 1887 - 20 tháng 12 năm 1941) - nhà thơ Nga thế kỷ bạc.

Tiểu sử:

Igor Severyanin sinh ở Sank-Peterburg trong gia đình một kỹ sư quân đội. Năm 1904, học xong lớp 4, đi về vùng Viễn đông cùng với bố, sau đó bố mất, trở lại Sank-Peterburg với mẹ. Năm 1904 bố tiên ra in tập thơ đầu tiên. Severyanin bắt đầu nổi tiếng từ năm 1911, sau khi được nhiều nhà thơ nổi tiếng đề ý và khen ngợi. Năm 1913 in tập Громокипящий кубок (Chiếc cốc sôi to), nhà thơ Fyodor Sologub viết lời giới thiệu, đã thành công vang dội. Severyanin được mời đọc thơ ở Bảo tàng Bách khoa Moskva và được tôn vinh là “Ông hoàng của các nhà thơ”. Sau đó

nhà thơ Fyodor Sologub mời Severyanin tham gia chuyến công du khắp đất nước, đi đọc thơ từ Minsk đến Kutaisy.

Thời gian sau đây, Severyanin thành lập nhóm thơ Ego-Futurists. Năm 1914 kết hợp cùng với nhóm Kubo-Futurists của Burlyuk và Mayakovsky tổ chức chuyến đi về nhiều thành phố đọc thơ.

Năm 1918 đi nghỉ ở Estonia. Năm 1920 Estonia tách khỏi nước Nga Sa hoàng, Severyanin muốn quay trở về Nga nhưng không thể, trở thành người sống lưu vong. Ông lấy vợ người Estonia, sống một cuộc sống đạm bạc, bằng lòng với cuộc sống xứ người nhưng luôn nhớ về nước Nga trong những sáng tác của mình. Thơ của Severyanin mang màu sắc chủ nghĩa lãng mạn cá nhân và mối hoài cảm về cố quốc. Ngoài sáng tác thơ ông còn dịch nhiều nhà thơ các nước ra tiếng Nga. Ông mất năm 1941 vì bệnh nhồi máu cơ tim ở Tallinn, khi đó bị Đức chiếm đóng.

Tác phẩm:

- * Зарницы мысли (1908)
- * Качалка грёзёрки (1912)
- * Громокопильный кубок (1913)
- * Златолира (1914)
- * Ананасы в шампанском (1915)
- * Victoria regia (1915)
- * Поззоантракт (1915)
- * Собрание поэм (1916)
- * За струнной изгородью лиры (1918)
- * Поэзо-концерт (1918)
- * Собрание поэм (1918)
- * Creme de Violettes (1919)
- * Puha-jogi (1919)
- * Вєрєзнє (1920)
- * Менестрель (1921)
- * Миррєзия (1922)
- * Роман в стихах «Падучая стремнина» (1922)
- * Комедия «Плимутрок» (1922)
- * Фея Eiole (1922)
- * Соловей (1923)
- * Трагедия титана (1923)
- * Автобиографический роман в стихах «Колокола собора чувств» (1925)
- * Роса оранжевого часа (1925)
- * Аоритика (1932)
- * Медальоны (1934)

CÓ THỂ EM YÊU NHƯNG MÀ EM KHÔNG NÓI

Có thể em yêu nhưng mà em không nói
Không nói ra, tình cảm chẳng cho xem
Mà không được xem thì làm sao biết nổi
Biết thế nào, nếu em cứ lặng im.
Em lo âu, em tự hành hạ mình
Mà có thể không yêu anh, có thể vậy!

1916

TÌNH KHÔNG TRỞ LẠI

Tình không trở lại, anh thấy tiếc vô cùng
Những ngày vui của tình yêu thuở ấy
Giờ không còn ánh mắt em mệt mỏi
Trong ánh mắt ngời miền bí ẩn xa xăm.

Tình không trở lại, trong lòng anh nổi buồn
Như trên tuyết dần tan khắp mọi ngả
Không trả lại em phút giây tình thắm đỏ
Tình không còn - tháng Hai cũng băng khuâng.

Sao vô vàn giữa khô cạn đại dương
Chiều lạnh lẽo giữa hằng hà vô số
ánh sáng lạnh lùng, ánh sáng đau thương

Không số phận, không âu yếm đã từng
Anh hiểu rằng hạnh phúc không còn nữa
Tình không trở lại, tình đã không còn!..

1908

PUSKIN

Anh, đó chính là - Phút giây huyền diệu
Đã ghi sâu tâm khảm đến muôn đời
Anh là hiện thân của nguồn Xúc cảm ấy
Trước nguồn Cảm hứng này Cát bụi cũng xin lui.

Chỉ mình anh trong lòng người đang sống
Không thành tử thi dù đã lâm chung
Anh muôn thuở trong lòng người, vẫn sống
Cái chết ở đây không nói “cuối cùng”.

Bởi trong thơ anh trị vì Cái đẹp

Cái đẹp chỉ ra vẻ mặt muôn đời
Ta chẳng hình dung là anh đã chết
Và điều này - anh vĩ đại quá thôi!

Dù anh đã già đôi với người đời
Nhưng với anh, những con người hiện tại
Rất nhỏ bé: bởi Phút giây huyền diệu ấy
Còn tuyệt vời hơn cả thế kỷ của tôi!

GẶP GỠ ĐỂ RỒI CHIA XA

Gặp gỡ để rồi chia xa
Yêu để mà không yêu nữa.
Ta muốn cười lên hề hề
Ta muốn khóc lên nức nở!
Thề thốt để nuốt lời thề
Ước mơ để rồi nguyên rửa...
Thật khổ cho người hiểu ra
Tất cả những trò vô bổ.
Ở quê muốn lên thành phố
Ở phố muốn về quê chơi
Đâu đâu cũng gương mặt người
Mà sao lòng lang dạ thú...
Sắc đẹp thường hay quái gỡ
Quái hình có vẻ đẹp xinh
Thường có cao thượng đê hèn
Vô tội cả điều ác dữ.
Làm sao không khóc nức nở
Làm sao không cười hề hề
Khi nào có thể chia xa
Khi nào thì không yêu nữa?

KINH NGHIỆM ĐAU BUỒN

Tôi rút ra một kinh nghiệm đau buồn

Cái gì xa lạ vẫn là xa lạ.
Đi về nhà mặt nước vịnh như gương
Giờ mùa xuân đang về bên cánh cửa.

Còn một mùa xuân nữa. Có thể là
Xuân cuối cùng. Nhưng mà không sao cả
Mùa xuân giúp cho tâm hồn hiểu ra
Điều tốt đẹp của ngôi nhà từ bỏ.

Có của mình, đừng xây thêm cái nữa
Chỉ bằng lòng với một thứ mà thôi
Thật đột làm chủ cái của người:
Cái gì xa lạ vẫn là xa lạ.
1936

TÔI CHƯA BAO GIỜ LỪA DỐI GÌ AI

Tôi chưa bao giờ lừa dối gì ai
Chính vì thế mà đời tôi đau khổ
Chính vì thế mà người ta phỉ nhổ
Chẳng ai cần tôi cũng bởi điều này.

Chưa bao giờ tôi lừa dối gì ai.
Chính vì thế cuộc đời trôi buồn bã.
Danh vọng, tình yêu tôi đều xa lạ
Vốn là bản chất gian dối của đời.

Tôi không biết con đường đi về nơi
Có tiếng cười bán mua và khen ngợi
Nhưng lòng tôi có một điều an ủi:
Tôi chưa bao giờ lừa dối gì ai.
1909



Maximilian Alexandrovich Kirienko-Voloshin (tiếng Nga: Максимилиán Алексáндрович Кириéнка-Волóшин, 16 tháng 5 năm 1877 - 11 tháng 8 năm 1932) - nhà thơ, nhà văn, dịch giả, hoạ sĩ, nhà hoạt động xã hội Nga.

Tiểu sử:

Maximilian Kirienko-Voloshin sinh ở Kiev. Bố là một luật sư, mất năm 1881. Năm 1893 mẹ của Voloshin mua đất rồi về sống ở Koktebel (vùng Cremia). Từ năm 1897 đến 1899 học ở khoa luật, Đại học Moskva nhưng chủ yếu là tự học ở nhà. Năm 1900, một thời gian làm công nhân đường sắt, sau đó đi du lịch ở Hy Lạp, Ý, Đức, Thụy Sĩ, Thổ Nhĩ kỳ, Ai Cập. Trở về Pháp, Voloshin nhiều lần nghe giảng ở Đại học Sorbonne và học vẽ ở Paris. Từ năm 1903 viết bài cho các báo và tạp chí của Nga. Năm 1907 trở về sống và sáng tác ở Koktebel. Năm 1914 Voloshin viết thư gửi Bộ trưởng Quốc phòng từ chối tham gia quân đội. Thời kỳ Nội chiến không tham gia về phía nào. Năm 1924 Voloshin dùng nhà riêng của mình ở Koktebel là trại sáng tác cho các văn nghệ sĩ. Maximilian Kirienko-Voloshin mất ở Koktebel năm 1932.

Tác phẩm:

- * Стихотворения. 1900-1910 (1910), thơ
- * Портреты современных поэтов (1923), phê bình
- * Иверии (1916) thơ
- * Верхарн. Судьба. Творчество. Переводы (1919), phê bình
- * Anno mundi ardentis 1915 (1916), thơ
- * Демоны глухонемые (1919), thơ
- * Лику творчества (1914), tiểu luận

YÊU - THÌ ĐỪNG RỜI LỆ

Yêu - thì đừng rời lệ, chẳng tiếc thương
Yêu - thì đừng tin ngày trở lại...
Để sao cho mỗi giây phút ấy

Trong đời ta là giây phút cuối cùng.
Để không còn kéo ta quay trở lại
Để cuộc đời lướt qua trong khói
Đi qua, tản ra... và để sao
Nỗi buồn vui sướng trong chiều
Bằng bàn tay của mình ôm ta chặt
Để tan chảy ra không còn dấu vết
Những giấc mơ, và để không khi nào
Ta già từ với hạnh phúc buồn đau
Và để cho trong ngày cuối
Ta thở phào, rồi mừng vui đi khỏi.

NẾU CON TIM CHÁY LÊN

Nếu con tim cháy lên và run rẩy
Nếu chén xưa rượu đã rót tràn đầy...
Thật bất hạnh cho người đem hắt rẩy
Chén rượu này, mà chẳng uống cho say.

Đêm mùa xuân trong ta từng rung động
Ánh trăng bí huyền lấp láy, long lanh...
Em chẳng từng ôm anh trong giấc mộng
Còn anh trong đêm đã chẳng hôn em.

Nỗi khát khao từng thiêu đốt hai ta
Một tình cảm dị thường từng hòa nhập:
Em đã từng yêu một ai đó khác
Còn trái tim anh - người khác hướng về.

Hai chúng mình đã từng ngẩng đầu lên
Từng say sưa bằng giấc mơ của lửa
Chén cổ xưa đã từng đem hắt té
Chiếc chén rót đầy thứ rượu thiêng liêng.

TÌNH CỦA EM

Tình của em khao khát thật vô vàn
Tình nức nở, cầu xin, tình quả trách...
Em hãy yêu lặng im và nghiêm khắc
Em hãy yêu, để tan chảy dần dần.

Hãy chiếu sáng cho người ngọn lửa sáng
Không quyết tâm, không khói cũng không buồn
Hãy yêu người bằng xác thân sung sướng
Nhưng con tim, yêu với nỗi đau thương.

Mặc ảo ảnh mà tình yêu tạo nên
Để hình khác không che lấp gương mặt
Em hãy yêu người ta bằng máu thịt
Rất đơn sơ, sống động của người trần...

Hãy giữ gìn điều mê tín dị đoan
Đừng sợ kẻ thù của lòng tin khác
Em hãy yêu người thủy chung, hết mực
Hãy yêu người tận sâu thẳm con tim.

ĐÊM NAY ANH LÀM NGỌN ĐÈN

Đêm nay anh làm ngọn đèn
Trong bàn tay âu yếm của em...
Em đừng thở, đừng nghiêng, đừng đập vỡ
Trên những bậc đá thềm.

Hãy mang anh với vẻ cẩn trọng hơn
Xuyên qua bóng đêm cung điện của em
Và hãy để cho muôn phiền, lo lắng
Hai con tim - nhịp đập sẽ sâu hơn...

Để trong khe hở của bàn tay em
Một ngọn lửa bé bỏng vô cùng
Anh sẽ cháy lên như tượng Thánh...

Chẳng phải là em đã đốt anh lên?

VẪN CỨ LÀ QUÁ SỚM

Tôi đợi chờ đau khổ bấy lâu nay
Với vẻ đủ đầy của hạnh phúc vô ý
Nỗi đau đến như ánh sáng màu xanh lạng lẽ
Quấn vào tim, giống như một bàn tay.

Tia sáng ước mong đã mang đến theo mình
Những âu yếm khổ đau, dần vật thể
Xuyên qua ẩm ướt của bao dòng lệ
Những sắc màu rớt xuống cả trần gian.

Và con tim cứng đờ như tấm kính
Trong tim này vẫn hát một nỗi đau:
“Ôi, đau thương, dù mi đến khi nào
Thì mãi mãi vẫn cứ là quá sớm!”



Valery Yakovlevich Bryusov (tiếng Nga: Валерий Яковлевич Брюсов, 13 tháng 12 năm 1873 – 9 tháng 10 năm 1924) là nhà văn, nhà viết kịch, nhà thơ Nga.

Tiểu sử:

Valery Bryusov sinh ở Moskva, trong gia đình một thương gia. Từ nhỏ

đã say mê đọc sách văn học. Năm 1893 học xong trường gymnazy, Valery Bryusov vào học lịch sử và ngôn ngữ ở Đại học Moskva. Thời kỳ này ông đã say mê các nhà thơ Pháp: Paul Verlaine, Arthur Rimbaud, Maurice Maeterlinck, Stéphane Mallarmé... Năm 1899, tốt nghiệp Đại học, Valery Bryusov làm thư ký tòa soạn của tạp chí *Русский архив*, sau đây thành lập nhà xuất bản *Scorpion*. Năm 1900 in quyển *Третья стража*, năm 1903 in *Грады и миры*, năm 1906 in *Венок*, được thừa nhận là một nhà thơ lớn. Những năm Thế chiến I, ông là phóng viên mặt trận của báo *Русские ведомости*, viết nhiều bài báo và phóng sự về chiến tranh. Thời kỳ tiếp theo, ông dành cho thơ và dịch thuật. Từ năm 1920 ông dạy môn làm thơ ở nhiều trường Đại học, một số giáo án của ông về cách làm thơ được xuất bản thành sách.

Valery Bryusov là người có những đóng góp lớn trong việc phát triển hình thức thơ, sáng tạo ra thể loại thơ tự do, chịu ảnh hưởng của Emile Verhaeren. Ông cũng là người có nhiều thể nghiệm cách tân thơ, được coi là một trong những người sáng lập trường phái ấn tượng trong thơ ca Nga. Ngoài sáng tác, Valery Bryusov còn là một trong những người đầu tiên dịch các nhà thơ Paul Verlaine, Edgar Allan Poe, Romain Rolland, Maurice Maeterlinck, Victor Hugo, Jean Racine, Ausonius, Molière, Byron, Oscar Wilde, Johann Goethe, Virgil... ra tiếng Nga. Ông mất ở Moskva, chưa sống hết 51 tuổi.

Tác phẩm:

- * «Декаденты. (Конец столетия)». Драма, 1893.
- * «Juvenilia» — «Юношеское», 1894
- * «Chefs d'oeuvre» — «Шедевры», 1895
- * «Me eum esse» — «Это я», 1897
- * «Tertia Vigilia» — «Третья стража», 1900
- * «Urbi et Orbi» — «Грады и Миры», 1903
- * «Stephanos» — «Венок», 1906
- * «Земная ось», 1907
- * «Все напевы», 1909
- * «Огненный ангел» (исторический роман), 1908
- * «Ф. И. Тютчев. Смысл его творчества», 1911. Текст: Брюсов В. Я. Ф. И. Тютчев. Смысл его творчества.
- * «Зеркало теней», 1912
- * «Семь цветов радуги», 1912
- * «Алтарь победы», 1913
- * «Юпитер поверженный», 1916
- * «Рея Сильвия», 1916
- * «Опыты по метрике и ритмике, по евфонии и созвучиям, по строфике и формам», 1918
- * «Последние мечты», 1920
- * «В такие дни», 1921
- * «Дали», 1922
- * «Кругозор», 1922
- * «Миг», 1922
- * «Меа» — «Спешите!», 1924

Автобиография // Русская литература XX века. 1890—1914 / Под ред. С. А. Венгерова. — М., 1914. — Т. 1.

Các tuyển tập:

- * Полное собрание сочинений и переводов, не оправдавшее, увы, своё название — увидели свет только тт. 1—4, 12, 13, 15, 21 — вышло в Санкт-Петербурге в 1913—1914 (издательство «Мусaget»).
- * Избранные сочинения в 3-х тт., М. — Л., Гослитиздат, 1926.
- * Избранные сочинения в 2-х тт., М., Гослитиздат, 1955.
- * Собрание сочинений в 7-ми тт., М., 1973—1975 (наиболее полное в данный момент).
- * Неизданные стихотворения, М., ГИХЛ, 1935.
- * Стихотворения и поэмы, Л., «Советский писатель», 1961.
- * Творческое наследие Брюсова до сих пор ещё окончательно не собрано. В настоящее время (2006) полное собрание сочинений готовится издательством «Наука».

ANH GẶP GỠ VỚI EM RẤT VÔ TÌNH

Anh gặp gỡ với em rất vô tình
Rồi ước mơ về em rất thâm lặng
Nhưng mà rất lâu cái điều thâm kín
Đã tan vào trong đau khổ của anh.

Nhưng nếu như trong cái khoảnh khắc vàng
Anh đã từng nói ra điều bí ẩn
Đã nhìn thấy gương mặt hồng luống cuống
Và đã nghe trong lời đáp “yêu anh”.

Đã bừng lên run rẩy ánh mắt nhìn
Và những bờ môi đã hoà làm một
Và tất cả đã như câu cổ tích
Mà trong đời còn trẻ đến muôn năm.

GỬI NGƯỜI PHỤ NỮ

Em là phụ nữ, cuốn sách giữa muôn cuốn sách
Em – gặp vào là một cuộn niêm phong
Thừa ngôn từ, ý nghĩ trong những dòng
Trong những trang điên cuồng từng khoảnh khắc.

Em là phụ nữ, nước yêu tinh giải khát
Cháy bằng lửa, khó nhọc đến bờ môi
Nhưng uống lửa, kìm lại tiếng kêu trời
Tâng bốc điên cuồng giữa bao hình phạt.

Em là phụ nữ, và điều này em đúng
Giấu vương miện của sao tự bao đời nay
Em là bóng dáng thiên thần trong vực thẳm!

Chúng tôi vì em mê hoặc bờ vách sắt

Thờ phụng em, thề khỗ đau đập nát
Và cầu nguyện cho em đến muôn đời.

CẢ GHÉT VÀ YÊU

*Odi et amo.
Catullus.*

Vâng, có thể vừa yêu vừa ghét
Yêu với một tâm hồn tối tăm
Nhìn thấy cả lời nguyện rửa cuối cùng
Cùng với hạnh phúc cuối cùng – trong một.

Chao ôi, những bờ môi khắc nghiệt
Và ánh mắt nhìn lôi cuốn, dối gain
Cả hình thể, thô lỗ và dịu dàng
Như bóng đêm, chuyện trò rất cuốn hút!

Ai người đã gắn mình vào ma lực
Ai cận kề với quyền lực u buồn
Ai từng uống say, ai từng ôm ấp
Thuốc độc của niềm say đắm yêu thương?

Tôi vẫn muốn nguyên rửa, nhưng vô tình
Tôi cầu nguyện về âu yếm đã quen
Tôi khó thở, kinh hoàng, tôi đau đớn
Nhưng mà tôi nhắc lại: “anh yêu em!”

Tôi đọc ra trong ánh mắt giễu cợt
Vẻ bán mua, đều giả, vẻ dối gian
Nhưng có say mê trong điều sỉ nhục
Và vẻ hân hoan trong sự hạ mình!

Khi những nụ hôn ở trong màn đêm
Đâm vào tôi giống như là dao sắc
Tôi giống như chàng Odysseus
Mơ về ngày thiếu vắng Ithaca.

Nhưng hể tôi từ già Calypso
Là tôi lại buồn nhớ về một kẻ.
Khổ thân tôi! Tôi bóc thăm, rút thẻ
Số định cho tôi đường nét tôi mù!



Fyodor Sologub (tiếng Nga: Фёдор Сологуб, tên khai sinh Fyodor Kuzmich Teternikov, 1 tháng 3 năm 1863 - 5 tháng 12 năm 1927) - nhà thơ, nhà văn Nga, một đại diện tiêu biểu của trường phái thơ ấn tượng.

Tiểu sử:

Fyodor Sologub sinh ở Sankt-Petetrburg trong một gia đình nghèo. Từ nhỏ đã ham mê đọc sách và yêu thích âm nhạc. Biết làm thơ năm lên 12 tuổi. Năm 1878 vào học trường sư phạm Sankt-Petetrburg. Bốn năm sau tốt nghiệp đi dạy học ở các tỉnh phía bắc gần 10 năm. Từ năm 1892 chuyển về sống ở Sankt-Petetrburg, làm quen với nhiều nhà thơ nổi tiếng và bắt đầu in nhiều thơ ở các báo và tạp chí. Theo đề nghị của một số người ở tạp chí *Северный вестник* (Người đưa tin phương Bắc) thì họ Teternikov nghe có vẻ không thơ ca chút nào nên đề nghị đổi thành Sologub.

Năm 1896 in 1 cuốn thơ và 2 tiểu thuyết về đời sống ở phương Bắc. Năm 1902 in tiểu thuyết *Мелкий бес* (Con quỷ nhỏ) trở thành một trong những cuốn sách nổi tiếng nhất ở Nga thời bấy giờ. Thời kỳ Thế chiến I và Cách mạng tháng Mười, Sologub ít viết tiểu thuyết mà chủ yếu làm thơ và viết kịch. Ngoài thơ, văn và soạn kịch, Sologub còn dịch nhiều tác giả của Pháp, Đức ra tiếng Nga. Sologub mất ở Leningrad năm 1927.

Di sản thơ văn của Sologub để lại rất đồ sộ, một phần thơ của ông chỉ mới được in hết trong thời gian gần đây.

Tác phẩm:

Tiểu thuyết:

- * Тяжёлые сны (Những giấc mộng nặng nề, 1895)
- * Мелкий бес (Con quỷ nhỏ, 1905)
- * Сладше яда (Ngọt hơn nọc độc, 1912)
- * Заклинательница змей (Phù thủy rắn, 1921)

Các tập truyện:

- * Тени (Bóng, 1896)
- * Жало Смерти (Nọc của Thần chết, 1904)
- * Книга сказок (Sách cổ tích, 1905)
- * Политические сказочки (Chuyện cổ tích chính trị, 1906)
- * Книга разлук (Sách ly biệt, 1908)
- * Книга очарований (Sách tuyệt vọng, 1909)
- * Слепая бабочка (Con bướm mù, 1918)

Các tập thơ:

- * Стихи. Книга первая (Thơ. Quyển 1, 1896)
- * Стихи. Книга вторая (Thơ. Quyển 2, 1896)
- * Пламенный круг (Vòng lửa, 1908)
- * Очарования земли (Về quyền rũ của đất đai)
- * Война (Chiến tranh, 1915)
- * Небо голубое (Trời xanh, 1921)
- * Одна любовь (Một tình yêu, 1921)
- * Костёр дорожный (Lửa trại bên đường, 1922)
- Kịch:*
- * Литургия Мне (Thánh lễ cho tôi, 1906)
- * Дар мудрых пчёл (Quả tặng của những con ong khôn, 1906)
- * Победа Смерти (Chiến thắng của Cái chết, 1907)
- * Ночные пляски (Xe trượt tuyết đêm, 1908)
- * Мелкий бес (Con quỷ nhỏ, 1909)
- * Заложники жизни (Những con tin của cuộc sống, 1910)
- * Война и мир (Chiến tranh và hòa bình, 1912)
- * Любовь над безднами (Tình yêu trên bờ vực thẳm, 1914)
- * Проводы (Đầy dẫn, 1914)
- * Любовь и верность (Tình yêu và lòng chung thủy, 1917)

Các tuyển tập:

- * 1909-1911 Собрание сочинений в 12 томах
- * 1913-1914 Собрание сочинений в 20 томах
- * 2000-2003 Собрание сочинений в 6 томах
- * 2001-2003 Собрание стихотворений в 8 томах

YÊU EM NHƯ' ÁNH BÌNH MINH

Hãy yêu em rõ ràng như ánh bình minh
Tuôn châu ngọc và tiếng cười đau khổ
Cùng hy vọng và ước mơ dịu nhẹ
Rồi nhẹ nhàng tắt ngấm ở trong sương.

Hãy yêu em êm đềm như ánh trăng thanh
Toả sáng say mê, rõ ràng, lạnh lẽo.
Chiếu lên đời em bí ẩn và huyền diệu
Rồi cùng anh chậm chậm bước trên đường.

Hãy yêu em giản đơn như suối như sông
Khi anh là của em, khi ai đấy
Nhận và trao, và một ngày trốn chạy
Thôi yêu và quên, anh chớ bận lòng.

TRONG EM ANH YÊU ÁNH HÀO QUANG

Trong em anh yêu ánh hào quang
Ánh hào quang của những điều trái ngược:
Vẻ quyến rũ của ánh mắt chân thật
Và nụ cười ánh lên vẻ dối gian.

Vẻ thù mị của thiếu nữ trẻ trung
Những ước mơ trinh nguyên và tinh khiết -
Và yêu vẻ phôi bày rất khắc nghiệt
Của sự gièm pha, tố cáo, bóc trần.

Anh yêu trong em lòng thương dịu dàng
Với nô tỳ bị người ta lãng nhục
Và yêu cả vẻ nhiệt thành đột ngột
Trước miền đất được thừa nhận linh thiêng.

TÔI - THƯỢNG ĐẾ CỦA THẾ GIỚI BÍ HUYỀN

Tôi - Thượng Đế của thế giới bí huyền
Cả thế gian trong những điều mơ mộng
Tôi không tạo ra cho mình thần tượng
Không trên mặt đất, không giữa trời xanh.

Và bản chất thần thánh ấy của mình
Tôi không hề hé mở cho ai hết.
Vì tự do cho mình, tôi gắng sức
Và tôi gọi về tĩnh lặng, bóng đêm.

CHỈ CON TRẺ SỐNG THÔI

Chỉ con trẻ sống thôi

Ta từ lâu đã chết.
Cái chết đi trên đời
Vẫy cánh như giờ roi
Tấm lưới dày đan kết
Xung quanh cái đầu người.

Dù cái chết gia hạn
Một năm, tuần, hay đêm
Nhưng đặt vào điểm chấm
Và kéo chiếc xe đen
Chiếc xe này chuyển động
Đi khỏi chôn trần gian.

Hãy cố thở mạnh hơn
Chờ đợi đến lượt mình.
Sững sờ, thở hổn hển
Trước cái chết tê cứng.
Hạn hết - đặt cho mình -
Một năm, tuần, hay đêm.

ANH ĐÃ PHỤ TÌNH EM

Anh đã phụ bạc tình em, thần thánh
Để đi yêu kẻ người thịt mắt trần.
Em yêu ả, ánh hoàng hôn đỏ thắm
Và mùi hương dịu nhẹ của tháng năm
Buổi chiều ngọt ngào đã bỏ bùa anh.

Dưới màu tím tử đinh hương tai ác
Và nụ cười, và ánh mắt xiêu lòng
Cái người trần mắt thịt bỏ bùa anh
Bằng câu chào khôn ngoan và trinh bạch.

Anh đã phụ tình em, nàng dâu ả
Thiếu nữ bằng xương thịt bỏ bùa anh
Anh đã quên vẻ lạnh lẽo của em.

Áo lễ trời, hãy khép giùm anh nhé
Để ngăn anh khỏi sức lực trần gian.



Konstantin Dmitrievich Balmont (tiếng Nga: Константин Дмитриевич Бальмонт, 15 tháng 6 năm 1867 – 24 tháng 12 năm 1942) – nhà thơ, dịch giả, là một nhà thơ lớn của thế kỷ bạc trong thơ Nga.

Tiểu sử:

Konstantin Dmitrievich Balmont sinh ở tỉnh Vladimir trong một gia đình dòng dõi quý tộc. Lên 10 tuổi biết làm thơ. Học trường gymnazy ở Vladimir. Từ năm 1886 học khoa luật Đại học Moskva nhưng không tốt nghiệp. Trong một lần xích mích với vợ, Balmont nhảy từ tầng 3 xuống đất tự tử nhưng không chết, hậu quả là phải đi cà nhấc suốt đời. Năm 1899 được bầu làm thành viên của Hội những người yêu ngôn ngữ Nga, sau đó bắt đầu in những tập thơ đầu tiên. Tiếp đến là một thời kỳ sáng tạo sung sức nhất của Balmont. Năm 1903 in các tập thơ: “*Будем как Солнце*”(Ta sẽ như mặt trời), “*Только любовь. Семицветник*” (Chỉ tình yêu. Bảy vườn hoa), Năm 1905 in: “*Литургия красоты*” (Thánh lễ của cái đẹp) và trở thành một nhà thơ nổi tiếng. Từ năm 1907 – 1910 xuất bản ở Moskva “*Полное собрание стихов*”(Tuyển tập thơ) gồm 10 tập.

Thời gian này Balmont đi du lịch rất nhiều nước châu Âu: Ý, Tây Ban Nha, Anh, Pháp và định đi sang Mexico. Năm 1905 Balmont quay trở về Nga làm quen với Maxim Gorky và cộng tác với báo *Новая жизнь* (Cuộc đời mới), tạp chí *Красное знамя* (Cờ đỏ). Cũng trong năm này bí mật đi sang Paris và chỉ trở về Nga vào năm 1916. Do không tán thành cuộc Cách mạng tháng Mười nên năm 1920 ông ra sống ở nước ngoài cho đến hết đời. Ông mất năm 1942 ở Noisy-le-Grand, gần Paris lúc đó

bị Đức chiếm đóng.

Ngoài sáng tác thơ, Balmont còn là một dịch giả nổi tiếng của Nga. Phạm vi dịch thuật của ông rất rộng. Ông dịch các nhà thơ lớn của Anh, Pháp, Đức, Mỹ, Tây Ban Nha, Ba Lan, Séc, Gruzia, Litva, Phần Lan... tổng cộng hơn 30 ngôn ngữ của thế giới, trong đó có cả Kinh Phật, Upanishads, Kinh Vệ Đà của Ấn Độ.

Tác phẩm chính:

** Под северным небом (Dưới bầu trời phương Bắc, 1889)*

** Туман (Yên lặng, 1898)*

** Горящие здания (Những ngôi nhà nóng bỏng, 1900)*

** Будем как Солнце (Ta sẽ như mặt trời, 1903),*

** Только любовь. Семицветник (Chỉ tình yêu. Bảy vườn hoa, 1903),*

** Литургия красоты (Thánh lễ của cái đẹp, 1905)*

** Песни мстителя (Những khúc hát của kẻ báo thù, 1907)*

Toàn bộ tác phẩm của Balmont gồm 50 tập, trong đó 22 tập in ở nước ngoài.

ĐẾN NGÀY CUỐI TẬN

Có thể, một khi em đã phụ tình
Em lạnh lùng với anh nhiều lắm lắm
Nhưng cả cuộc đời cho đến ngày cuối tận
Bạn tình ơi, em vẫn mãi của anh.

Với những đam mê mới mẻ, anh biết rằng
Với người khác, tình xưa em quên lãng
Nhưng trong kỷ niệm bóng hình xưa vẫn sống
Dù tình xưa đã yên giấc ngàn năm.

Và sẽ có một khoảnh khắc đau khổ của tình
Trong ánh sáng của một ngày xưa cũ
Bên người ta, em nhìn vào ngọn nguồn bất tử
Em chợt rung mình và bỗng nhớ đến anh.

ANH YÊU EM

Anh yêu em hơn Bài ca, hơn Trời cao, Biển rộng
Anh yêu em lâu hơn những ngày được sống trên đời
Chỉ vì em mà anh cháy lên như ngôi sao trong tĩnh lặng xa xôi
Em là con tàu không chìm trong giấc mơ, trong sương mờ, trong sóng.

Anh yêu em bất thành linh, ngay lập tức, ngẫu hứng
Nhìn thấy em – anh giống như người mù bỗng nhiên sáng mắt ra
Và ngạc nhiên rằng trong cuộc đời tượng vẫn luôn kết gắn
Rằng vẫn có thừa châu ngọc dưới chân ta.

Anh nhớ. Em mở cuốn sách lật từng trang sột soạt
Anh hỏi em: “ở trong lòng có tan hết giá băng?”
Em đến gần, trong khoảnh khắc anh nhìn thấy trời cao và thấy chốn xa
xăm
Và anh yêu – vì người yêu và về tình yêu anh cất tiếng hát.

BEATRICE

Anh yêu em từ cái nhìn đầu tiên
Nhớ câu nói thì thầm khắp mọi chốn
Em lặng im, chỉ những lời nóng bỏng
Của mắt nhìn em gửi đến cho anh.

Ngày theo ngày. Bây giờ đã một năm
Và mùa xuân lại bùng lên vẻ đẹp
Trên trang phục những bông hoa đang kết
Còn anh vẫn yêu em như buổi đầu tiên.

Em vẫn như xưa, buồn bã, lặng im
Chỉ ánh mắt nhìn thay cho lời nói
Vẻ lạnh lùng như Chúa tể – vàng trắng.

Vẻ đẹp của trăng ẩn giấu ở sau rừng
Nhưng sau vách đá đáng hình cúi xuống
Và sáng lên từ bóng tối đêm đen.

GỬI NGƯỜI CHƠI TRÒ TÌNH ÁI

Có những nụ hôn như giấc mộng tự do

Sung sướng mừng vui đến tận cùng khoái lạc
Có những nụ hôn lạnh lùng như tuyết
Những nụ hôn như xúc phạm người ta.

Những nụ hôn như bạo lực từ xa
Những nụ hôn như trả thù, báo oán
Những nụ hôn tưởng chừng như ghê tởm
Thế mà sao vẫn cháy bỏng lại kì.

Nụ hôn tận cùng khoái lạc hãy biến đi
Không gọi tên và không cần giấc mộng
Ta căm thù – ta có thừa bạo dạn
Ta có đủ đầy ý chí của tình ta.
1901

AD INFINITUM(1)

Trong nhà thờ – tất cả như ngày trước.
Nghe tiếng rung khe khẽ của bình hương.
“Anh nói đùa, anh cười hỏi em
Chẳng lẽ là em yêu anh thật?”

Ngọn nến rung, mịt mờ làn khói bốc
ánh sáng như vay mượn chiếu lên tranh
Ai cũng muốn trong nhà thờ tối đêm
Để hết nến này, nến kia sẽ đốt.

Trong nhà thờ rồi vẫn như ngày trước.
Nghe tiếng rung khe khẽ của bình hương.
“Anh chỉ đùa tôi, anh không chân tình
Khô thân tôi! Thế mà tôi yêu thật”.

(1) Đến vô cùng (tiếng Latinh).



Zinaida Nikolaevna Gippius (tiếng Nga: Зинаида Николаевна Гиппиус, 8 tháng 11 năm 1869 – 9 tháng 9 năm 1945) là nữ nhà thơ, nhà văn Nga, vợ của nhà thơ Dmitriy Sergeyevich Merezhkovsky.

Tiểu sử:

Zinaida Nikolaevna Gippius sinh ở Belev, tỉnh Tula trong gia đình một luật sư gốc Đức. Gippus không học trường Đại học nào, mặc dù thời trẻ là một cô gái rất thông minh. Năm 1889 lấy chồng – là nhà thơ, nhà văn, nhà triết học Merezhkovsky và theo chồng về Sankt-Peterburg. Hai người sống với nhau, theo lời của Gippus, suốt 52 năm không một ngày xa nhau.

Bắt đầu in thơ năm 1888 ở tạp chí *Северном вестнике* (Người đưa tin phương bắc). Gippus là một gương mặt tiêu biểu của trường phái ấn tượng. Năm 1900 cùng chồng và một số nhà thơ thành lập “Hội Triết học và Tôn giáo” ở Sankt-Peterburg. *Tuyển tập thơ 1889 – 1903* (xuất bản năm 1904) trở thành một sự kiện của thơ ca Nga đương thời. Nhà thơ Innokentiy Annensky gọi tác phẩm của Gippus là “tất cả lịch sử 15 năm của thơ hiện đại”. Ngoài thơ, Gippus còn nổi tiếng là nhà phê bình thường xuyên đăng bài trên các tạp chí nổi tiếng đương thời trong những năm từ 1899 – 1914. Tác phẩm *Литературный дневник*, (Nhật ký văn học, 1908) được đánh giá là một tác phẩm phê bình xuất sắc.

Gippus không thừa nhận Cách mạng tháng Mười. Điều này được phản ánh trong tập *Последние стихи*. 1914-1918 (Những bài thơ cuối cùng, 1918) và *Петербургские дневники* (Nhật ký Peterburg). Năm 1920 bà cùng chồng sang Ba Lan rồi sang Pháp. Những năm 1925 – 1940, Gippus thành lập hội *Зеленая лампа* (Ngọn đèn xanh), nhằm thống nhất các nhóm văn học Nga ở nước ngoài, tuy nhiên, hội này không có được

sự thống nhất thường xuyên như người sáng lập mong muốn. Năm 1941, sau khi chồng mất Gippus tập trung những năm cuối đời viết tiểu sử của chồng nhưng dang dở dang thì bà mất ngày 9 tháng 9 năm 1945 ở Paris.

Tác phẩm:

- * Собрание стихов. 1889 - 1903" (Москва, 1904),
- * Собрание стихов. Кн. 2. 1903 - 1909" (Москва, 1910),
 - * Новые люди (Петербург, 1896; 1907),
 - * Зеркала (Петербург, 1898),
 - * Алый меч (Петербург, 1906)
- * Маков цвет (1908; совместно с Д. С. Мережковским и Д. В. Filosoфовым),
 - * Чёртова кукла (1911),
 - * Роман-царевич (1913),
 - * Зеленое кольцо (1916).
- * Последние стихи. 1914-1918 (1918)
 - * Живые лица" (1925)

Các tuyển tập xuất bản ở Nga sau cải tổ:

- * Гиппиус З. Пьесы. Л., 1990
- * Гиппиус З. Живые лица, тт. 1-2. Тбилиси, 1991
- * Гиппиус З. Сочинения. Ленинградское отд. Худож. лит. 1991
 - * Гиппиус З. Стихотворения. СПб, 1999
 - * Гиппиус З. Дневники, тт. 1-2. М., 1999

ĐƠN VỊ ĐO LƯỜNG

Luôn luôn thế, một điều gì không có
Và một điều gì đó cần nhiều hơn
Dường như có câu trả lời cho tất cả
Nhưng dù sao, thiếu âm tiết cuối cùng.

Liệu làm xong một điều gì – không phải thế
Không đúng lúc, không chắc chắn, tròng trành...
Và mỗi dấu hiệu đều không chung thủy
Và trong từng quyết định – vẫn sai lầm.

Mặt trăng uốn khúc, ngoằn ngoèo trong nước
Nhưng con đường vàng ánh và dối gian
Khắp mọi nơi đều có sự mất mát
Chỉ Thượng Đế có đơn vị đo lường.

TÌNH CHỈ MỘT

Chỉ một lần sôi lên ngầu bọt
Và con sóng tung lên
Con tim không thể sống bằng dối gian
Không hề có dối gian – tình chỉ một.

Ta đùa chơi hay là ta cáu gắt
Hay dối gian – nhưng tĩnh lặng trong tim
Ta không bao giờ thay đổi gì hơn:
Hồn chỉ một – và tình yêu chỉ một.

Rất đơn điệu, hoang vu như sa mạc
Tình mạnh mẽ nhờ đơn điệu mà thôi
Đi qua đời... trong cuộc đời rất dài
Tình chỉ một, và luôn luôn chỉ một.

Chỉ trong sự thủy chung – và vô cực
Chỉ trong sự thường xuyên – có độ sâu
Gần vĩnh hằng, và con đường tiếp theo
Sẽ càng rõ ràng hơn: tình chỉ một.

Ta trả giá cho tình bằng máu huyết
Tâm hồn thủy chung thì vẫn thủy chung
Và ta yêu chỉ bằng một mối tình
Tình chỉ một, chỉ một như cái chết.

TIẾNG KÊU

Tôi cảm thấy mệt nhoài vì kiệt sức
Và tâm hồn này trong máu bị thương
Chẳng lẽ cho ta không một chút tình
Chẳng lẽ Chúa Trời không hề thương xót?

Ta thi hành ý muốn rất nghiêm ngặt

Như bóng đêm, không dấu vết, lặng im
Bằng con đường nghiệt ngã, chẳng xót thương
Nhưng ta đi về đâu – không biết được.

Gánh nặng cuộc đời, gánh nặng cây thập ác
Càng đi xa, càng thấy nặng nề hơn...
Đang chờ ta – kết cục không rõ ràng
Ở những cánh cửa muôn đời đóng chặt.

Không hề ngạc nhiên và không than khóc
Ta làm điều mong muốn của Chúa Trời.
Ngài tạo ra ta thiếu hững khởi tràn đầy
Tạo ra ta, nhưng yêu không thể được.

Và ta rơi xuống, đám đông bất lực
Bất lực và tin vào sự diệu kỳ
Như nắp mộ chí – từ trên cao kia
Những bầu trời mù quáng đang đè chặt.

NẾU

Nếu đèn tắt – thì tôi chẳng thấy gì.
Nếu người là thú – thì tôi căm ghét.
Nếu người tệ hơn thú – thì tôi giết đi.
Nếu không còn nước Nga – thì tôi chết.

BẤT LỰC

Tôi nhìn biển bằng ánh mắt khao khát
Nhìn dải đất bao bọc ở trên bờ
Tôi đứng đây – trên trời, trên bờ vực
Không thể bay vào màu xanh ước mơ.

Tôi không biết, đứng lên hay phủ phục
Tôi không dám chết, nhưng sống cũng không...

Không thể cầu nguyện – dù Chúa rất gần
Tôi muốn tình yêu – nhưng không yêu được.

Tôi đưa bàn tay hướng về mặt trời
Và tôi nhìn thấy màn mây xám ngắt
Tôi cứ ngỡ mình hiểu ra sự thật
Nhưng dành cho sự thật chẳng có lời.

TÌNH YÊU

Trong hồn tôi không còn chỗ cho đau khổ
Tâm hồn của tôi là tình.
Tình đập vỡ những mong ước của mình
Để hồi sinh những ước mong lần nữa.

Khởi thủy là Lời. Hãy đợi chờ Lời
Lời sẽ mở.
Điều gì đã làm xong – sẽ còn làm nữa
Bạn và Ngài – chỉ một mà thôi.

Ánh sáng cuối, cho tất cả mọi người
Dấu hiệu là chỉ một.
Hãy bước đi, dù ai cười, ai khóc
Hãy bước đi – hãy đi đến với Ngài.

Đến với Ngài trong giải thoát đất đai
Và sẽ có những điều kỳ lạ.
Và sẽ ở trong sự thống nhất tất cả -
Mặt đất và bầu trời.

NIỀM VUI

Những nghi ngờ làm phiền tôi bạn ạ
Đã từ lâu cảm thấy cái chết gần.
Trong năm mơ mà tôi sẽ ngủ yên

Tôi biết rằng tôi tắm và oi ả.

Nhưng tôi vẫn ở đây, cùng bạn đó
Trong hơi thở gió, trong ánh mặt trời
Tôi sẽ làm con sóng trên biển cả
Và đám mây bay lượn giữa bầu trời.

Tôi xa lạ với ngọt ngào trần thế
Và con tim, ngay cả với buồn thương
Như sao xa lạ hạnh phúc, vui mừng
Nhưng cho tôi bạn đừng thương xót nhé.

Tôi đợi lặng yên... hồn tôi mệt lử
Mẹ - thiên nhiên cất tiếng gọi tôi về
Thật nhẹ nhàng, gánh nặng đời yên ngủ
Bạn tôi ơi, chết sung sướng nhường kia!



Dmitry Sergeyevich Merezhkovsky (tiếng Nga: Дмитрий Сергеевич Мережковский, 14 tháng 8 năm 1865 – 9 tháng 12 năm 1941) là nhà văn, nhà phê bình, nhà thơ Nga. Merezhkovsky là chồng của nữ nhà văn, nhà thơ Nga Zinaida Gippius.

Tiểu sử:

Dmitry Merezhkovsky sinh ở Sankt-Peterburg trong gia đình một công chức hoàng gia, là con thứ sáu của một gia đình có 9 người con. Từ năm 1884 đến 1889 học lịch sử và ngôn ngữ ở Đại học Sankt-Peterburg. Bắt đầu in thơ từ năm 13 tuổi trên các báo và tạp chí. Năm 15 tuổi, bố tổ chức cho Merezhkovsky gặp nhà văn Fyodor Dostoyevsky – là người không hài lòng với cuộc sống hiện tại của nhà thơ trẻ. “Để sáng tác tốt –

cần đau khổ và đau khổ”, những lời này của Fyodor Dostoyevsky, không ngờ, được thể hiện trong số phận của Merezhkovsky sau này.

Năm 1888 in tập thơ đầu tiên, năm 1892 in tập thơ thứ 2. Năm 1896, chưa đến 30 tuổi, đã có tên trong Từ điển bách khoa “*Brokgayz và Efron*”, được gọi là “một nhà thơ nổi tiếng”. Năm 1889 Merezhkovsky cưới Zinaida Gippius, sau này cũng là một nhà văn, nhà thơ nổi tiếng của Nga sống lưu vong ở nước ngoài. Năm 1900 cùng với Zinaida Gippius, Vasily Rozanov và một số nhà thơ khác thành lập “*Hội Triết học và Tôn giáo*”. Dmitry Merezhkovsky chào mừng Cách mạng Tháng Hai nhưng chống đối Cách mạng Tháng Mười. Kết quả là sau khi Cách mạng Tháng Mười thành công, ông bỏ ra sống ở nước ngoài. Năm 1920 đi sang Ba Lan, sau đó sang Pháp. Sau khi ra nước ngoài, tác phẩm của Merezhkovsky hầu như không được nhắc đến ở Liên Xô. Di sản văn học của Merezhkovsky rất đồ sộ, bao gồm tiểu thuyết, các tác phẩm về triết học, tôn giáo, phê bình, thơ. Ngoài ra ông còn là người dịch nhiều tác gia cổ điển của Hy Lạp và La Mã cổ đại. Tiểu thuyết của Merezhkovsky có sự ảnh hưởng đến các nhà văn lớn của thế giới như Mikhail Bulgakov, James Joyce, Thomas Mann...

Dmitry Merezhkovsky là người nhiều lần có tên trong danh sách đề cử giải Nobel Văn học nhưng vì ông là người ủng hộ Hitler và Mussolini nên không được trao giải. Năm 1939 ông phát biểu trên Đài phát thanh Paris ủng hộ Hitler bị phản đối. Sau đó là những ngày tháng nghèo túng và bệnh tật. Ông mất ngày 9 tháng 12 năm 1941 ở Paris bị Đức chiếm đóng. Tác phẩm của Dmitry Merezhkovsky bắt đầu được bạn đọc quan tâm ở phương Tây từ những năm 1950–1960, còn ở Nga từ những năm 1980-1990, thế kỷ XX.

Thư mục:

I.

* Полное собр. сочин., 17 тт., изд. т-ва М. О. Вольф, СПб, 1911-1913; То же, 24 тт. (полнее), изд. т-ва Сытина, М., 1914-1915. Не вошли в “Собр. сочин.”: 14 декабря, П., 1918;

* Рождение богов. Тутонкамон на Крите, Прага, 1925;

* Мессия, “Современ. записки”, Париж, 1926, XXVII-XXXII (романы);

* Будет радость, П., 1916; Романтики, Петроград, 1917 (драмы);

* Две тайны русской поэзии. Некрасов и Тютчев, Петроград, 1915;

* Завет Белинского, Петроград, 1915 (критика).

II.

* Ларин О. Я., Хронологич. указатель произведений и литературы о произведениях Мережковского, при т. XXIV Полного собр. сочин., СПб, 1915;

* Фомин А. Г., Библиография новейшей русской литературы, “Русская литература XX в.”, под ред. С. А. Венгерова, т. II, вып. V, М., 1915;

* Мезьер А. В., Русская словесность с XI по XIX ст. включительно, ч. 2, СПб, 1902;

* Владиславлев И. В., Русские писатели, изд. 4-е, Гиз, Л., 1924;

* Владиславлев И. В., Литература великого десятилетия (1917-1927), том I, Гиз, Москва, 1928;

* Мандельштам Р. С., Художественная литература в оценке русской марксистской критики, ред. Н. К. Пиксанова, издание 4-е, Гиз, Москва, 1928.

YÊU THƯƠNG – THÙ HẬN

Ta yêu nhau nhưng mà ta không hiểu
Cả hai người cái mới vẫn khát khao
Nhưng mà ta cũng không phản bội nhau
Dù tình yêu rất cầu kỳ, nũng nịu.

Ta muốn được tự do như ngày trước
Ta nghĩ rằng xiềng xích sẽ giật tung
Nhưng đều vô phương cứu chữa bao lần
Kiếp nô lệ của mình ta hiểu được.

Và cả hai đều không ưa tiên đoán
Vì cả hai không biết cách sống chung
Không thù hận bằng tất cả tấm lòng
Không yêu thương đến vô cùng vô tận.

Ôi, những điều quả trách muôn thuở ấy
Hận thù này quả lấu lỉnh, tinh ranh
Cả hai cô đơn, cả hai thấy buồn
Cả hai thấy ghét – gần nhau mãi mãi.

Nhưng tranh cãi với em, anh mệt lử
Anh vẫn yêu, vẫn đau khổ, đọa đầy
Em yêu ơi, anh cảm nhận điều này
Nơi không có em, cuộc đời chẳng có.

Điều dối gian hay sự quý quyết nào
Mà cả đời ta cùng nhau cãi cọ
Mỗi người đều muốn trở thành tiếm chủ
Có ai chịu làm nô lệ ai đâu.

Nhưng dù sao, tình chẳng cho ta quên
Mà lớn lên khắp nơi và muôn thuở
Như cái chết, mù quáng và mạnh mẽ

Tình yêu thương như thù hận mà em.

Chỉ khi một người đã dưới tuổi vàng
Thì người còn lại may ra hiểu được
Sức mạnh của tình yêu không thương xót
Trong giờ cuối cùng, trong phút lâm chung!

CÔ ĐƠN TRONG TÌNH YÊU

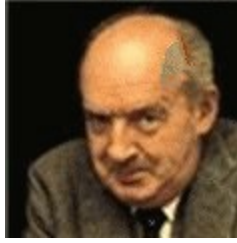
Trời dần tối trên thành phố lạ
Hai đứa ngồi quay mặt vào nhau
Trong bóng đêm lạnh lẽo, u sầu
Cả hai lặng im và đau khổ.

Và cả hai từ lâu hiểu rõ
Rằng ngôn từ bất lực, vô sinh:
Một khi rất tội nghiệp ở trong tim
Thì thể hiện bằng lời không thể.

Không điều gì và không ai có lỗi
Ai không thể nào thắng được kiêu hùng
Thì người này muôn thuở cô đơn
Ai yêu – phải trở thành nô lệ.

Khi khát khao hạnh phúc và lòng tốt
Sống lắt lay vất vưởng tháng ngày xanh
Tất cả chúng ta muôn thuở một mình
Anh sống một mình, một mình anh chết.

Trên kính cửa sổ một màu xám xịt
Đã tắt rồi ánh sáng buổi ban chiều
Chỉ cái chết dạy được cho ta yêu
Tất cả đi vào mà không lối thoát.



Vladimir Vladimirovich Nabokov (tiếng Nga: Влади́мир Влади́мирович Набо́ков, 22 tháng 4 năm 1899 – 2 tháng 7 năm 1977) – nhà văn nhà thơ Nga, sáng tác bằng tiếng Nga và tiếng Anh. Nabokov là tác giả của nhiều tiểu thuyết nổi tiếng thế giới, trong đó, tiểu thuyết “*Lolita*” được quay thành nhiều bộ phim nổi tiếng. Ngoài văn xuôi và thơ, ông còn là dịch giả, dịch những tác phẩm kinh điển từ tiếng Nga sang tiếng Anh và ngược lại.

Tiểu sử:

Vladimir Nabokov sinh ở Saint Peterburg trong một gia đình quý tộc giàu có và lâu đời. Ông nội từng là Bộ trưởng Tư pháp trong chính phủ Nga hoàng Aleksandr II và Aleksandr III. Bố là một nhà chính trị nổi tiếng, sau cách mạng Tháng Hai làm bộ trưởng Tư pháp trong chính phủ lâm thời Nga. Mẹ cũng là con gái của một nhà có dòng dõi quý tộc. Mặc dù vậy, Vladimir Nabokov là người hờ hững với chính trị. Tuổi nhỏ Nabokov thích sưu tập tem và nghiên cứu cuộc sống các loài bướm. Từ năm 1911 – 1916 học ở trường trung học Tenishevsky, nơi trước đây Osif Mandelstam từng học. Năm 1916 in tập thơ đầu tiên *Смеху* (Thơ). Sau Cách mạng tháng Mười, Nabokov chuyển xuống vùng Crimea, nơi bố làm Bộ trưởng tư pháp của cộng hoà Crimea. Sau khi Hồng quân chiếm Crimea, cả gia đình đi ra nước ngoài (tháng 4 năm 1919).

Những năm 1919 – 1922 Nabokov học văn học Nga và văn học Pháp ở Đại học Cambridge, Anh. Sau khi tốt nghiệp trở về Berlin, Đức cùng với gia đình. Năm 1927 cưới vợ và viết cuốn tiểu thuyết đầu tiên: *Машенька*. Thời gian từ năm 1927 đến năm 1937 ông viết 8 tiểu thuyết bằng tiếng Nga. Cuối những năm 30 Đức quốc xã nắm chính quyền ở Đức, gia đình Nabokov chuyển sang Paris, còn khi Thế chiến II xảy ra, cả gia đình sang Mỹ. Vì không còn cộng đồng người Nga ở châu Âu nên không còn bạn đọc bằng tiếng Nga, kể từ đây Nabokov chuyển sang sáng tác bằng tiếng Anh. Cuốn tiểu thuyết bằng tiếng Anh đầu tiên *The Real Life of Sebastian Knight* (Cuộc đời thực của Sebastian Knight,

1941), tiếp đến là nhiều tiểu thuyết bằng tiếng Anh mà nổi tiếng nhất là *Lolita*, in ở Pháp năm 1955, ở Mỹ năm 1958, ở Anh năm 1959. Năm 1960 Nabokov trở về sống ở Montreux, Thụy Sĩ và tiếp tục viết một số tiểu thuyết, đáng kể nhất có *Pale Fire* (Lửa nhạt, 1962), *Ada, or Ardor* (Ada hay Ardor, 1969). Ngoài sáng tác, Nabokov còn là một dịch giả thiên tài, ông là tác giả của các bản dịch "*Слово о полку Игореве*" (Bài ca về binh đoàn Igor), "*Евгений Онегин*" (Evgeny Onegin), thơ trữ tình của Pushkin, Lermontov, Tyutchev sang tiếng Anh, *Alice's Adventures in Wonderland* từ tiếng Anh sang tiếng Nga cũng như nhiều tiểu thuyết của mình sang hai chiều ngược lại.

Vladimir Nabokov nói về mình: “Tôi là nhà văn Mỹ, sinh ở nước Nga, học văn học Pháp ở Anh trước khi chuyển về Đức ở 15 năm... Đầu tôi nói chuyện bằng tiếng Anh, tim tôi – bằng tiếng Nga, tai tôi – bằng tiếng Pháp”.

Vladimir Nabokov mất tại Montreux, Thụy Sĩ để lại cuốn tiểu thuyết *The Original of Laura* (Laura thực) đang viết dở.

Tác phẩm:

Văn xuôi viết bằng tiếng Nga:

* Машенька (Mashen'ka, 1926)

* Король, дама, валет (Vua, hậu và con nhép, 1928)

* Защита Лужина (Bảo vệ Luzhina, 1930)

* Соглядатай (Sogliadai, 1930)

* Подвиг (Chiến công, 1932)

* Камера Обскура (Buồng Obscura, 1932)

* Отчаяние (Tuyệt vọng, 1936)

* Дар (Quà tặng, 1938)

Văn xuôi viết bằng tiếng Anh:

* The Real Life of Sebastian Knight (Cuộc đời thực của Sebastian Knight, 1941)

* Bend Sinister, 1947

* Lolita, 1955 (tác giả tự dịch sang Nga, 1965)

* Pnin, 1957

* Pale Fire (Lửa nhạt, 1962)

* Ada, or Ardor (Ada hay Ardor, 1969)

* Transparent Things (Những vật trong suốt, 1972)

* Look at the Harlequins! (Hãy nhìn Harlequins!, 1974)

Thơ:

* Стихи (Thơ, 1916)

* Альманах: Два пути (Hai con đường, 1918)

* Горный путь». Берлин: Грани, 1923.

* Возвращение Чорба: Рассказы и стихи (Chorba trở về: truyện và thơ, 1930)

* Стихотворения 1929—1951 (Thơ 1929-1951), 1952

* Poems. Garden City, 1959.

* Poems and Problems, 1971.

* Стихи. 1979

Dịch thuật:

Từ Anh sang Nga:

* Alice's Adventures in Wonderland (Alice ở xứ sở Thần kỳ, 1923)

Từ Nga sang Anh:

* Three Russian Poets: Selections from Pushkin, Lermontov, and Tyutchev (Ba nhà thơ Nga: Pushkin, Lermontov, Tyutchev, 1947)

* A Hero of Our Time, by Mikhail Lermontov (Anh hùng của thời đại chúng ta, truyện của M. Lermontov, 1958)

* The Song of Igor's Campaign (Bài ca về binh đoàn Igor, 1960)

* Eugene Onegin, by Aleksandr Pushkin (Evgeny Onegin của Pushkin, 1964)

EM HÃY GIẢN ĐƠN

Em hãy giản đơn, hãy trong suốt hơn
Anh bây giờ chỉ mình em còn lại
Rừng đã trụi và ngôi nhà đã cháy
Còn mùa xuân đã mờ mịt màn sương.

Nơi ấy mơ màng những cây bạch dương
Chim gõ kiến gõ đều trên chóp ngọn
Anh để mắt bạn bè trong trận đánh
Và sau này đã mất cả quê hương.

Trong giấc mơ, với ảo ảnh mơ màng
Ngoài đời thực, anh lầm đường lạc lối
Điều tưởng tượng để mắt trong rừng núi
Những bài ca đánh mất giữa đại dương.

Và bây giờ về quá khứ đau buồn
Bên bếp lửa tình em, anh sưởi ấm
Em hãy chân thành, dịu dàng, đắm thắm
Và hãy nhớ rằng chỉ còn lại mình em.
11-1919.

HẠNH PHÚC

Anh biết rằng: đã qua con đường tối tăm, xa cách
Những bầu trời chìm trong xanh thẳm màu xanh
Ngày chìm trong ánh sáng, trong hạnh phúc – con tim
Anh biết rằng anh yêu và sung sướng cùng em dạo bước.

Vâng, anh trao hết mình cho tình em quyền lực
Quyền lực màu xanh bao phủ lấy người anh...
Nhắm mắt vào, nhìn vào đôi mắt đắm đuối của em
Rồi hai đứa cùng ngồi trên cỏ hoa dày đặc.

Hãy ôm anh bằng cánh tay kì diệu của em
Vây quanh em cả bốn phía đều là hoa cỏ
Đang ánh lên một màu sáng thiên thanh.

Hoa cỏ rắc lên màu sáng kim cương
Rắc lên mặt anh những cánh hoa ẩm ướt...
Nụ hôn dài... Em là hạnh phúc... Em của anh...

MẶC TẮT CẢ LẶNG IM VÀ CAY ĐẮNG

Mặc tất cả lặng im và cay đắng
Đời đi vào những giấc mộng thép gang...
ở nơi này chỉ còn anh và em
Tâm hồn ta giữa mùa xuân màu trắng.

Và ta sẽ cùng nhau muôn thuở
Xây cuộc đời – không nhìn thấy nghe em
Anh sẽ tạo nên rừng núi và sông
Còn em sẽ tạo hoa và sao nhé.

Thế kỉ này này cuồng điên và khói lửa
Ta sẽ sống trong thế kỉ khác nghe em –
Trong tươi mát những bài ca của anh
Trong thung lũng của em hoa đua nở.

Chỉ con cháu của ta, theo năm tháng
Yêu thơ mùa xuân mát mẻ của anh
Qua ánh sáng, bóng tối của âm thanh
Và chúng sẽ nhìn thấy em – màu trắng...

CON TIM CỦA TÔI

Con tim của tôi cần những gì đây
Để hạnh phúc? Chỉ cần rất ít ỏi...
Yêu Thương Để, yêu muông thú, yêu cây
Và ánh sáng ngày, và đêm đen tối.

Và nơi mép rìa của cõi hư vô

Tôi tự hỏi: ở đâu rồi đau khổ?
Tôi từng hát và cả từng khóc nữa
Thì chỉ nước mắt thán phục thôi mà.
3-1919.

TRONG GIẤC MỘNG GIẢN ĐƠN

Anh rất mừng, trong giấc mộng giản đơn:
Em một mình đứng trên thềm tam cấp
Bằng bàn tay, bình minh em che khuất
Còn bình minh trên gương mặt của em.

Rơi xuống nhẹ nhàng và phủ đầy sương
Tia nắng lên áo quần và bóng lên bức cửa
Còn trong vườn sáng lên từng chiếc lá
Lá mỉm cười như một Thượng Đế con.

Em ngoái nhìn – người trong mộng của anh
Vào sâu thẳm của màu xanh đường phố
Và sự hồi quang xuyên qua của lá
Rung động chập chờn trên cổ áo em.

Tại vì sao, không biết được em ơi
Tại vì sao thức dậy trong nước mắt...
Có ai đó trong tim cười và khóc
Và em trong khung cửa, giữa mặt trời.
8-1919

TA KHÔNG CẦN HOA HUỆ

Ta không cần hoa huệ
Ta không cần hoa huệ trắng trong
Không đụng đến số phận và mọc trong rừng
Người ta đem về, huệ luôn gìn giữ
Tình yêu giá băng và giam kín cõi lòng.

Ta muốn hoa hồng, hoa của người yêu dấu nhất
Muốn chìm đắm trong cơn mơ màng ngào ngạt
Trong những cánh hoa êm, đắm đuối của tình
Trong vẻ sống động dịu dàng, trong ngọn lửa nhưng
Trước hoa hồng nhưng thì hoa huệ là gì kia chứ
Vì ta yêu hoa hồng, hoa là của ta tất cả
Hoa trao cho ta hết mình, hoa yêu và đau khổ
Hồng mãi mãi của ta còn huệ - chẳng của ai...

EM LÀ ĐÁM MÂY ÊM DỊU GIỮA TRỜI XANH

Em là đám mây êm dịu giữa trời xanh
Là bọt biển xanh dập dờn trên biển cả
Em là bóng của Mi-mô-sa trên đá
Là tiếng vọng tất nhiên, không thể thiếu trong lòng.
Em là bài ca không có điểm đầu tiên
Dù anh gọi hay không – em đều đáp lại
Đi tìm hay không – đều lặng im và ẩn náu
Tìm ra hay không – anh không biết, em quá xa xăm.

Em là giấc mơ mang đến vẻ kín thầm
Anh hồi hộp trong đêm sương mờ mịt
Anh sống bằng giấc mơ không thể biết
Anh thở bằng tình yêu duy nhất của em.
Và hạnh phúc anh cảm thấy ở xa hơn
Và anh mơ cảnh sum vầy hạnh phúc
Và bài ca vang lên nguồn cảm xúc
Rồi cuộn vào trong nhăn cười tận hồn.

10-11-1918



Maxim Gorky (tiếng Nga: Макси́м Го́рький, tên khai sinh: Aleksei Maksimovich Peshkov - Алексей Максимович Пешков) (28 tháng 3 năm 1868 – 18 tháng 6 năm 1936) – nhà văn, nhà thơ, nhà viết kịch Nga, người đặt nền móng cho chủ nghĩa hiện thực trong văn chương, một trong những nhà văn lớn của thế giới cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Maxim Gorky từng được coi là “con chim báo bão của cách mạng”, là “nhà văn vô sản vĩ đại”, là “người sáng lập chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa”.

Tiểu sử:

Maxim Gorky sinh ở Nizhny Novgorod, mồ côi khi lên chín tuổi nên người có ảnh hưởng nhiều nhất đến nhân cách của ông là người bà. Sau khi bà mất, cuộc sống của Gorky rất khó khăn, đã thế, tình yêu không được đáp lại cùng với việc thi không đậu vào Đại học Kazan đã khiến Gorky nảy ra ý định tự tử ngày 25 tháng 12 năm 1887, tuy vậy, vụ tự tử đã không thành công. Sau đó, suốt 5 năm trời ông đi bộ khắp nước Nga, tích lũy kiến thức và những ấn tượng để thể hiện trong các tác phẩm của mình.

Sáng tạo của Maxim Gorky có thể chia làm 3 thời kỳ. Thời kỳ đầu tiên (1892 – 1902), thời kỳ này Gorky mô tả những sự hỗn loạn của xã hội, xây dựng những hình tượng của các nhân vật chống đối. Nhân vật thường là những kẻ lang thang, những kẻ trộm và gái điếm... Những truyện: *Челкаш*, *Однажды осенью*, *На плотях*, *Супруги Орловы и Двадцать шесть и одна*; các tiểu thuyết: *Фома Гордеев* và *Трое*; các vở kịch: *Мещане* và *На дне* là những tác phẩm tiêu biểu của thời kỳ này.

Thời kỳ thứ hai (1902 – 1913) đánh dấu sự hợp tác chặt chẽ với các tổ chức của cách mạng. Tác phẩm tiêu biểu của thời kỳ này là tiểu thuyết *Người Mẹ* (Мать, 1907). Năm 1905 Gorky sang Mỹ. Một thời gian dài (từ 1906 đến 1913) ông sống ở đảo Capri.

Thời kỳ thứ ba (từ 1913 đến cuối đời), Gorky in một loạt tự truyện, những tác phẩm tiêu biểu nhất trong số đó là: *Детство* (1913–1914), *В людях* (1916), *Мои университеты* (1923) và *Заметки из дневника. Воспоминания* (1924). Tiểu thuyết sử thi *Жизнь Клима Самгина* đang viết dở.

Tác phẩm thơ ca của Maxim Gorky không nhiều, không đồ sộ như văn xuôi, tuy nhiên một số tác phẩm kịch thơ của ông như *Песня о Буревестнике* và *Песня о Соколе* xứng đáng được coi là “những bài ca về Cách mạng Nga”.

Bậc thầy ngôn ngữ, người theo chủ nghĩa hiện thực, người trung gian của hai thế giới, Maxim Gorky được coi là mắt xích kết nối giữa nước Nga cũ và mới. Ông mất ngày 18 tháng 6 năm 1936 ở Moskva.

Tác phẩm:

Tiểu thuyết:

*1899 — «Фома Гордеев»

*1900—1901 — «Трое»

*1906 — «Мать» (вторая редакция — 1907)

*1925 — «Дело Артамоновых»

*1925—1936 — «Жизнь Клима Самгина»

Трухен:

*1908 — «Жизнь ненужного человека».

*1908 — «Исповедь»

*1909 — «Городок Окуров», «Жизнь Матвея Кожемякина».

*1913—1914 — «Детство»

*1915—1916 — «В людях»

*1923 — «Мои университеты»

Кю:

*1892 — «Макар Чудра»

*1895 — «Челкаш», «Старуха Изергиль».

*1897 — «Бывшие люди», «Супруги Орловы», «Мальва», «Коновалов».

*1898 — «Очерки и рассказы» (сборник)

*1899 — «Песня о Соколе» (поэма в прозе), «Двадцать шесть и одна»

*1901 — «Песня о буревестнике» (поэма в прозе)

*1903 — «Человек» (поэма в прозе)

*1913 — «Сказки об Италии».

*1912—1917 — «По Руси» (цикл рассказов)

*1924 — «Рассказы 1922—1924 годов»

*1924 — «Заметки из дневника» (цикл рассказов)

Кич:

*1901 — «Мещане»

*1902 — «На дне»

*1904 — «Дачники»

*1905 — «Дети солнца», «Варвары»

*1906 — «Враги»

*1910 — «Васса Железнова» (переработана в декабре 1935-го)

*1930—1931 — «Сомов и другие»

*1932 — «Егор Булычев и другие»

*1933 — «Достигаев и другие»

Сác bài viết:

*1906 — «Мои интервью», «В Америке» (памфлеты)

*1917—1918 — цикл статей «Несвоевременные мысли» в газете «Новая жизнь» (в 1918 вышел отдельным изданием)

*1922 — «О русском крестьянстве»

Một số bài thơ:

BẠN ĐỪNG TRÁCH

Bạn đừng trách chi Nàng thơ của tôi
Tôi chưa từng, chưa biết nàng thơ khác
Và bài ca ngày qua tôi không viết
Mà tôi ca bài hát của tương lai.

Trong cái bài ca rất giản dị này
Tôi hát về sự khát khao ánh sáng
Hãy đối xử với Nàng như người bạn
Và như nhà thơ tự học – với tôi.

Hãy cứ để cho bài ca ngân vang
Bằng một nỗi buồn dịu êm, sâu lắng
Tiếng thổn thức của cõi lòng cô đơn
Có thể phần nào làm vui lòng bạn.

Và bạn đừng đón Nàng thơ của tôi
Với vẻ bàng quan, thờ ơ, lãnh đạm
Trong cuộc đời này đón đau, bất hạnh
Tôi ca vang bài hát của tương lai.

AI ĐANG ĐI

Ai đang đi trên đầm lầy, trên rừng
Thành một đám đông?
Những người Bê-la-rút.

Họ mang gì trên những đôi vai gầy
Họ nâng gì trên những đôi tay gầy?
Điều lắm lần.

Thế họ mang điều lắm lần đi đâu
Thế họ mang điều lắm lần cho ai?
Đến ánh sáng Chúa Trời.

Thế ai dạy cho họ mang điều lầm lẫn
Hàng triệu người – ai đã thức giấc mộng?
Nỗi khổ, bần cùng.
Thế điều gì họ mong muốn giờ đây
Những người điếc và câm, bị áp bức hàng thế kỷ?
Được gọi là những con người.

VĨNH BIỆT

Vĩnh biệt! Lòng tràn ngập nỗi buồn
Ta bây giờ lại cô đơn như trước
Và cuộc đời ta giờ lại tối tăm
Ngọn lửa sáng của ta ơi, vĩnh biệt!..
Vĩnh biệt!

Xin vĩnh biệt! Giờ ta đã căng buồm
Ta đang đứng bên vô-lăng buồn chán
Những tiếng kêu của hải âu bay nhanh
Và những dải nước biển ngời bọt trắng –
Đây là những gì mặt đất đang dùng
Để từ biệt cùng ta.. Xin vĩnh biệt!

Biển khơi xa hứa hẹn điều bất hạnh
Một nỗi buồn đang gặm nhấm lòng ta
Và dữ dằn gào thét con sóng trắng
Nhưng – dù tất cả nước trên biển lớn
Không thể xua em khỏi trái tim ta!..
Xin vĩnh biệt!

HUYỀN THOẠI VỀ MARKO

Rừng bên sông, xưa có một nàng tiên
Nàng tiên thường hay xuống dòng sông tắm
Có một lần vì tiên không cẩn thận
Bị mắc vào lưới cá của người ta.

Những người đánh cá vô cùng khiếp đảm
Nhưng có chàng trai tên gọi Marko
Chộp lấy nàng từ lưới của người ta
Và chàng trai hôn nàng tiên cháy bỏng.

Còn nàng tiên như cành cây mềm mỏng
Trong đôi bàn tay vạm vỡ uốn mình
Vào đôi mắt chàng trai trẻ ngắm nhìn
Có điều chi khiến tiên cười lẳng lặng.

Suốt cả ngày tiên âu yếm Marko
Chỉ có điều khi màn đêm buông xuống
Thì nàng tiên vui tươi kia chợt biến...
Mặc chàng trai với một nỗi buồn lo...

Còn Marko đêm cũng như ngày
Đi vào rừng trên bờ sông Đa-nuýp
“Em ở đâu?” chàng tìm, chàng thỏn thức
“Không biết đâu!” Những ngọn sóng cười to
Chàng kêu lên: “Các người dối lừa ta!
Chính các người âu yếm nàng dưới nước!”
Rồi chàng trai đại dốt đã băng mình
Vào dòng sông Đa-nuýp để tìm tiên...
Tiên vẫn tắm trên dòng sông Đa-nuýp
Như ngày xưa, thuở chưa có Marko
Còn Marko không còn nữa bây giờ...

Nhưng dù sao
Marko để lại cho đời bài hát
Còn các người đang sống trên mặt đất
Như loài giun lằm lũi, mọt mù
Câu chuyện về các người không được kể ra
Và bài hát về các người không ai hát.



Cherubina de Gabriak (tiếng Nga: Черубина де Габриак – là bút danh của Elisaveta Ivanovna Dmitrieva - Елизавета Ивановна Дмитриева) (31 tháng 3 năm 1887 – 5 tháng 12 năm 1928) – nữ nhà thơ Nga thế kỷ bạc. Nhà văn Aleksei Tolstoy gọi Cherubina de Gabriak “là một trong những gương mặt kỳ diệu và đau buồn nhất của văn học Nga”.

Tiểu sử:

Cherubina de Gabriak sinh ở Saint Petersburg, trong một gia đình quý tộc. Bố chết sớm vì bệnh lao phổi, Cherubina de Gabriak lên 7 tuổi cũng mắc bệnh này và hậu quả là bị bệnh đi cà nhắc suốt đời. Năm 1904 tốt nghiệp trường gymnazy, năm 1908 tốt nghiệp Đại học sư phạm, chuyên ngành lịch sử trung đại và văn học trung cổ Pháp. Sau đây bà tiếp tục theo học về văn học Tây Ban Nha và tiếng Pháp cổ ở Đại học Saint Petersburg và Đại học Sorbonne, làm quen với Nicolai Gumilyov ở Pháp.

Sau khi trở về Saint Petersburg bà dạy ngôn ngữ ở trường gymnazy chỉ dành cho phái nữ, in thơ dịch từ tiếng Tây Ban Nha ở các tạp chí và trở thành bạn thân của nhà thơ Maximilia Aleksandrovich Voloshin. Mùa hè năm 1909 Cherubina de Gabriak đến trại sáng tác dành cho văn nghệ sĩ của Maximilia Voloshin ở Koktebel (vùng Krym). Chính nơi đây đã sinh ra ý tưởng dùng bút danh Cherubina de Gabriak và ý tưởng văn học mê hoặc của một nữ sĩ, người đẹp Công giáo bí ẩn. Từ năm 1909 thơ của bà thường xuyên được in ở tạp chí Apollo và có được sự thành công vang dội trên văn đàn, được các nhà thơ nổi tiếng đương thời như Innokentiy Fyodorovich Annensky và Vyacheslav Ivanovich Ivanov đánh giá cao.

Cuối năm 1909 nhà thơ Mikhail Alekseevich Kuzmin tìm hiểu sự thật

của hiện tượng Cherubina de Gabriak và sự việc trở thành một xi-căng-đan. Năm 1911 Cherubina de Gabriak đi lấy chồng và thường xuyên đi du lịch ở Đức, Thụy Sĩ, Phần Lan, Gruzia. Năm 1921 bà cùng với chồng phải rời Petrograd về Ekaterinoda. Ở đây bà làm quen với Samuil Marshak và cùng sáng tác kịch cho thiếu nhi.

Năm 1926 bà bị đày về Taskent. Thời gian này bà vẫn tiếp tục sáng tác và dịch thuật. Cherubina de Gabriak mất ngày 5 tháng 12 năm 1928 ở Taskent vì bệnh ung thư phổi.

Thư mục:

* Калло Е. Четыре имени в русской поэзии. В кн.: «Sub rosa»: Аделаида Герцык, София Парнок, Поликсена Соловьёва, Черубина де Габриак / Сост., коммент. Т. Н. Жуковской, Е. А. Калло. — М., Эллис Лак, 1999. — 768 с. — ISBN 5-88889-038-3

* Азеева, Л. И. Неразгаданная Черубина: Документальное повествование. М.: Дом-музей Марины Цветаевой, 2006. — 404 с.

* Черубина де Габриак. Исповедь / Сост. Купченко В. П., Ланда М. С., Репина И. А. — М.: Аграф, 1999. — 384 с. (Символы времени).

* Из мира уйти неразгаданной: Жизнеописание; Письма 1908-1928 годов; Письма Б.А. Лемана к М.А. Волошину / Сост., подг. текстов, примеч. Владимира Купченко и Розы Хрулевой. Феодосия; М.: Изд. дом "Коктебель", 2009

* Маришак С. Я., Е. И. Васильева. Театр для детей. Краснодар, 1922.

Một số bài thơ:

ANH CÒN NHỚ VƯỜN XƯA

Anh còn nhớ vườn xưa, nơi lần đầu tiên
Anh thổ lộ với em trong một ngày đầy nắng
Những cây thông non, những cây đoan dịu dàng
Trải lên cát chiếc bóng dài đứt quãng.

Đấy chỉ một khoảnh khắc và rồi vụt biến
Anh cầm tay em – em rảo bước cùng anh
Ngày tháng bầy với ta mỉm cười âu yếm
Hai đứa mình – anh ở trong trái tim em.

Anh còn nhớ vườn xưa, bây giờ hoa lại nở
Như ngày ấy trong mơ cho hai đứa chúng mình
Nhưng lời đã quên, lời hạnh phúc ngày cũ
Thì anh đã đã không còn nhắc lại cùng em.

GỬI MAKOVSKY

Những bông hoa của anh... những bông hoa từ người bạn
Những bông hoa Tây Ban Nha yêu dấu của em.
Em khoanh chúng bằng đường giới hạn tròn
Một giấc mơ của mình rất sâu thẳm.

Em làm say mê bằng ánh mắt đau buồn
Mười hai bông hoa cầm chướng đang rực lửa
Đề trước mắt em, bên những bông hoa đó
Từ bóng tối hiện về hình bóng của anh.

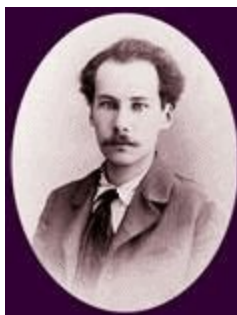
Và em sẽ nói... ồ không, không cần
Vì em không biết đến những lời lặng lẽ.
Và trong giây phút này em rất vui vẻ
Trước vẻ lặng im của hoa cầm chướng dịu dàng.

NHỮNG BÔNG HOA MÀU TÍM

Những bông hoa gia sậy khô màu tím
Mà mỗi ngày anh mang đến tặng em
Ôi những bông hoa ngây thơ sâu thẳm
Những bông hoa của mối tình anh!

Đầu óc mê muội của anh không hiểu
Khoa học thanh tao, tinh tế của tình
Cái miệng nhỏ của em làm cho méo
Cả nụ cười chán ngắt của em.

Anh đã từng say mê dịu ngọt
Thuốc độc xưa của những hồn em
Nhưng em bằng ánh mắt mỗi một
Làm tàn phai những bông hoa không cần.



Andrei Bely (tiếng Nga: Андрей Белый) là bút danh của **Boris Nikolaevich Bugaev** (16 /10 /1880 – 8/2/1934) là nhà thơ, nhà văn, nhà phê bình, một đại diện tiêu biểu của trường phái ấn tượng Nga.

Tiểu sử:

Andrei Bely sinh ra trong gia đình giáo sư toán học Nicolai Vasilevich Bugaev và sống những năm tháng đầu đời ở đường phố Arbat, trung tâm của Moskva. Những năm 1891 – 1899 học ở trường gymnazy Polivanov nổi tiếng mà những năm cuối rất say mê Phật giáo và thuyết huyền bí cùng với văn học. Andrei Bely chịu ảnh hưởng của Dostoievsky, Soloviev, Ibsen, Nietzsche. Năm 1903 tốt nghiệp khoa toán-lí, Đại học Moskva. Các năm 1904-1905 học tiếp ở khoa lịch sử và ngôn ngữ của trường này. Sự làm quen với những thành tựu mới nhất của vật lí, toán học và các môn khoa học khác (khái niệm về thời gian, không gian, về cấu trúc vật chất...) được Andrei Bely thể hiện trong các hình tượng văn học cũng như trong những tác phẩm triết học về văn hóa.

Năm 1904 Andrei Bely làm quen với Aleksandr Blok và họ trở thành những người bạn thân của nhau. Thời gian này vợ của A. Blok là Lyubov Mendeleeva, con gái của nhà bác học vĩ đại D. I. Mendeleev thường than phiền với Andrei Bely về chuyện Blok có quan hệ với rất nhiều cô gái xinh đẹp, dễ tính mà đâm ra chảnh mảng với cô. Thế rồi điều gì phải đến đã đến, một hôm Lyubov Mendeleeva thổ lộ tình yêu của mình với Andrei Bely và nhận được tình cảm đáp lại. Họ trở thành những người tình. Năm 1906, A. Blok viết vở kịch nổi tiếng *Quán ván* (Балаганчик) về một tam giác tình yêu làm cho Lyubov Mendeleeva rất khó xử, quyết định tạm chia tay với người tình để trở về với chồng. Thời gian này Andrei Bely từng có định tự tử nhưng không thành. Cuối cùng Andrei Bely cũng đủ can đảm để chia tay với người tình để đi ra nước ngoài.

Thời gian hai năm sống ở nước ngoài Andrei Bely sáng tác hai tập thơ, chủ yếu viết về người tình và A. Blok. Trở về nước Nga, Andrei Bely cưới Asya Turgeneva và họ cùng nhau đi du lịch sang Sicilia – Tunisia – Ai Cập – Palestine và chỉ trở về Nga năm 1916. Sau cách mạng tháng Mười, Andrei Bely dạy lý thuyết văn học cho các nhà văn cách mạng ở trường Đại học Văn hóa vô sản Moskva.

Năm 1918 Asya Turgeneva bỏ Andrei Bely để đi lấy chồng khác. Mãi đến năm 1929 ông mới lấy vợ khác – là một người phụ nữ bỏ chồng của mình và tự nguyện đến với ông. Andrei Bely chết trên tay người vợ này ngày 8 tháng 2 năm 1934.

Andrei Bely là người thành công trong cả văn xuôi cũng như thơ. Ông được người đến nhớ đến như hình tượng của một *Hoàng tử Buồn* trong văn học.

Tác phẩm:

Văn xuôi:

- * Симфония, 1902
- * Северная симфония, 1904
- * Возврат, 1905
- * Кубок метелей, 1908
- * Серебряный голубь, 1909
- * Трагедия творчества. Достоевский и Толстой, 1911
- * Символизм, 1910
- * Луг зелёный, 1910
- * Арабески, 1911
- * Котик Летаев, 1914-1915
- * Рудольф Штейнер и Гёте в мировоззрении современности, 1917
- * Крепённый китаец, 1921
- * На перевале, 1918-1919
- * Москва («Московский чудак», «Москва под ударом», 1926)
- * Маски, 1932
- * Ритм как диалектика и „Медный всадник, 1929

Các tập thơ:

- * Золото в лазури, 1904
- * Пепел, 1909
- * Урна, 1909

Thư mục:

- * А. В. Лавров. Белый Андрей // Русские писатели. 1800—1917: Биографический словарь, гл. ред. П. А. Николаев, Т. 1: А — Г. - М., 1992. С. 225—230.
* К. А. Кедров. Многоочитая сфера Андрея Белого // К. А. Кедров. Поэтический космос. 1989 (то же: Метаметафора, 1999; Паралельные миры, 2002; Метакод, 2005).
* Моника Спивак. Андрей Белый — мистик и советский писатель. — М.: РГГУ, 2006. 578 с.

TÌNH YÊU

Giờ dịu êm. Sóng vỗ dưới bàn chân
Em mỉm cười, thì thầm lời già biệt:
“Mình gặp lại nhau... trước ngày hẹn gặp...”
Hai đứa mình đều hiểu đây dối gian.

Rằng chúng mình vĩnh biệt đến ngàn năm
Cả bầu trời cháy lên màu đỏ thắm
Những cánh buồn trên con tàu nổi giận
Tiếng hải âu kêu trên sóng dập dờn.

Anh nhìn xa, ngực nhói một nỗi buồn
Trên con tàu giữa hoàng hôn rã sóng
Như chim thiên nga giăng ra đôi cánh
Giữa dịu dàng, giữa bọt sóng màu lam.

Và con tàu đi về chốn vô biên.
Giữa nền trời một màu vàng tái nhợt
Bỗng hiện ra một đám mây mờ mịt
Và bùng cháy lên màu tím thạch anh.

GỬI ASYA

(Trong lần già biệt)

Màu thanh thiên bỗng tái nhợt xanh xao
Những tảng đá như đang nhìn vào bóng
Từ trong đêm đen chuyển vào ngày nắng
Những đỉnh núi cao ánh sáng lập lòe.

Ngày nối theo ngày, giờ tiếp theo giờ
Thời gian gắn hai ta vào muôn thuở
Đôi con mắt của em như rực lửa
Lửa rực trong bờ mi vẫn khép hờ.

Người bạn thủy chung, cuối cùng, muôn thuở
Đừng trách chỉ sự im lặng của anh
Trong im lặng có sợ hãi, đau buồn
Và hiểu biết của tình không thể tả.



Sasha Cherny (tiếng Nga: Саша Чёрный là bút danh của **Aleksandr Mikhailovich Glickberg**) (13/10/1880 – 5/7/1932) – nhà thơ thể kỉ bạc, nhà văn, dịch giả, nhà phê bình Nga.

Tiểu sử:

Sasha Cherny sinh ở Odessa trong một gia đình Do Thái đông con. Bố mẹ phải làm lễ rửa tội ở nhà thờ rất sớm cho Aleksandr để được vào học trường gymnazy nhưng cậu bé thường xuyên bỏ học đi ăn mày. Chuyện này được đăng trên báo và một quan chức có tên là K. K. Rochet hay làm từ thiện ở Zhitomir đã nhận Aleksandr về nuôi dạy. K. K. Rochet là người có ảnh hưởng đến việc phát triển năng khiếu thơ ca của Sasha Cherny.

Từ năm 1900 đến năm 1902 Sasha Cherny phục vụ trong quân đội và một thời gian ngắn làm việc trong ngành hải quan. Năm 1905 chuyển về Saint – Petersburg và in thơ trào phúng ở các tạp chí: «Зритель», «Альманах», «Журнал», «Маски», «Левый»... Sasha Cherny bắt đầu nổi tiếng từ thời kì này và, như nhà văn Korney Chukovsky viết: “hễ mua được tờ tạp chí mới thì trước hết bạn đọc đi tìm đọc thơ của Sasha Cherny...”

Từ năm 1906 đến năm 1908 sống ở Đức, học tại Đại học Heidelberg. Trở về Saint-Petersburg Sasha Cherny cộng tác với nhiều tạp chí và báo in hai tập thơ và trở thành nhà văn thiếu nhi cũng nổi tiếng không kém thơ. Những năm Thế chiến I ông tham gia quân đội và viết tập thơ *Chiến tranh* (Война). Năm 1920, không thừa nhận chính quyền cách mạng, ông cùng vợ đi sang sống ở châu Âu (đầu tiên ở Kovno - Litva, sau ở Berlin – Đức) in tác phẩm ở các tạp chí Nga hải ngoại. Từ năm 1924 sống ở Paris và tham gia tích cực vào đời sống văn học của cộng đồng

Nga ở Pháp. Năm 1929 ông mua đất xây nhà ở làng La Favière, vùng Provence, miền nam nước Pháp làm nơi qua lại của nhiều văn nghệ sĩ Nga sống ở Pháp.

Sasha Cherny qua đời ngày 5 tháng 7 năm 1932 sau khi chạy sang giúp chữa cháy ở một trang trại gần nhà, khi trở về ông nằm nghỉ và mãi mãi không còn ngồi dậy. Phần mộ ông hiện ở nghĩa trang Lavandou, miền nam nước Pháp. Ngoài sáng tác thơ văn, ông còn để lại nhiều bản dịch tác phẩm của Heinrich Heine, Dehmel Rixard, Knut Hamsun... Đỉnh cao sáng tạo của ông là tập thơ được nhạc sĩ thiên tài Shostakovich phổ nhạc.

Tác phẩm:

- * Разные мотивы, 1906
- * Сатиры, 1910
- * Тук-Тук, 1913
- * Жажда, 1923
- * Сон профессора Патрашкина, 1924
- * Дневник фокса Микки, 1927
- * Кошачья санатория, 1928
- * Несерьезные рассказы, 1928
- * Чудесное лето, 1929
- * Румяная книжка, 1930
- * Кому в эмиграции жить хорошо, 1931–1932
- * Белка-мореплавательница, 1932
- * Солдатские сказки, 1933

TÌNH YÊU PHẢI TRỞ THÀNH HẠNH PHÚC

Tình yêu phải trở thành hạnh phúc
Đấy là quyền của tình yêu.
Tình yêu phải là tình yêu đẹp
Đấy là trí tuệ của tình yêu.
Thế anh nhìn thấy tình yêu như thế ở đâu?
Có phải ở các ông nam tào bực đầu?
Hay người ca sĩ trên sân khấu
Ép vào áo ngực chiếc găng tay
Đánh lên vầng sữa
Từ tình yêu của họa mi và của ánh trăng?
Chứ trong những dòng thơ trữ tình
Thì tình yêu được gieo vãi với máu
Và hầu như đói khát thường xuyên?...

Anh quì xuống dưới chân Thần ái tình
Đặt vòng hoa đáng thương kết từ ngải cứu
Mà anh hái từ trong những mảnh vườn hoang...

BÀI THƠ ỪNG KHẨU

Ngày xưa ta như Tin – Tin
Nghe lời tiên ta đi tìm chim xanh!
Và khi người đặt vào cho ta bắc
Ta say sưa, đắm đuối với chim xanh.

Ta đuổi theo biết bao dặm đường
Rồi ta trở về với con Chim Đen!
Còn Chim Xanh mà ta hằng mong mỏi
Ở nước ngoài có gặp hờ Tin - Tin?

*Tin-Tin (Tyltyl) là nhân vật trong tác phẩm "Chim xanh" của Maurice Maeterlinck (giải Nobel Văn học năm 1911). Bè trai Tyltyl và bé gái Mytyl là con của một tiểu phụ theo lời tiên Bértylun đi tìm Chim xanh. Nhưng con chim mà họ cho là chim xanh, thực ra không phải như họ nghĩ. Chim xanh ở trong xứ sở Hoài Niệm đã chết từ lâu. Bà ngoại cho họ con chim sáo mà họ cứ ngỡ là Chim xanh nhưng khi họ già từ xứ sở này thì Chim xanh trở thành đen. Ở trong vương quốc Bóng Tối họ tìm thấy trong vườn Ước Mơ và Ánh sáng ban đêm rất nhiều Chim xanh nhưng những con chim mà họ bắt được đều chết - Tyltyl và Mytyl đã không tìm được con Chim xanh có thể mang lại ánh sáng ban ngày.

KHÔNG KÌM NÉN ĐƯỢC

Người vợ hiền của nhà thơ đã chết
Từng yêu vợ hơn nhuận bút của mình!
Một nỗi đau điên cuồng và khủng khiếp
Nhưng nhà thơ không chết bởi đau thương.

Chôn vợ xong nhà thơ đi về nhà
Một cảm xúc mới trong lòng dâng ngập
Và ông vội vàng viết một bài thơ:
“Người vợ hiền của nhà thơ đã chết”.



Nikolai Alekseevich Klyuev (tiếng Nga: Никола́й Алексе́евич Клю́ев) (22/10/1884 – 25/10/1937) – là nhà thơ Nga, một đại diện của trường phái “thơ nông thôn” của thi ca Nga thế kỉ XX.

Tiểu sử:

Nikolai Klyuev sinh trong một gia đình nông dân ở làng Koshtugy, tỉnh Olonets. Hồi nhỏ học ở làng quê, sau đó học trung học ở Vytegra và Petropavlovsk. Nikolai Klyuev đi tham quan nhiều nơi ở nước Nga và tham gia nhiều giáo phái khác nhau của đạo Thiên Chúa. Ông cũng là người tích cực hưởng ứng cách mạng trong những năm 1905 – 1907.

Nikolai Klyuev in những bài thơ đầu tiên từ năm 1904, sử dụng phong cách thơ của nhóm hình tượng. Tập thơ đầu tiên *Tiếng thông reo* (Сочен перезвон) in năm 1911. Thơ của Nikolai Klyuev được các nhà thơ nổi tiếng đương thời như Aleksandr Blok, Valery Bryusov đánh giá cao. Aleksandr Blok có sự ảnh hưởng lớn đến sáng tạo của Nikolai Klyuev.

Nikolai Klyuev cũng là người có mối quan hệ đặc biệt thân thiết với nhà thơ nổi tiếng Sergei Esenin. Những năm 1915 – 1916 hai người thường xuyên cùng nhau đọc thơ trước công chúng. Sergei Esenin gọi Nikolai Klyuev là “cha đạo dụ dằng” và là người thầy của mình trong những bước đầu tiên. Mặc dù sau đó quan hệ hai người có lúc căng thẳng và phức tạp nhưng Nikolai Klyuev là người có ảnh hưởng đến sáng tạo của Sergei Esenin. Năm 1925 Sergei Esenin tự tử, Nikolai Klyuev in tập thơ *Khóc Esenin* (Плач по Есенин) in năm 1927.

Năm 1927 ông in trường ca *Làng* (Деревня) bị phê bình gay gắt vì nỗi buồn nhớ về một “thiên đường” làng quê bị công cuộc công nghiệp hóa giết chết. Năm 1932 Nikolai Klyuev chuyển từ Leningrad về sống ở

Moskva. Năm 1934 bị bắt vào trại cải tạo ở Tomsk. Năm 1937 ông bị kết tội thành lập tổ chức tôn giáo chống chính quyền Xô Viết và bị xử bắn ngày 25 tháng 10 năm 1937 ở Tomsk.

Tác phẩm:

*Сосен перезвон, 1911
*Братские песни, 1912
*Лесные были, 1913
*Мирские думы, 1916
*Избывные песни, 1920
*Ленин, 1923
*Изба и поле, 1928
*Плач по Есенину, 1927
*Заозерье, 1927

Thư mục:

1. Клюев Н. Сочинения, тт. 1-2. Мюнхен, 1969
2. Клюев Н. Стихотворения и поэмы. Л., 1977
3. Клюев Н. Стихотворения и поэмы. Архангельск, 1989
4. Михайлов А.И. Пути развития новокрестыанской поэзии. Л., 1990
5. Азадовский К.М. Николай Клюев: Путь поэта. Л., 1990
6. Базанов В.Г. С родного берега: О поэзии Клюева. Л., 1990
7. Клюев Н. Стихотворения. М., 1991
8. Шенгалинский В. Рабы свободы: В литературных архивах КГБ. М., 1995
9. Николай Клюев: Исследования и материалы. М., 1997
10. Клюев Н. Сердце Единорога: Стихотворения и поэмы. СПб, 1999

Một số bài thơ:

BẮT ĐẦU VÀ KẾT THÚC

Tình yêu ta giữa mùa hạ bắt đầu
Rồi kết thúc giữa mùa thu tháng chín.
Trong trang phục thiếu nữ rất đơn giản
Em đến bên anh với một lời chào

Trao cho anh trứng phục sinh màu đỏ
Màu tượng trưng của máu thắm, của tình
Em đừng vội về phương bắc, chim non
Hãy đợi mùa xuân ở phương nam nhé!

Khu rừng nhỏ màu xanh nghi ngút khói
Anh và em đều hồi hộp, lặng im
Phía xa xa như có những bức màn
Không nhìn thấy mùa đông đang tàn lụi.

Có những màn sương – con tim linh cảm –
Và âm u chuyển động của rừng xanh

Những dối gian không tránh khỏi, tất nhiên –
Của những buổi chiều âm u màu tím.

Em đừng bay vào sương như chim non
Năm tháng đi vào sương mù màu bạc
Em sẽ trở thành nữ tu tội nghiệp
Vào góc sâu tu viện, trước bậc thềm.

Và có thể khi đó anh đi ngang
Cũng gây gò và đáng thương như vậy...
Em hãy cho anh đôi cánh thiên thần
Để bay theo em mà không nhìn thấy.

Nên em ơi chớ lãng tránh câu chào
Để rồi sau không có gì hối hận...
Tình yêu ta giữa mùa hạ bắt đầu
Rồi kết thúc giữa mùa thu tháng chín.

KHÔNG TIN

Hồn không tin vào tiếng gọi màu đen
Với bóng ma của đêm không gặp gỡ.
Em như mùa thu, tốt lành, sáng sủa
Nhưng nghiêm hơn, âu yếm cũng ngấn hơn.

Những con sếu khi bay qua cánh đồng
Với tiếng kêu lê thê dài, thảm thiết
Và đoạn đầu dài sẽ không cách biệt
Em với nỗi buồn như với thiên nhiên.

Và mùa thu không chỉ có một lần
Khóc về em – xa xôi không còn nữa
Sau chén rượu say sưa, người đao phủ
Cúi xuống mái đầu nghiệt ngã đáng thương.

NGƯỜI TA BẢO ANH RẰNG EM ĐÃ CHẾT

Người ta bảo anh rằng em đã chết
Cùng với mùa thu lá rụng màu vàng
Và bây giờ rục rờ ánh hào quang
Ngự trị cơn mưa rừng chưa từng biết.

Anh sẵn sàng quên như người lữ thứ
Từng ngỡ như em to lớn vô cùng
Màu lá đỏ của mùa thu đã sang
Biết bao lần đã cùng anh ngắm nhá.

Nghe nói rằng em đã không còn nữa
Nhưng liệu có phai tia nắng của tình:
Chẳng lẽ ánh mắt – không âu yếm của em
Và tia sáng – không nụ hôn em đó?



Vyacheslav Ivanovich Ivanov (tiếng Nga: Вячеслав Иванович Иванов, 16 tháng 2 năm 1866 – 16 tháng 7 năm 1949) là nhà viết kịch, nhà thơ Nga, ông cũng là nhà triết học, nhà phê bình, dịch giả.

Tiểu sử:

Vyacheslav Ivanov sinh ở Moskva trong gia đình một công chức. Bố mất sớm, mẹ là người từ đầu đã biết rằng con mình sẽ trở thành một nhà thơ. Học xong trường gymnazy, Vyacheslav Ivanov vào học khoa lịch sử - ngôn ngữ Đại học Moskva, hai năm sau sang Đức học Đại học Berlin, tiếp tục học ngôn ngữ, lịch sử và triết học. Thầy giáo lịch sử của ông là Theodor Mommsen (giải Nobel Văn học năm 1902), luận văn tốt nghiệp của ông viết về lịch sử La Mã. Vyacheslav Ivanov đi du lịch nhiều nơi ở châu Âu, châu Phi. Ông sống thường xuyên ở Đức, Pháp, Ý,

Thụy Sĩ, đi sang Ai Cập, Palestin. Vyacheslav Ivanov say mê triết học và chịu ảnh hưởng của Vladimir Solovyov, Friedrich Nietzsche.

Năm 1907, vợ đầu của ông mất, năm 1910 ông cưới vợ lần thứ hai – một người bạn, người học trò của ông. Năm 1911 ông in tập thơ *Cor ardens* gồm những bài thơ viết về người vợ đã mất. Năm 1913 ông tham gia Hội Triết học và Tôn giáo mang tên Vladimir Solovyov, làm quen với nhiều nhà tư tưởng nổi tiếng thời đó. Những năm 1918 – 1920, ông là một trong những người tổ chức và lãnh đạo ban văn học, sân khấu của Bộ Văn hóa, tham gia giảng dạy ở nhiều trường đại học, tuy vậy ông vẫn nuôi ý đồ ra sống ở nước ngoài. Năm 1921 ông đi về vùng bắc Kavkaz, dạy ngôn ngữ cổ điển ở Đại học Baku. Năm 1924, nhờ sự giúp đỡ của Bộ trưởng Lunacharsky, ông được ra nước ngoài công tác nhưng sau đó không quay trở lại Liên Xô. Ông nói với những người thân của mình rằng: “Tôi đến Roma để sống và chết ở đó”. Thời gian ở nước ngoài, ông không tham gia các hoạt động chính trị của các đảng phái lưu vong, chỉ tập trung cho việc sáng tác, dạy học và nghiên cứu khoa học. Ông thường xuyên đăng bài ở các tạp chí tôn giáo của Đức và Pháp.

Vyacheslav Ivanov mất ở Roma năm 1949.

Tác phẩm:

- * «Кормчие звёзды», СПб, 1903;
- * «Прозрачность», М., 1904;
- * «Эрос», СПб, 1907;
- * «Cor ardens», в 2-х тт., М., 1911—1912.
- * «Нежная тайна», СПб, 1912
- * «Младенчество», поэма, Петроград, 1918;
- * «Прометей», трагедия, Петроград, 1919;
- * «Любовь — Мираж», музыкальная трагикомедия, 1923.
- * «Римские сонеты», Рим, 1925;
- * «Достоевский. Трагедия — миф — мистика». Монография (на немецком языке). 1932.
- * «Человек», Рим, 1939;
- * «Свет вечерний», Оксфорд, 1962, опубликован посмертно.
- Phê bình:*
- * «По звездам», СПб, 1909
- * «Бороды и межи», М., 1916
- * «Родное и вселенское», М., 1917.
- Tác phẩm dịch:*
- * «Алкей и Сафо», М., 1914.
- Các tuyển tập:*
- * Собрание сочинений в 6 тт. Т. 1-4, Брюссель, 1971-1987.
- * Стихотворения и поэмы, Л., 1976.
- * Стихотворения. Поэмы. Трагедия. СПб, Академический проект, 1995.

TÌNH YÊU

Ta là hai thân cây cháy bằng bão táp

Là hai ngọn lửa cháy giữa rừng đêm
Là hai ngôi sao bay trong trời đêm
Hai mũi tên có chung cùng số kiếp.

Là hai con ngựa có chung hàm thiếc
Một bàn tay – đỉnh thúc ngựa giờ lên
Là hai con mắt của một ánh nhìn
Hai cánh bay của một niềm mơ ước.

Ta là hai chiếc bóng đau thương – một cặp
Trên phiến đá hoa của một nấm mồ
Nơi vẻ đẹp cổ xưa giờ yên giấc.

Hai bờ môi của một điều ẩn ước
Ta là hai thân của một vị thần
Hai bàn tay của một cây thập ác.

HẠNH PHÚC

Mặt trời tỏa hào quang và nắng ấm
Con tìm hạnh phúc là biết xài hoang
Người hạnh phúc là người đem ban tặng
Một cách hào phóng tình cảm của mình
Có vẻ như với tất cả đỉnh hôn
Người hạnh phúc tươi tỉnh và sống động.

Hạnh phúc không phải xảy ra hằng năm
Mà hạnh phúc kết thúc bằng phút chốc
Hạnh phúc không đợi và không nắm bắt
Linh hồn lên hạnh phúc sẽ đăng quang
Khoác cho hạnh phúc muôn đời lễ phục
Hạnh phúc – là chiến thắng của tình.



Vladislav Felitsianovich Khodasevich (tiếng Nga: Ходасевич, Владислав Фелицианович, 16 tháng 5 năm 1886 – 14 tháng 7 năm 1939) là nhà phê bình, nhà văn, nhà thơ Nga thế kỷ bạc.

Tiểu sử:

Vladislav Khodasevich sinh ở Moskva trong gia đình một thợ ảnh, có gốc gác quý tộc, từng chụp ảnh Lev Tolstoy. Vladislav Khodasevich học trường gymnazy ở Moskva, sau đó vào học khoa luật, rồi khoa lịch sử và ngôn ngữ Đại học Moskva nhưng không tốt nghiệp. Năm 1907 in tập thơ *Молодость*, được coi là tập thơ chưa chín, năm 1914 in tập thơ thứ hai *Счастливы домик* và thường xuyên viết những bài phê bình đăng trên các báo, trở thành một nhà văn, nhà thơ chuyên nghiệp sống được bằng nghề văn. Năm 1917 ông ủng hộ Cách mạng Tháng Hai, khi Cách mạng Tháng Mười thành công ông quay sang cộng tác với những người Bôn-sê-vích. Năm 1922 ông bỏ ra sống ở nước ngoài, đầu tiên sang Đức, năm 1925 sang Paris. Ở Paris, ông làm biên tập của báo *Дни* và báo *Возрождение*.

Năm 1927 in tập thơ *Европейская ночь*, từ đây trở về sau ông ít làm thơ, chỉ tập trung viết phê bình và truyện chân dung. Ông là tác giả của nhiều bộ sách viết về các nhà thơ, nhà văn đương thời có giá trị nghiên cứu. Trong các bài phê bình cũng như các tiểu thuyết, truyện chân dung ông có một lối suy nghĩ độc lập, tránh những vấn đề chính trị mà chỉ mô tả chân dung của nhân vật “trong cái mạng chung của yêu và ghét, của cái riêng và của văn học”. Vladislav Khodasevich mất ở Paris năm 1939.

Tác phẩm:

*сборник «Молодость», 1908
*сборник «Счастливы домик», 1914
*сборник «Из еврейских поэтов» 1918
*сборник «Путь зерна», 1920
*сборник «Тяжёлая лира», 1922
*цикл «Европейская ночь», 1927
*биография «Державин», 1931
*сборник статей «О Пушкине», 1937

Thư mục:

**Богомолов Н. А. Жизнь и поэзия Вячеслава Ходасевича // В кн. Ходасевич В. Ф. Стихотворения. — Л.: 1989. — С. 5-51.*

**Асеев Н. Н. Владислав Ходасевич — М.: 1972.*

**Малмстад Д. Современные записки — М.: 1967.*

**Из истории русской поэзии начала 20в. — М.: 1976.*

**Строфы века. Антология русской поэзии — Минск-М.: 1995.*

**Энциклопедия для детей. Русская литература. 20 век. Аванта+ — М.: 1999.*

**Ходасевич В. Стихотворения — М.: 2003*

LẠI NỮA

Tôi lại khóc. Một buổi chiều thu
Và có thể - nỗi buồn đang gần lắm
Bàn tay tái nhợt lại đã khoác cho
Con tim tôi chiếc áo quan màu trắng.

Thật nặng nề và vô cùng cay đắng
Giờ gặp lại với những tháng ngày...
Và tâm hồn trong bóng đêm vô tận
Đang nhìn ra ngọn lửa đỏ lắt lay.

Sẽ rất lâu nghe rõ trong màn sương
Tiếng khóc đau thương, tiếng khóc cuối tận
Tôi đợi chờ. Tên đao phủ vô hình
Trong bóng đêm, với tôi, đang đi đến.

TÔI KHÔNG BIẾT

Tôi không biết điều gì đau khổ nhất
Vì tôi chưa biết đau khổ bao giờ.
Sự đổi mới — trong khổ đau tốt bậc
Và ngôi sao - ẩn giấu sau sương mờ.

Nếu thường xuyên chỉ những điều dễ chịu
Và mỗi ngày mang đến những bông hoa
Thì ta chẳng biết những gì ngang trái
Ta chẳng biết gì đến những ước mơ.

Ta không hiểu được niềm vui ước muốn
Nếu chỉ “vâng”, người khác trả lời ta.
Tôi không biết được đắng cay khổ tận
Vì tôi chưa biết đau khổ bao giờ.

ĐOẠN MỞ ĐẦU
Gửi Andrei Belyi

Nỗi đón đau say nhất – là Vô vọng
Và câu chuyện nghiêm khắc nhất – là Tình.
Trong con tim, vì dịu dàng cay đắng
Mỗi dòng thơ là dòng máu đang tuôn.

Phận nhà thơ – đóng đinh và đánh đập
Và kết thúc bằng vương miện mũ gai.
Ai viết bài thơ về những vòng tay
Buông tay ra – sẽ trở thành người chết.

Hãy bình tĩnh! Tất cả rồi kết thúc.
Đừng đi đâu! Sẽ chẳng có cung tên
Mà có lẽ, cần né tránh nhẹ nhàng
Bước chân Số phận vô cùng chắc chắn.

Trong con tim, vì dịu dàng cay đắng
Dòng máu tuôn ra bằng rượu màu đen...
Nỗi đón đau say nhất – là Vô vọng
Và câu chuyện nghiêm khắc nhất – là Tình.



Nadezhda Teffi (tiếng Nga: Надежда Тэффи) là bút danh của Nadezhda Aleksandrovna Lokhvitskaya (tiếng Nga: Надежда Александровна Лохвицкая, 9 tháng 5 năm 1872 - 6 tháng 10 năm 1952) là nữ nhà văn, nhà thơ Nga sau cách mạng sống lưu vong ở nước ngoài. Teffi là em gái của nữ nhà thơ Mirra Lokhvitskaya.

Tiểu sử:

Teffi sinh ở Sankt-Peterburg, là con gái của một giáo sư luật và chủ tạp chí *Судебный вестник* (Người đưa tin tư pháp). Bắt đầu in thơ từ năm 1901 theo tên thật, bút danh Teffi xuất hiện từ năm 1907, khi in một số truyện và vở kịch *Женский вопрос* (Vấn đề phụ nữ). Teffi là tác giả thường xuyên của tạp chí *Satyrikon* từ năm 1908, đến năm 1918 tạp chí này bị đình chỉ.

Năm 1918 Teffi cùng nhà văn Averchenko đi Kiev, sau đó đi về miền nam nước Nga: Odessa, Novorossisk..., sau đó lên tàu biển đi qua Konstantinopol đến Paris năm 1920. Ở Pháp, bà tiếp tục viết văn, làm thơ phục vụ cộng đồng người Nga ở Pháp. Thế chiến II nổ ra, bà tiếp tục ở Paris. Những năm sau chiến tranh bà tập trung viết hồi ký về các nhà văn, nhà thơ đương thời - từ Kuprin, Banmolt đến Rasputin. Teffi mất ở Paris năm 1952.

Tác phẩm:

- * *Семь огней*, изд. "Шиповник", СПб, 1910
- * *Юмористические рассказы*, кн. 1, изд.
- * *"Шиповник"*, СПб, 1910; кн. 2. *Человекообразные*, СПб, 1911
- * *И стало так*, СПб, 1912
- * *Карусель*, СПб, 1913
- * *Миниатюры и монологи*, т. I, изд. М. Г. Корнфельда, СПб, 1913
- * *Дым без огня*, СПб, 1914; *Ничего подобного*, П., 1915
- * *Неживой зверь*, П., 1916
- * *Вчера*, Петроград, 1918 (все в изд. "Новый сатирик")
- * *Тихая заводь*, Париж, 1921
- * *Рысь*, Париж, 1923
- * *Взамен политики. Рассказы*, "ЗиФ", Москва - Ленинград, 1926
- * *Вчера. Юмористич. рассказы*, изд. "Космос", Киев, 1927

* Танго смерти, изд. ЗиФ, М., 1927
* Книга Июнь, Париж, 1931
* О нежности, Париж, 1938

Một số bài thơ:

ĐÃ TẮT NGỌN ĐÈN EM

Đã tắt ngọn đèn em...
Đêm nhìn vào cửa sổ...
Em không cần ai cả
Em đã chết từ lâu!

Em chết trong mùa xuân
Trong giờ chiều tĩnh lặng...
Đừng nói gì với em
Đôi mắt em vẫn nhắm.

Lần nữa chẳng hồi sinh
Ý nghĩ về hạnh phúc
Lời ác độc màu đen
Trong tim này thối thức...

Đã tắt ngọn đèn em...
Giờ bóng đêm vây chặt
Em không cần nước mắt.
Hãy cầu nguyện cho em!

BÀI CA VỀ TỬ ĐÌNH HƯƠNG MÀU TRẮNG

Cho em lời thăm hỏi để lòng vui
Khoác cho em vòng hoa lên mái tóc!
Trong ngày vui một mùa hè hạnh phúc
Tử đình hương màu trắng nở hoa rồi.

Em chỉ muốn tình anh không trở lại!
Trong một ngày thật oi ả, thật nồng!..

Mùi hương thuốc độc trong giờ hoàng hôn
Tử đinh hương màu trắng say chơi với.

Ngày đã tắt, và em lại lên đường
Trong bóng đêm, vào bóng đêm trong suốt
Trong giấc mộng của bầu trời ngày trước
Tử đinh hương màu trắng đã không còn.

TÌNH YÊU TÔI

Tình yêu tôi, người ta đã đem chôn...
Một nỗi buồn như áo quan màu trắng
Trùm lên xung quanh tình yêu và cuộn
Nước mắt bằng những sợi chỉ kim cương.

Và sau đó rất lâu về tình
Lý trí khổ đau đã đọc
Và linh hồn khóc lóc
Cầu xin tĩnh lặng cho tình.
Muôn thuở tình yêu!
Trong tim này - muôn thuở!

Những ý nghĩ màu đen theo tình
Những ý nghĩ màu đen theo đưa đám
Con tim của tôi điên cuồng, nổi loạn
Thôn thức, nước nở về tình...

Tình yêu tôi, người ta đã đem chôn
Sự lãng quên giống như tấm đá
Nặng nề nằm trên mộ chí...
Hãy lặng im... và xin hãy quên tình!
Muôn thuở tình yêu!
Trong tim này - muôn thuở!

EM TÓC VÀNG

*"Ta lịm người vì đau khổ ngọt ngào
Khổ đau này họa mi không biết đến".
Fyodor Sologub.*

Em tóc vàng và đôi mắt màu xanh
Anh không phải dành cho em - em biết
Em đi ngang qua nhún nhường, qui phục
Và sự lặng im kiêu hãnh giữ gìn.

Và em biết - có một đời sống khác
Nơi mà em rất thanh mảnh, nhẹ nhàng
Nơi em kiệt sức, mệt lử vì tình
Em tự mình dưới chân anh phủ phục...

Và lịm người vì đau khổ ngọt ngào
Khổ đau này họa mi không biết đến
Anh ve vuốt bàn tay em thanh mảnh
Và mái tóc đen nhánh ở trên đầu.

Còn ở đây không theo lời nguyện ước
Ngoan như một tên nô lệ, người mà anh
Chiều theo ý muốn không hiểu của em
Và những lời của em không tả được.

Em ở cuộc sống này, mà không biết
Đâu là sự thật, đâu ước mơ em
Cuộc đời nào của em là yêu thương
Cuộc đời này, hay đời kia - không biết.

ĐÊM YÊU EM

Đêm yêu em, và trên bàn tay này
Bàn tay màu đen, đêm đêm siết chặt
Nhưng ngày đến - với đêm, em phụ bạc
Em hát về hạnh phúc, về mặt trời.

Con đường của ngày rộng và pha tạp

Nhưng không giật của em cánh tay đen!
Nỗi buồn ngôi sao khóc và ngân vang
Trong những lời về mặt trời, hạnh phúc.



Georgy Vladimirovich Ivanov (tiếng Nga: Георгий Владимирович Иванов, 29 tháng 10 năm 1894 – 26 tháng 8 năm 1958) – nhà thơ, nhà văn Nga, một trong những nhà thơ hải ngoại lớn nhất của Nga.

Tiểu sử:

Georgy Ivanov sinh ở Kovno (Kaunas, Litva), là con trai của một sĩ quan. Học trường sĩ quan lục quân ở Saint Petersburg. In thơ từ năm 1910, năm 1911 in tập thơ đầu tiên: *Отплытие на остров Цитеры*, tiếp đó là các tập *Горница* (1914) и *Вережск* (1916). Thơ Ivanov chịu sự ảnh hưởng của Igor Severyanin, Nikolai Stepanovich Gumilyov, Mikhail Alekseevich Kuzmin. Là thành viên của *Xưởng thơ* (Цех поэтов) từ năm 1917 và là cộng tác viên thường xuyên của tạp chí *Apollo*.

Tháng 9 năm 1922 Ivanov đi sang Đức. Từ tháng 10 năm 1922 đến tháng 8 năm 1923 ông sống ở Berlin. Tháng 10 năm 1923 ông gặp vợ - nữ nhà thơ Irina Vladimirovna Odoyetseva cũng đã ra nước ngoài từ tháng 8 năm 1922. Sau khi chuyển sang Pháp, Ivanov trở thành một trong những nhà thơ nổi tiếng nhất trong cộng đồng Nga lưu vong ở Pháp. Thập niên 1930 ông cùng với Georgi Victorovich Adamovich thành lập tạp chí *Числа*. Thời kỳ Thế chiến II gia đình ông sống trong vùng bị phát xít Đức chiếm đóng. Từ năm 1955 cho đến cuối đời ông sống ở Hyeres, miền nam nước Pháp.

Tác phẩm:

Thơ:

- * Отплытие на о. Цитеру. Поэзы. (1911, по названию картины Ватто Embarquement pour l'île de Cythere)
- * Горница (1914)
- * "Памятник славы", Изд. Лукоморье, обложка Е. Нарбута, Петроград (1915)
- * Вереск (1916, 2-е изд. в другом составе текстов 1923)
- * "Сады", третья книга стихов, Изд. Петрополис, Петербург (1921)
- * "Лампада" книга первая, Изд. Мысль, Петроград (1922)
- * Розы (1931)
- * Отплытие на остров Цитеру. Избранные стихи (1937)
- * Портрет без сходства (1951)
- * 1943-1958. Стихи (1958)
- * Несобранное, Orange/CT. 1987

Văn xuôi:

- * Петербургские зимы (1928) В воспоминаниях Иванова дана художественная, написанная без соблюдения хронологии, картина литературной жизни и портреты близких ему писателей. При этом реальные события и факты Иванов вольно совмещал с легендами, слухами и собственными фантазиями, что вызвало резко негативные отклики некоторых современников, в частности М.Цветаевой и А.Ахматовой.
- * Третий Рим. Роман, ч. 1 // «Современные записки», №39-40, 1929; фрагменты из ч. 2 // «Числа», №2-3, 1930
- * Распад атома (1938)
- * Книга о последнем царствовании. Исторические эссе, Сост. В. Крейд, Orange/CT., 1990

Các tuyển tập:

- * Иванов Георгий. Стихотворения. Третий Рим (роман). Петербургские зимы. Китайские тени. Литературные портреты. Сер: Из литературного наследия. М. "Книга" 1989
- * Иванов Г. Собрание сочинений, тт. 1-3. М., 1994
- * Иванов Г. Закат над Петербургом. М., 2002 («ОЛМА-ПРЕСС»)
- * Иванов Г. Стихотворения. СПб., 2004 («Новая библиотека поэта»)
- * Иванов Г.В. Название: "Стихи. Проза". Город: Екатеринбург. Из-во: "У-Фактория". Серия: "Российская поэзия". Год: 2007.

Một số bài thơ:

TIẾNG CHIM HỌA MI

Tiếng chim họa mi trên rừng trúc đào
Cửa bờ giàu đóng vào nghe buồn bã
Trăng ghé vào sau đám mây. Còn ta
Đang kết thúc con đường trần đau khổ.

Đường đau khổ ta từng thấy trong mơ
Với lưu đày, tình yêu và lầm lỡ.
Nhưng không quên điều với ta đã hứa
Hồi sinh bằng thơ về lại nước Nga.

NHỮNG CƠN LẠNH ĐANG ĐẾN

Những cơn lạnh đang đến
Những chiếc lá lìa cành
Nước sẽ thành băng cứng
Còn em, tình của anh?

Và tuyết trắng, tuyết trắng
Sẽ bao phủ mặt sông

Đời không còn sung sướng...
Còn em, tình của anh?

Nhưng với xuân yêu thương
Tuyết sẽ tan trở lại
Ánh sáng quay trở lại
Còn em, tình của anh?

MÙA XUÂN

Mùa xuân không thể nói gì cùng ta
Có thể là, mùa xuân không tìm được.
Chỉ quăng đường u ám giữa nhà ga
Những ngọn đèn sáng lên trong phút chốc.

Chỉ ai đó cúi đầu trên sân ga
Chào ai đó giữa trời đêm xanh biếc
Chỉ vương miện sáng lên rất yếu ớt
Phía trên mái đầu bất hạnh của ta.

ANH KHÔNG XIN TÌNH

Anh không xin tình, chẳng hát về mùa xuân
Nhưng em hãy nghe anh hát chỉ một mình.

Chẳng lẽ anh đã có thể làm gì, em tự xét
Không điên cuồng khi đưa mắt nhìn tuyết.

Khu vườn giản đơn, một ngày bình thường
Nhưng vì sao khắp nơi tiếng chuông ngân.

Họa mi hót vang và hoa trên tuyết
Em hãy nói vì sao, hay em chẳng biết?

Chẳng lẽ anh đã có thể làm gì, em hãy xem

Không điên cuồng khi nhìn vào mắt em?

Anh không nói “hãy tin” và “hãy nghe” gì hết
Nhưng biết rằng em cũng đang nhìn tuyệt.

Tình yêu của anh nhìn qua bờ vai em
Vào thiên đường tuyết, nơi có hai chúng mình.



Georgi Victorovich Adamovich (tiếng Nga: Геóргий Вíкторович Адамо́вич) (7-4/1892 – 21-2/1972) là nhà thơ, nhà phê bình, dịch giả.

Tiểu sử:

Georgi Adamovich sinh ra trong gia đình một sĩ quan quân đội, học khoa lịch sử - ngôn ngữ Đại học Saint Petersburg. Năm 1914 bắt đầu làm quen với những nhà thơ phái Đỉnh cao và sau đó tham gia „*Xưởng thơ*” (Цех поэтов). Là một trong số những học trò của Nikolai Gumilyov. Quyển thơ đầu tiên của Adamovich, *Những đám mây* (Облака, 1916) được Gumilyov đánh giá cao.

Sau cách mạng Tháng Mười, cũng giống như nhiều nhà thơ khác cùng phái Đỉnh cao, Adamovich tập trung cho dịch thuật. Ông dịch các nhà thơ, nhà văn Pháp: Voltaire, Baudelaire, Heredia, dịch các nhà thơ Anh : Thomas Moore, Byron. Năm 1923 ông ra sống ở nước ngoài, đầu tiên sang Berlin, sau đó sang Pháp. Thời kỳ này ông dịch Jean Cocteau, Saint – John Perse và Albert Camus. Năm 1934 ông làm biên tập của tạp chí *Gặp gỡ* (Встречи) và thành lập nhóm thơ *Nốt nhạc Paris* (Парижская нота).

Tháng 9 năm 1939 ông gia nhập quân đội Pháp, tham gia phong trào kháng chiến chống phát xít. Năm 1947 ông viết cuốn *Một quê hương khác* (Другая родина) thể hiện sự ủng hộ Stalin và chính quyền Xô Viết bị coi là sự phản bội đối với những văn nghệ sĩ sống ở nước ngoài. Năm 1967 ông xuất bản cuốn *Phê bình* (Комментарии) tập hợp nhiều bài phê bình được đánh giá cao. Quyển thơ thứ hai của ông *Ở phương Tây* (На Западе) in vào năm 1939. Quyển thơ cuối cùng *Thống nhất* (Единство) in năm 1967 tại Mỹ. Georgi Adamovich mất ngày 21 tháng 2 tại Nice, Pháp.

Tác phẩm:

Thơ:

- * Những đám mây (Облака, 1916)
- * Tĩnh ngục (Чистилище, 1922)
- * Ở phương Tây (На Западе, 1939)
- * Thống nhất (Единство, 1967)

Phê bình:

- * Một quê hương khác (Другая родина, 1947)
- * Sự cô đơn và tự do (Одиночество и свобода, 1955)
- * Về những cuốn sách và tác giả (О книгах и авторах, 1966)
- * Phê bình (Комментарии, 1967)

Một số bài thơ:

TUỞNG NHỚ MARINA TSVETAeva

Ta hãy trò chuyện, dù bây giờ, Marina
Khi sống thì không cần. Giờ chị không còn nữa.
Nhưng mà tôi vẫn nghe giọng thiên nga
Như người báo tin mừng, người đưa tin tai họa.

Khi sống thì không cần. Tôi không buộc tội.
Văn chương là đi vào địa ngục thôi mà
Cửa đi vào – mừng vui không giấu nổi
Nhưng chẳng một ai tìm thấy đường ra.

Tôi không có lỗi. Đời đón đau nhiều thế.
Và tôi cũng không trách chị điều gì.
Tất cả đều ngẫu nhiên, tất cả đều nô lệ
Sống thật diệu kỳ. Ta sống chẳng ra chi.

THÔI TRÒ CHUYỆN

Thôi trò chuyện và bỏ uống rượu vang
Bỏ lại ngôi nhà, bỏ lại vợ con
Bỏ bạn bè. Linh hồn anh phải hiểu
Rằng không quay lại nữa - cái đã từng.

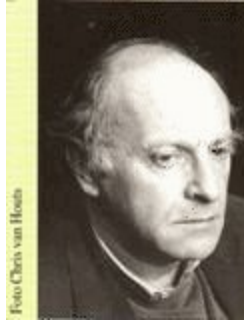
Thôi yêu quá khứ. Và rồi sau đó
Đến một ngày thôi yêu cả thiên nhiên
Ngày lại ngày hờ hững cùng tất cả
Tuần lại tuần và năm lại theo năm.

Và ngay lập tức sẽ chết những ước mơ
Bóng tối khắp nơi. Và trong đời mới
Khi đó anh sẽ rõ ràng nhìn thấy
Thập ác gỗ và một chiếc mũ gai.

NGƯỜI TA CẦU XIN...

Người ta cầu xin sự bố thí của em
Người ta nghèo – chìa bàn tay ra đó
Em hãy đáp lại nỗi lòng đau khổ
Bằng nụ cười, bằng ánh mắt, lặng im.

Và lại, khổ đau vẫn có hân hoan
Em không hiểu. Sự hân hoan chịu nhục
Những đêm không ngủ, có trời biết được
Sung sướng buổi mai, tha thứ gì chẳng.



Joseph Brodsky (1940-1996) - nhà thơ Mỹ gốc Nga, giải Nobel Văn học năm 1987, sinh ngày 24-5-1940 tại Leningrad (Liên bang Nga). Cuộc đời của nhà thơ này từ nhỏ đã có những chi tiết thú vị. Thời thơ ấu Brodsky sống trong một căn hộ nhỏ của ngôi nhà mà trước cách mạng tháng Mười đã từng sống hai nhà thơ Nga sau đó cũng ra sống ở nước ngoài: Merezhkovsky và Zinaida Gippius. Học ở trường phổ thông mà ngày trước Alfred Nobel đã từng học và năm 1987 được trao giải Nobel Văn học...

Thuở nhỏ Brodsky mơ ước trở thành bác sĩ nhưng 15 tuổi đã phải nghỉ học vì mưu sinh. Sau đó, tự học tiếng Anh, tiếng Ba Lan, nghiên cứu truyền thuyết, tôn giáo và triết học; 16 tuổi bắt đầu làm thơ; 17 tuổi hoàn thành tập thơ nổi tiếng *Vĩnh biệt, hãy quên, đừng trách cứ gì nhau...* và được công nhận là một nhà thơ, một dịch giả tài năng. Năm 1963 J. Brodsky bị kết tội "ăn bám xã hội" và gửi đi cải tạo 5 năm ở miền bắc Nga. Nhờ sự phản đối của các nhà văn trong và ngoài nước hai năm sau ông được trở về Leningrad. Năm 1972, ông lại bị trục xuất, phải sang Vienna, London và cuối cùng là Hoa Kỳ. Từ đây, Brodsky sáng tác bằng cả tiếng Nga và tiếng Anh. Năm 1977, ông nhập quốc tịch Mỹ và làm giáo sư văn học cho trường Cao đẳng Five College ở Mount Holyoke, bang Massachusetts. Năm 1978, Đại học Yale trao cho J. Brodsky bằng tiến sĩ văn học danh dự. Năm 1979, ông trở thành thành viên của Viện Hàn lâm Nghệ thuật - Văn chương Mỹ. Năm 1981, ông được Quỹ John D. và Catherine T. MacArthur trao tặng giải thưởng cho các tác phẩm thiên tài. Năm 1986, cuốn tiểu luận về nghệ thuật và chính trị *Ít hơn một* của ông được giải thưởng của Nhóm các nhà phê bình sách Quốc gia (Mỹ).

Brodsky sáng tạo nên một thể giới thơ ca độc đáo được thể hiện bằng những quan niệm của nghệ thuật hậu hiện đại. Các nhà phê bình coi ông "là người tổng kết thơ ca thế kỷ XX". Joseph Brodsky mất ở Mỹ ngày 28-01-1996.

Tác phẩm:

- Vĩnh biệt, hãy quên, đừng trách cứ gì nhau... (Прощай, забудь и не обессудь, 1957), thơ.
- Khúc bi ca lớn gửi Donne John (Большая элегия Джону Донну, 1963).
- Thơ và trường ca (Стихотворения и поэмы, 1965), thơ.
- Trạm dừng trong sa mạc (Остановка в пустыне, 1970), thơ.
- Kết thúc thời tốt đẹp. Thơ những năm 1964-71 (Конец прекрасной эпохи. Стихотворения 1964-71, 1977), thơ.
- Một phần của lời nói. Thơ những năm 1972-76 (Часть речи. Стихотворения 1972-76, 1980), thơ và bài viết.
- Những khúc bi ca La Mã (Римские элегии, 1982), thơ.
- Những bài từ tuyệt mới gửi Augusta (Новые стансы к Августе, 1983), thơ.
- Căm thạch (Мрамор, 1984), kịch.
- Ít hơn một (Меньше единицы, 1986), tiểu luận.
- Lịch sử thế kỉ hai mươi (History of the twentieth century, 1986), thơ.
- Urania (Уrania, 1988), thơ.
- Bút kí dương xỉ (Заметки папоротника, 1990).
- Trên các nẻo Atlantida (На околицах Атлантиды, 1992).
- Bờ sông của những kẻ vô phương cứu chữa (Набережная неисцелимых, 1992), thơ.
- Hoa văn mờ trên giấy (Watermark, 1992), tiểu luận.
- Nỗi đau và lí trí (Скорбь и разум, 1995), tiểu luận.

VĨNH BIỆT, HÃY QUÊN

Vĩnh biệt
Hãy quên
Đừng trách cứ gì nhau.
Còn những bức thư
Em hãy đốt
Như cầu.
Con đường của em
Sẽ trở thành can đảm
Con đường thẳng
Và sẽ giản đơn.
Rời đây trong màn sương
Sẽ cháy lên cho em
Một vì sao ngời sáng
Và một niềm hy vọng
Của bàn tay sưởi ấm
Bên bếp lửa nhà em.
Rồi sẽ có bão tuyết, mưa giông
Và tiếng gào điên cuồng của lửa
Sẽ có những thành công rực rỡ
Phía trước đợi chờ em
Sẽ tuyệt vời và mạnh mẽ vô cùng
Một trận đánh
Sẽ vang lên trong lồng ngực của em.

Anh hạnh phúc và xin chúc mừng
Cho người, mà có thể
Sẽ đi cùng em
Trên một con đường.
1957.

KHÚC BI CA LỚN GỬI JOHN DONNE(1)

John Donne ngủ say, xung quanh đều ngủ cả.
Giường chiếu, sàn nhà, tường, những bức tranh
ngủ say móc treo, then cửa, thảm, bàn
tủ quần áo, nhà ăn, ngọn nến, rèm cửa sổ.
Tất cả ngủ say. Cốc chén và chai lọ
dao thái bánh mì, bát đĩa sứ, pha lê
cả ngọn đèn đêm, tủ, kính, đồng hồ
cả những bậc cầu thang và cánh cửa.
Đêm ở khắp nơi: trong mắt, trong góc phòng, trong tủ
giữa giấy trắng, trên bàn và cả trong lời
trong củi, trong kìm, trong góc đã tắt rồi
cái bếp lò, và trong từng đồ vật.
Trong áo kamzon(2), trong giày, trong tất
sau lưng ghế, trên giường và cả trong gương
trên thập ác, trong chậu, trên vải trải giường
trong chổi quét sân. Tất cả đều ngủ hết.
Tất cả ngủ say. Cửa sổ rơi đầy tuyết
Mái nhà hàng xóm trắng như vải trải bàn.
Cả khu phố trong giấc ngủ mơ màng
Khung cửa sổ bị cắt ra như chết.
Những vòm cửa, bức tường đều ngủ hết
Đá rải đường, song chắn, những khóm hoa
ánh sáng không bừng lên, không kéo kẹt bánh xe...
những chiếc bàn con, rào giậu và dây xích.
Ngủ say cửa, tay cầm, từng chiếc móc
những ổ khóa ngủ say cả khóa lẫn chìa.
Không còn vang lên tiếng gõ, tiếng thềm thì

Tất cả ngủ say, chỉ tuyết kêu ken két.
Ngủ say những chiếc cân, ngủ say nhà ngục
ngủ say sưa cả những chiếc ghế dài.
Cả dây xích chó, cả mái hiên ngoài.
Mèo ngủ say, những đôi tai dựng ngược.
Luân Đôn ngủ say, cả người lẫn chuột.
Nước và tuyết, ngủ say những cánh buồm
sau những thùng xe tất cả ngủ mơ màng
cả chôn xa xăm với bầu trời ngái ngủ.
John Donne ngủ say. Và biển cùng anh ngủ.
Cát trắng trên bờ cũng ngủ say sưa.
Cả hòn đảo chìm đắm trong giấc mơ.
Mỗi khu vườn khóa bằng ba ổ khóa.
Những con cua, cây tùng, cây phong – ngủ cả.
Những ngọn đồi, những dòng suối, những lối mòn.
Cáo, chó sói. Cả gấu cũng lên giường.
Tuyết rơi đầy trước cửa hang trắng xóa.
Chim cũng ngủ. Tiếng hót không còn nữa.
Qua không kêu, họa mi lặng trong đêm
không tiếng cười. Đồng nước Anh im lìm.
Chuột nhận lỗi lầm. Một ngôi sao lấp lóa.
Tất cả ngủ say. Tất cả nằm trong mộ
những kẻ chết rồi lặng lẽ ngủ yên
kẻ đang sống ngủ say sưa trên giường.
Ai cô đơn, ai trong tình ấp ủ.
Cả núi rừng, những dòng sông đều ngủ.
Ngủ say sưa cả thú dữ và chim.
Chỉ tuyết trắng bay liệng từ trời đêm.
Nhưng rồi lên những mái đầu sẽ ngủ.
Cả những thiên thần cũng say sưa ngủ
cuộc đời quên trong giấc mộng thánh thần
Ngủ say sưa cả Địa ngục, Thiên đàng.
Không một ai giờ này ra đi cả.
Thượng Đế ngủ. Mặt đất giờ xa lạ.
Mắt không nhìn và tai chẳng nghe ra.
Quý sứ ngủ cùng với lòng hận thù
trên những cánh đồng nước Anh trắng xóa.

Thiên thần ngủ với kèn. Những người cười ngựa.
Cùng ngựa ngủ say trong giấc ngủ tròn trành.
Tất cả thiên thần xếp thành một đám đông.
Ôm lấy nhau dưới vòm trời của Chúa.
John Donne ngủ say. Thơ ca đều ngủ cả.
Mạnh yếu chẳng tìm ra, tất cả những vắn
những hình ảnh, những buồn chán, lỗi lầm
cũng như thơ, nằm yên trong từ ngữ.
Mỗi câu thơ như người anh em gần gũi
dù thủ thi bên tai, chỉ một chút nhường.
Nhưng ai ai cũng rất xa thiên đàng
nên nghèo khổ, nỗi buồn đoàn kết lại.
Thơ iambơ cũng ngủ say như vậy.
Thơ cô-rê giống như kẻ canh chừng.
Bên phải, bên trái, ngủ say cả cách nhìn.
Và sự vinh quang cũng ngủ say sau đây.
Những tai họa ngủ say. Ngủ say đau đớn.
Lầm lỗi ngủ say. Thiện và ác ôm nhau.
Lầm lỗi ngủ say. Tuyết rơi trắng một màu
trong không gian vật vãn tìm vết bản.
Tất cả ngủ say. Sách ngủ say thành đồng.
Dòng sông lời thành băng giá lãng quên.
Những dòng sông với sự thật của mình.
Xiềng xích ngủ. Chỉ khua lên rất khẽ.
Tất cả ngủ. Thượng Đế, thiên thần, quỷ sứ.
Cả bạn bè, đầy tớ, những đứa con.
Chỉ tuyết vang lên trong bóng tối con đường.
Tiếng vọng trên thế gian không còn nữa.
Nhưng. Anh có nghe trong bóng đêm băng giá
có ai đó khóc, ai đó thì thầm.
Có ai đó phó thác cho mùa đông.
Và khóc lên. Trong bóng đêm ai đó.
Giọng rất thanh. Mảnh mai như kim nhỏ.
Nhưng chỉ không còn... Người ấy cô đơn
bơi trong tuyết. Khắp nơi lạnh và sương...
Khâu đêm với bình minh... Trên cao đó.
“Thiên thần chẳng? Có ai đang nức nở

mong trở về đợt tuyết như mùa hè
của tình yêu? Trong bóng đêm về nhà.
Anh kêu trong bóng đêm? Câu trả lời chẳng có.
“Dàn đồng ca buồn. Có phải thiên thần nơi đó
nhắc cho ta những giọt lệ ngân vang.
Có phải các người từ già giáo đường
đang mê ngủ. Có phải các người?” – Lặng lẽ.
“Có phải người, Paven? Giọng của người, đúng thế
đã chai sần bởi giọng nói khô khan.
Có phải người, mái đầu bạc trong đêm
khóc ở đó?” Nhưng âm thầm gặp gỡ.
“Có phải bàn tay che mắt nhìn ngó
đôi bàn tay khắp nơi thấy lờ mờ?
Thượng Đế chẳng? Dù ý nghĩ vẫn vơ
Nhưng tiếng khóc nghe chừng rất cao cả”.
“Có phải thiên thần Gabriel thổi gió
trong chiếc kèn, ai đó sửa rất to
chỉ một mình tôi đôi mắt mở ra.
Đang thẳng yên cương những người kỵ sĩ.
Tất cả ngủ say. Trong bóng đêm áp ủ.
Từ trời xanh chó chạy cả một đàn.
Có phải thần Gabriel giữa mùa đông
với chiếc kèn một mình đang nức nở?”

“Không phải - tôi, John Donne, tôi là hồn anh đó.
Tôi một mình buồn thầu tận trời xanh
rằng hồn anh bằng lao động của mình
tạo nên những tình cảm nặng nề và ý nghĩ.
Với những thứ này anh bay lên có thể
giữa những đam mê, giữa những lỗi lầm.
Anh từng là chim thấy nhân dân mình
khi bay trên những mái nhà, mọi ngả.
Anh nhìn thấy cả bao la biển cả.
Địa ngục kia anh nhìn thấy rõ ràng
và sau đó anh nhìn thấy Thiên đàng
trong khổ đau vì đam mê chối bỏ.
Anh nhìn thấy cuộc đời như đảo nhỏ.

Và anh từng gặp gỡ với Đại dương
khắp bốn phía chỉ tiếng rú, bóng đêm.
Anh giật-lùi rồi bay quanh Thượng Đế.
Nhưng hành trang vào trời xanh không thả
để thấy cuộc đời – trăm cái tháp mà thôi
và dải băng sông nhìn thấy từ trời
ngày phán xử không có gì đáng sợ.
Và khí hậu chỉ đứng yên một chỗ.
Tất cả như một giấc mộng đã rồi.
Thượng Đế là ánh sáng trong cửa sổ mà thôi
màn sương đêm trong ngôi nhà xa lạ.
Những cánh đồng không có ai cày cấy.
Không cày tháng năm. Thê kỉ cũng không.
Chỉ rừng vây quanh bốn phía như tường.
Chỉ mưa rơi tí tách trên hoa cỏ.
Người tiều phu đầu tiên với con ngựa nhỏ
chạy tới nơi rồi lạc lối trong rừng
vì sợ hãi đã trèo lên cây thông
trong thung lũng cháy bùng như ngọn lửa.
Tất cả xa xôi. Ở đây nhìn không tỏ.
ánh mắt lặng nhìn những mái nhà xa.
ở đây sáng không nghe tiếng chó nhà
và tiếng chuông hoàn toàn không nghe rõ.
Người tiều phu hiểu rằng xa tất cả
nên đã quay ngựa lại, phóng về rừng.
Ngay lúc này cả người, ngựa, bóng đêm
đã trở thành giấc mơ Kinh Thánh đó.

Không có đường. Tôi khóc lên nức nở.
Đành quay về với sỏi đá mà thôi.
Khi còn sống không thể đến nơi này.
Chỉ sau khi chết tôi về nơi đó.
ánh sáng của tôi ơi, tôi quên anh nhé
trong đất đai quên lãng đến muôn đời
về khổ đau của mong ước tôi bơi
để thân xác, chia ly đem khâu vá.
Tôi ngạc nhiên tiếng khóc nơi ngủ trọ

đang bay vào bóng tối rồi tan ra
tuyết khâu lại ly biệt của hai ta
giật tới-giật lùi, đang bay kim nhỏ.
Không phải tôi thôn thức, – mà anh khóc đó.
Một mình anh nằm trong tủ đựng đồ
một khi tuyết còn bay vào ngôi nhà ngủ mê
một khi tuyết còn bay vào bóng đêm từ đó”.

Giống như chim, anh ngủ yên trong tổ
khao khát cuộc đời sẽ tốt đẹp hơn
đến muôn thuở vào ngôi sao anh tin
ngôi sao này tia sáng không còn nữa.
Giống như chim, tâm hồn anh sạch sẽ
con đường vui, đáng lẽ, phải lỗi lầm
cái tổ quạ, đáng lẽ, tự nhiên hơn
trên bầy xám những tổ chim làm giả.
Giống như chim, ban ngày anh tỉnh ngủ.
Còn bây giờ nằm dưới tuyết trắng tinh
bằng giấc mộng, bằng tuyết trắng khâu lên
khoảng không gian giữa hồn và xác ngủ.
Tất cả ngủ yên. Nhưng còn chờ đợi nữa
hai-ba dòng thơ và những miếng nhe răng
nghĩa vụ nhà thơ - tình yêu của người trần
còn tình yêu tâm hồn dành cho cha xứ.
Nước không rơi lên bánh xe ai đó
là bánh mì nơi trần thế đang vui.
Bởi có thể với ai chia sẻ cuộc đời
thì cái chết ai cùng ta chia sẻ?
Lỡ trên vải. Ai muốn thì cứ xé.
Khắp mọi nơi. Đi. Rồi lại quay về
Giật mạnh nữa! Và chỉ vòm trời kia
trong bóng đêm lấy chiếc kim người thợ.
Ngủ yên. John Donne. Ngủ yên, đừng đau khổ.
áo thùng caftan(3) buồn bã treo cao
Từ mây đen nhìn xuống một ngôi sao
đã bao năm thơ của anh gìn giữ.
1963.

(1) John Donne (Giốn Đôn) (1572-1631) – nhà thơ Anh theo trường phái siêu hình. John Donne hơn 200 năm bị người đời lãng quên. Chỉ đến đầu thế kỷ 20 nhà thơ W. B. Yeats mới tìm thấy bậc tiền bối của mình. J. Brodsky, như ta biết qua bài thơ này, cũng đã đánh giá rất cao John Donne. Thế kỉ XX John Donne, có lẽ, là nhà thơ cổ điển thời thượng nhất ở nước Anh. Ngoài thơ ông còn để lại một quyển sách 3 tập, nổi tiếng như một người thuyết giáo. “Con người không phải là một hòn đảo, không chỉ là tự mình; mỗi người là một phần của lục địa, một phần của tổng thể; nếu biến cuốn đi dù chỉ một hòn đất thì châu Âu sẽ trở nên ít hơn, cũng như nếu biến cuốn đi cả vùng đất mũi hay ngôi nhà của bạn anh, hay ngôi nhà của riêng anh. Cái chết của mỗi con người làm cho tôi trở thành ít lại vì tôi là một phần của nhân loại, và bởi thế anh đừng bao giờ hỏi chúng nguyện hôn ai: chúng nguyện hôn anh đấy”. Những lời này của John Donne được nhà văn E. Hemingway dùng làm đề từ và tên của cuốn tiểu thuyết nổi tiếng “Chàng nguyện hôn ai”.

(2) Kamzon - ảo cổ, thường là ngón tay của dân ông Nga.

(3) Caftan - áo dài cổ của dân ông Nga.

GỬI 100 NĂM A. AKHMATOVA

Trang sách và lửa, lúa và cối xay
mũi giáo nhọn và mái tóc cắt ngắn
Chúa giữ gìn tất cả - đặc biệt là lời
của tha thứ, tình yêu – như là giữ giọng.

Tiếng xương kêu, mạch đập trong những lời
tiếng xéng rung lên đều đều, âm ỉ
đòi chỉ một – chúng từ những bờ môi
vang lên rõ hơn ở nơi trần thế.

Tâm hồn vĩ đại, tôi cúi chào từ bên kia đại dương
tìm ra những gì cho mình, cho những gì tàn úa
chị ngủ trong lòng đất mẹ, cuộc đời mang ơn
tài thơ chị trong lặng câm Hoàn vũ.

NGHĨA ĐỊA DO THÁI

Nghĩa địa Do Thái ở gần Leningrad.
Bờ rào xiêu vẹo làm từ ván mục.
Phía sau bờ rào họ yên nghỉ bên nhau
những nhà buôn, nhà cách mạng, những nhạc công, những nhà luật học.

Họ đã từng ca hát.
Từng dành dụm cho mình.
Rồi đã chết vì người khác.
Nhưng đầu tiên thuế họ đã nộp
và họ tôn trọng chính quyền
trong thế giới này vật chất
họ bàn luận kinh Talmud
và coi mình là những kẻ duy tâm.

Có thể, họ đã nhìn thấy nhiều hơn.
Mà, có thể, họ đã tin mù quáng.
Nhưng họ đã dạy cho trẻ con chịu đựng
và biết kiên tâm.
Lúa mì họ không gieo trồng.
Chưa bao giờ họ gieo lúa cả.
Chỉ đơn giản họ tự nằm xuống đó
như hạt giống trong đất lạnh, giá băng
ngủ say trong giấc ngủ vĩnh hằng.
Còn sau đó
người ta đến thắp nến trên mặt đất
trong ngày lễ Ba ngôi
những người già đói khát, bằng lời
kêu về sự bình yên, ngạt thở vì cơn đói.
Và sự bình yên những người này tìm thấy
trong thể vật chất phân hủy rã rời.

Không có gì để quên.
Không còn gì nhớ hết.
Sau bờ rào xiêu vẹo từ ván mục
bốn cây số cách bến tàu điện cuối cùng.
(*Xem thêm: Các nhà thơ đoạt giải Nobel*)



Sophia Yakovlevna Parnok (tiếng Nga: София Яковлевна Парнок, 12 tháng 8 năm 1885 – 26 tháng 8 năm 1933) là nữ nhà thơ, dịch giả Nga.

Tiểu sử:

Sophia Parnok sinh ở Taganrog trong một gia đình Do Thái giàu có, cả em trai và em gái đều là những nhà thơ, dịch giả nổi tiếng. Bố là chủ nhà thuốc, mẹ là bác sĩ nhưng mất sau khi sinh em trai và em gái (sinh đôi).

Sau khi học xong trường Empress Maria Taganrog Girls Gymnasium, Sophia Parnok sang Thụy Sĩ, học ở Nhạc viện Geneva. Năm 1904 trở về Nga và bắt đầu in thơ từ năm 1906. Từ năm 1913 cộng tác với tạp chí *Северные записки*, in những bài phê bình và thơ, văn xuôi dịch từ tiếng Pháp của Charles Baudelaire, Romain Rolland, Marcel Proust, Henri Barbusse và một số nhà thơ khác. Năm 1914 kết bạn với nữ thi sĩ Marina Tsvetaeva, tập thơ *Подруга* của Tsvetaeva là tập thơ viết tặng Sophia Parnok. Năm 1916 in tập thơ đầu tiên *Стихотворения*. Năm 1917 Sophia Parnok chuyển về sống ở vùng Crimea. Đầu những năm 1920 quay về Moskva tiếp tục làm thơ và dịch thuật.

Sophia Parnok không tham gia một trường phái thơ nào, không ủng hộ sự đổi mới hay cách tân trong văn chương mà chỉ trung thành với trường phái cổ điển. Bà mất ở ngoại ô Moskva năm 1933.

Tác phẩm:

* "Стихотворения" (1916)

* "Розы Пиерис" (1922)

* "Лоза" (1923)

* "Музыка" (1926)

* "Вполголоса" (1928)

Thư mục:

* Бургин Д.Л. *София Парнок. Жизнь и творчество русской Сафо*. — СПб.: «ИНАПРЕСС», 1999. — 512 с.

* *София Парнок. Собрание стихотворений* // Полякова С. В. [Вступительная статья к сборнику]. — СПб.: «ИНАПРЕСС», 1998. — Сс. 440—466.

* *Строфы века. Антология русской поэзии* / Сост. Е. Евтушенко. — Минск; М.: «Полифакт», 1995.

* Burgin D.L. *Sophia Parnok. The Life and Work of Russia's Sappho*. — New York: NY University Press, 1994.

TRONG GIỜ GIÃ BIỆT

Vâng, em một mình. Trong giờ giã biệt
Anh trong lòng báo trước về mồ cô.
Như ngày đầu tiên sinh, chỉ một
Giữa cõi trần gian, chỉ một con người.

Nhưng điều gì trong cơn giận của anh
Thì không phải với mình em, chỉ một
Có phải đã kể cho hai chúng mình

Sự thừa nhận của người lòng tinh khiết.

Không còn gì tốt đẹp, cao hơn hết
Ai một lần đau, dù chỉ một lần
Sẽ không run, đọc câu thơ Tyutchev:
“Người khác làm sao mà hiểu được anh?”

TÔI BUỒN

Tôi buồn như con thú
Buồn bã từng hồi chuông
Tim như chuông gọi cửa
Ai bạo dạn nhấn chuông.

Chuông trống trải hãy rung
Gọi nỗi buồn loảng xoảng...
Vào hố rác, không thương
Vứt đời, khi còn sống.

Vĩnh biệt, Nàng thơ Bạc
Ngọn lửa của ngày tàn
Mi đã từng là nhạc
Cho cõi lòng đau thương!

Không cúi xuống đầu giường
Thôn thức không nắm bắt
Và cầu khẩn: không tình
Không yêu, mà chẳng ghét.

CÓ NÊN NÓI

Có nên nói với anh rằng: em yêu anh?
Không, con tim anh vô cùng tỉnh táo
Chẳng lẽ làm cho thỏa mãn con tim
Bằng câu nói của tình rất liến láu?

Không phải lời nói – mà điều trước đó
Là sự im lặng trong từng phút giây
Anh hãy đầy đọa cho mệt hai người
Và bằng cơn khát hãy làm cho khô.

Than ôi, như mọi lời “vâng ạ”
Mọi lời “em yêu anh” đều ảo là
Bạn tuyệt vời của em ơi, khi nào
Em nói ra, cái điều em có thể.

Nguyễn Viết Thắng dịch, giới thiệu và đóng gói

“170 nhà thơ Nga”

Mọi hình thức sao chép xin dẫn nguồn